



ISSN: 1859 - 042X

Số 10
2016

TẠP CHÍ

Môi trường

CƠ QUAN CỦA TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG

VIETNAM ENVIRONMENT ADMINISTRATION MAGAZINE (VEM) Website: tapchimoitruong.vn



“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong công tác bảo vệ môi trường

**Giải pháp phát triển
nguồn nhân lực
cơ quan quản lý nhà nước
ngành môi trường Việt Nam**

**Tăng cường công tác
bảo tồn các loài
hoang dã nguy cấp
của Việt Nam**

**Các chức năng
và dịch vụ hệ sinh thái
hồ Tây trong bối cảnh
biến đổi khí hậu**



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Nguyễn Văn Tài
(Chủ tịch)
GS. TS. Đặng Kim Chi
TS. Mai Thanh Dung
GS. TSKH. Phạm Ngọc Đăng
TS. Nguyễn Thế Đồng
GS. TS. Nguyễn Văn Phước
TS. Nguyễn Ngọc Sinh
PGS. TS. Nguyễn Danh Sơn
PGS. TS. Lê Kế Sơn
PGS. TS. Lê Văn Thắng
GS. TS. Trần Thực
TS. Hoàng Văn Thúc
PGS. TS. Trương Mạnh Tiến
GS. TS. Lê Văn Trình
GS. TS. Nguyễn Anh Tuấn
TS. Hoàng Dương Tùng
GS. TS. Bùi Cách Tuyến

TỔNG BIÊN TẬP

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

● **Trụ sở tại Hà Nội:** Tầng 7, Lô E2, phố Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội
Phòng Trị sự: (04) 66569135
Phòng Biên tập: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053

Email: tapchimoitruongtcmt@vea.gov.vn

● **Thường trú tại TP. Hồ Chí Minh:**

Phòng A 403, Tầng 4 - Khu liên cơ quan Bộ TN&MT, số 200 Lý Chính Thắng, phường 9, quận 3, TP.HCM

Tel: 08.66814471 - Fax: 08.62676875

Email: tcmtphianam@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số 1347/GP-BTTTT cấp ngày 23/8/2011

Thiết kế mỹ thuật: Nguyễn Việt Hưng

Bìa: Lễ khởi công Dự án “Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá, Thành phố Hà Nội”

Ảnh: TTXVN

Chế bản & in:

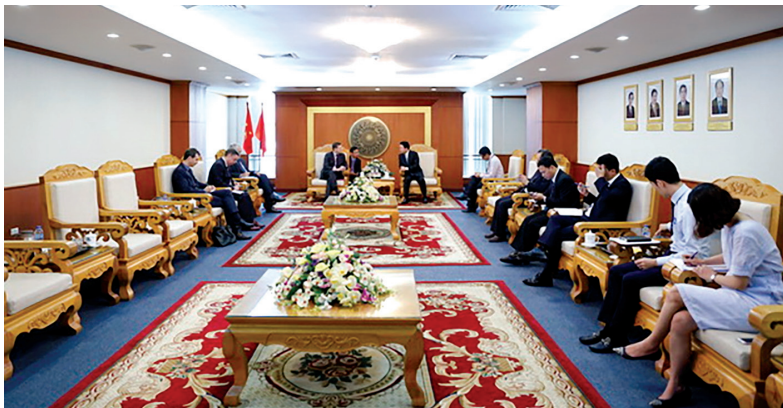
C.ty TNHH Thiết kế In thương mại T&V

Số 10/2016

Giá: 15.000đ



SỰ KIỆN - HOẠT ĐỘNG



- [2] ● **Đẩy mạnh hợp tác trong xử lý ô nhiễm môi trường**
- [2] ● **Việt Nam – Pháp: Thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực TN&MT**
- [2] ● **Việt Nam tham gia Triển lãm Pollutec 2016**
- [3] ● **Tăng cường hợp tác về sản xuất, tiêu dùng bền vững tại các nước ASEAN và đối tác**
- [3] ● **Thanh tra việc chấp hành pháp luật về TN&MT đối với Dự án Núi Pháo**
- [4] ● **Hà Nội đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải**



LUẬT PHÁP - CHÍNH SÁCH



- [5] **NGUYỄN KIM TUYẾN:** Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cơ quan quản lý nhà nước ngành môi trường Việt Nam
- [8] **HOÀNG THỊ THANH NHÂN:** Tăng cường công tác bảo tồn các loài hoang dã nguy cấp của Việt Nam
- [12] **NGÔ THỊ HỒNG KHÁNH:** Huy động xã hội hóa trong xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề
- [14] **THÚY NGÀ:** Quảng Trị: Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ động, thực vật hoang dã
- [16] **PHẠM THỊ VUI:** Đẩy mạnh quản lý chất lượng không khí tại Bắc Ninh
- [17] **TRẦN THỊ HƯƠNG:** Thái Nguyên triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

TRONG SỐ NÀY



TRAO ĐỔI - DIỄN ĐÀN



- [18] VŨ NGỌC LÂN: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” công tác bảo vệ môi trường
- [20] TRẦN LÊ TRÀ: Tị nạn môi trường ở ĐBSCL – Một tương lai rất gần
- [23] NGUYỄN ĐÌNH VIỆT: Ô nhiễm ánh sáng: Hiểm họa tiềm ẩn



GIẢI PHÁP & CÔNG NGHỆ XANH

- [24] CAO TRƯỜNG SƠN – NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH: Hiệu quả áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn tại một số nhà máy chế biến tinh bột sắn ở Nghệ An
- [26] NGUYỄN THỊ THU HÀ: Ứng dụng mô hình phân tích tổng hợp đánh giá hiện trạng môi trường huyện Đồng Văn, Hà Giang
- [28] NGUYỄN THỊ HUỆ: Giải pháp bảo vệ môi trường trong khai thác than ở Quảng Ninh giai đoạn 2016-2020
- [29] DŨ VẤN TOÁN: Hiện trạng hệ sinh thái và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường biển quần đảo Thổ Chu
- [31] NÔNG ĐÌNH THI: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Cao Bằng: Đẩy mạnh phối hợp trong công tác bảo vệ rừng



MÔI TRƯỜNG & DOANH NGHIỆP

- [32] GIA LINH: Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang: Nỗ lực góp phần xây dựng thành phố xanh - sạch - đẹp
- [34] HUƠNG TRẦN: Than Hà Tu: Điểm sáng trong BVMT và an toàn lao động
- [36] NGUYỄN THU TRANG: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường: 20 năm xây dựng và trưởng thành



TĂNG TRƯỞNG XANH

- [38] HOÀNG VĂN THẮNG: Các chức năng dịch vụ hệ sinh thái hồ Tây trong bối cảnh biến đổi khí hậu
- [42] LƯƠNG HỒNG HẠNH: Hiệu quả từ việc đầu tư công nghệ xanh của Hàn Quốc



MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN

- [44] NGUYỄN PHƯƠNG: Nuôi thú cưng hoang dã – Mối đe dọa tiềm ẩn đối với con người và động vật
- [45] HOÀNG DƯƠNG: Khi nguồn nước ô nhiễm
- [46] TRẦN THU TRANG: Tăng cường bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm tại VQG Ba Bể
- [48] MINH NGUYỆT: Nhà khoa học trẻ say mê nghiên cứu và bảo tồn các loài thực vật
- [49] NGUYỄN ĐÌNH HÒE: Mô hình đồng quản lý rừng phòng hộ của đồng bào dân tộc Cơ Tu



NHÌN RA THẾ GIỚI

- [50] MINH PHƯỢNG: Hội nghị các nước thành viên CITIES lần thứ 17: Thành công và những thách thức
- [51] PHƯƠNG LINH: Mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Penang, Malaixia

GIẢI PHÁP XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở KHU VỰC NÔNG THÔN

Vĩnh phúc là một tỉnh đồng bằng sông hồng “có” điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, dịch vụ và chế biến nông sản thực phẩm... Trong những năm qua bằng các chủ trương, chính sách đầu tư và hỗ trợ, khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế xã hội đã góp phần nâng cao, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đặc biệt là người dân nông thôn. Song bên cạnh mặt tích cực đã đạt được về phát triển kinh tế - xã hội thì tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng có xu hướng gia tăng; các tác nhân gây ô nhiễm chủ yếu đến môi trường khu vực nông thôn hiện nay là các chất thải, nước thải, rác thải sinh hoạt. Vấn đề này mặc dù đã được các cấp, các ngành đầu tư hỗ trợ các chương trình, dự án nhằm xử lý các nguồn xả thải hạn chế gây ô nhiễm môi trường như: Hỗ trợ lắp đặt thiết bị sinh học xử lý chất thải, nước thải từ chăn nuôi gia súc (tham Biogas); sử dụng các chế phẩm và đệm lót sinh học trong chăn nuôi; hạn chế sử dụng các loại hóa chất bảo vệ thực vật độc hại, lạm dụng phân bón hóa học trong sản xuất nông nghiệp; Thành lập các Hợp tác xã, tổ thu gom rác thải sinh hoạt... nhưng các hoạt động này chỉ giải quyết được một phần ô nhiễm môi trường hiện nay. Qua điều tra theo dõi - đánh giá về Nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn trên địa bàn tỉnh hàng năm cho thấy nguồn chất thải, nước thải ra môi trường vào các nguồn nước (sông, suối, ao hồ) là rất lớn diễn ra hàng ngày thông qua các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi, chế biến nông sản, dịch vụ, sinh hoạt...

Từ những tác động gây ô nhiễm đến môi trường, nguồn nước ở khu vực nông thôn như hiện nay, để quản lý tốt các nguồn gây ô nhiễm môi trường đồng thời xử lý các nguồn xả thải một cách hiệu quả và có tính bền vững lâu dài cần có các giải pháp đồng bộ đó là:

- Về quản lý, quy hoạch: Quản lý chặt chẽ, nghiêm ngặt nguồn chất thải từ các khu công nghiệp, làng nghề, chất thải phải được xử lý đảm bảo quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường có như vậy mới không làm ô nhiễm môi trường không khí, nguồn nước mặt, nước ngầm tại địa bàn cũng như các vùng lân cận; Kiên quyết xử lý nghiêm đối với tất cả các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh vi phạm xả thải bừa bãi các hóa chất, kim loại nặng, dầu mỡ... vượt mức cho phép ra môi trường; Xử lý chất thải hữu cơ trong chăn nuôi gia súc, chế biến nông sản thực phẩm tuân thủ các qui định về Luật Bảo vệ môi trường; Quy hoạch về phát triển sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, làng nghề, chế biến nông sản theo hướng tập trung nhằm phát huy hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc đồng thời xử lý triệt để chất thải gây ô nhiễm môi trường; Quy hoạch vùng sản xuất kinh doanh phù hợp, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới nâng cao hiệu quả kinh tế, hạn chế tồn dư hóa chất bảo vệ thực vật vào môi trường, nông sản. Trong phát triển chăn nuôi cần có chính sách khuyến khích, hỗ trợ vùng chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư để thuận lợi cho công tác quản lý, xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh. Thu gom, xử lý rác thải trong sinh hoạt cần phải được quy hoạch xử lý theo vùng, khu vực phù hợp với khối lượng, công suất công nghệ xử lý ô nhiễm và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên phát triển bền vững.



ĐẨY MẠNH HỢP TÁC TRONG XỬ LÝ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG



Ngày 14/10/2016, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã có buổi làm việc với Chủ tịch Công ty Công nghệ mới Duga - Cộng hòa Liên bang Nga Goryachev Nikolai nhằm trao đổi thông tin và hợp tác trong xử lý ô nhiễm môi trường.

Tại buổi tiếp, Chủ tịch Công ty Công nghệ mới Duga Goryachev Nikolai cho biết, Công ty đang làm chủ công nghệ đốt rác phát điện plasma. Đây là công nghệ hiện đại, rác được xử lý triệt để đến 99%, còn lại 1% được dùng để rải đường dân sinh. Ngoài ra, các loại khí độc hại bị triệt tiêu, phát sinh khoảng 0,1% CO₂, 20% ôxy, hơi nước và nitơ không phát sinh...

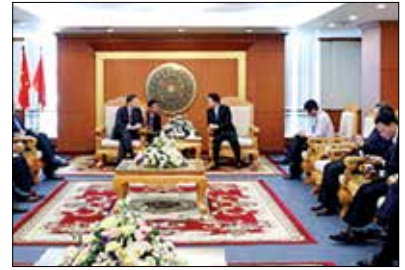
Bộ trưởng Trần Hồng Hà đánh giá cao công nghệ của Công ty và cho biết sẽ tạo điều kiện để các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp Việt Nam và Liên bang Nga trao đổi, tìm kiếm cơ hội hợp tác trong xử lý ô nhiễm môi trường. Đồng thời, Bộ trưởng giao Tổng cục Môi trường nghiên cứu và đánh giá thử nghiệm công nghệ đốt rác phát điện plasma. **ĐỨC ANH**

VIỆT NAM - PHÁP: THÚC ĐẨY HỢP TÁC TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày 21/10/2016, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà đã có buổi làm việc với Đại sứ Cộng hòa Pháp tại Việt Nam Bertrand Lortholary.

Phát biểu tại buổi tiếp, Bộ trưởng Trần Hồng Hà đánh giá cao sự hỗ trợ, hợp tác thiết thực, hiệu quả của các tổ chức, cơ quan Cộng hòa Pháp trong các lĩnh vực môi trường, biển và hải đảo, biến đổi khí hậu (BĐKH), viễn thám... Bộ trưởng cho biết, Bộ TN&MT đang tích cực xây dựng Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Pari, với các mục tiêu, cam kết và lộ trình rõ ràng cũng như phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng Bộ/ngành. Việt Nam luôn mong muốn hợp tác với các đối tác phát triển nhằm thực hiện mục tiêu chung của Thỏa thuận Pari, góp phần hướng tới mô hình phát triển các bon thấp và tăng trưởng xanh của Việt Nam.

Đại sứ Cộng hòa Pháp tại Việt Nam Bertrand Lortholary bày tỏ niềm vui trước mối quan hệ ngày càng phát triển, toàn diện giữa hai nước trong nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, trong vấn đề BĐKH, Đại sứ đánh giá cao



quyết tâm của Việt Nam khi tham gia ký kết Thỏa thuận Pari và có nhiều hoạt động ứng phó với BĐKH hiệu quả trong nước. Đại sứ mong muốn, Bộ TN&MT ủng hộ Tập đoàn Veolia (Pháp) đầu tư xử lý môi trường tại Việt Nam. Đồng thời thúc đẩy hợp tác giữa hai bên trong Chương trình hỗ trợ ứng phó với BĐKH (Chương trình SP-RCC); Dự án "Hệ thống thông tin tích hợp phục vụ quản lý biển và hải đảo Việt Nam"; Triển lãm quốc tế về môi trường lần thứ 27 (Pollutec 2016)...

Kết thúc buổi tiếp, hai bên nhất trí tiếp tục tăng cường và mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực TN&MT, góp phần phát triển bền vững và thắt chặt mối quan hệ đối tác chiến lược.

VŨ NHUNG

VIỆT NAM THAM GIA TRIỂN LÃM POLLUTEC 2016

Ngày 14/10/2016, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ TN&MT Võ Tuấn Nhân đã có buổi làm việc với Giám đốc Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam Guillaume Crouzet về Triển lãm quốc tế thiết bị, công nghệ và dịch vụ ngành môi trường lần thứ 27 (Pollutec 2016).

Triển lãm Pollutec 2016 sẽ được tổ chức tại TP. Lyon, Cộng hòa Pháp từ ngày 29/11 - 2/12/2016, với sự tham gia của hơn 40 quốc gia và vùng lãnh thổ. Triển lãm sẽ tập trung vào 5 chủ đề chính: TP bền vững; công nghiệp bền vững

và công nghệ của tương lai; môi trường nước và duyên hải; nông nghiệp bền vững; bệnh viện phát triển bền vững. Năm 2016, Ban Tổ chức Pollutec mời Việt Nam tham gia với vai trò Quốc gia danh dự để giới thiệu tới các đối tác trên thế giới về những dự án và cơ hội hợp tác BVMT tại Việt Nam.

Phát biểu tại buổi làm việc, Giám đốc Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp tại Việt Nam Guillaume Crouzet cho biết, nhiều đối tác quốc tế rất quan tâm tới sự hiện diện của Đoàn Việt Nam tại Triển lãm. Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp sẽ

tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong việc kết nối hợp tác về môi trường với Pháp.

Thứ trưởng Võ Tuấn Nhân khẳng định, Triển lãm Pollutec 2016 là cơ hội để Việt Nam giới thiệu với bạn bè thế giới những thành tựu trong công tác BVMT, cũng như thiết lập, thắt chặt mối quan hệ với các đối tác quốc tế trong hoạt động giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và giảm phát thải khí nhà kính. Thứ trưởng đề nghị, Tổng cục Môi trường làm đầu mối kết nối với các Bộ ngành, địa phương để tiếp tục hoàn thiện nội dung và gian hàng tham gia Triển lãm... **CHÂU LOAN**



TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC VỀ SẢN XUẤT, TIÊU DÙNG BỀN VỮNG TẠI CÁC NƯỚC ASEAN VÀ ĐỐI TÁC



Từ ngày 25 - 28/10/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT phối hợp với Viện Nghiên cứu về bền vững của Đại học Liên hợp quốc (UNU-IAS), Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) và Ban thư ký ASEAN tổ chức Chương trình các nhà lãnh đạo ASEAN + 3 về sản xuất và tiêu dùng bền vững (SX&TDBV) lần thứ 9.

Chủ đề của Chương trình là: "Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) thông qua chuỗi giá trị bền vững tại các nước ASEAN+3", trong đó tập trung vào việc xây dựng các chính sách, chiến lược và hành động cho SCP trong

chuỗi giá trị của khu vực ASEAN+3.

Thời gian qua, các nước ASEAN và 3 nước đối tác Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đã xây dựng các thể chế, công cụ thực thi chính sách liên quan đến SCP, đảm bảo thực hiện SCP trong những lĩnh vực ưu tiên.

Tại Chương trình, các nhà lãnh đạo cấp cao ASEAN + 3 đã tập trung trao đổi về các nội dung: Chuỗi giá trị bền vững

và SCP; SCP của các doanh nghiệp cung cấp; Các sáng kiến trong SCP và Chuỗi giá trị bền vững tại Việt Nam; Các sáng kiến quốc gia về SCP và Chuỗi giá trị bền vững; Xu hướng cải tiến - sinh thái trong mô hình kinh doanh và chính sách; Sinh kế bền vững, chuỗi giá trị và các chính sách hỗ trợ SCP...

Với cách tiếp cận này, các mục tiêu và hành động của SX&TDBV sẽ trở thành đòn bẩy cho các quốc gia nhằm thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế xanh và biến các thách thức về môi trường, xã hội thành cơ hội kinh doanh, việc làm. Đồng thời, cung cấp các cơ hội như tạo ra thị trường mới (thị trường thực phẩm hữu cơ, hội chợ thương mại, nhà ở bền vững, giao thông vận tải bền vững...), việc làm xanh và bền vững, giúp quản lý tài nguyên hiệu quả.

P. LINH

THANH TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN NÚI PHÁO

Ngày 28/9/2016, Bộ TN&MT đã công bố Quyết định số 2191/QĐ-BTNMT về thanh tra việc chấp hành pháp luật BVMT, khoáng sản, đất đai và tài nguyên nước đối với Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo (huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên). Đoàn thanh tra gồm 31 thành viên, chia làm 4 tổ, theo từng lĩnh vực: đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước và BVMT. Dự kiến, thời gian thanh tra sẽ kéo dài trong 45 ngày, tính từ ngày công bố Quyết định.

Mục đích của đợt thanh tra lần này nhằm đánh giá toàn diện việc thực hiện quy định pháp luật về 4 lĩnh vực nêu trên trong quá trình hoạt động đầu tư, xây dựng, chế biến khai thác Vonfram đa kim tại Dự án Núi Pháo. Thông qua hoạt động thanh tra phát hiện những tồn

tại, bất cập và kịp thời chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước, từ đó có biện pháp ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý những vi phạm theo thẩm quyền. Trên cơ sở kết quả thanh tra, Đoàn sẽ làm việc với các cơ quan liên quan, UBND tỉnh Thái Nguyên và Công ty TNHH Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo thống nhất phương án giải quyết dứt điểm nội dung kiến nghị, yêu cầu của người dân sống gần khu vực Dự án.

Dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo

được Bộ TN&MT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tại Quyết định số 233/QĐ-BTNMT ngày 28/2/2005 và Quyết định số 370/QĐ-BTNMT ngày 6/3/2008. Đây là một trong những dự án khai khoáng lớn nhất Việt Nam, với trữ lượng khoảng 66 triệu tấn quặng đa kim, bao gồm: vonfram, florit, bismut và đồng của Công ty TNHH Khai thác và Chế biến khoáng sản Núi Pháo thuộc Tập đoàn Masan đầu tư.

H. TRẦN



Hà Nội đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý nước thải

Trong thời gian qua, Hà Nội là một trong những địa phương đi đầu trong áp dụng các mô hình công nghệ tiên tiến vào thực tiễn. Đây là một trong những hoạt động thể hiện sự quyết tâm của Hà Nội trong việc cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân Thủ đô, nhất là nhân dân các vùng khu công nghiệp, làng nghề, cụm công nghiệp, từng bước làm trong sạch lại các con sông, tạo cảnh quan sinh thái đô thị, phát triển bền vững Thủ đô.

KHỞI CÔNG DỰ ÁN HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI YÊN XÁ

Ngày 7/10/2016, tại Hà Nội, UBND TP. Hà Nội đã tổ chức Lễ khởi công Dự án Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá (xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì). Dự án bao gồm Nhà máy xử lý nước thải công suất 270.000 m³/ngày đêm và hệ thống thu gom, cống bao, hệ thống cống đầu nối dọc hai bờ sông Tô Lịch, sông Lừ và một phần tả ngạn sông Nhuệ, với tổng chiều dài cống các loại khoảng 52,621 km, đường kính từ 400 mm - 2.400 mm, thu gom nước thải trên phạm vi khu vực bao gồm quận Ba Đình, Cầu Giấy, Thanh Xuân, Đống Đa, Hoàng Mai, Hà Đông và huyện Thanh Trì. Dự án sử dụng vốn vay ODA của Nhật Bản với tổng mức đầu tư hơn 61 triệu Yên (tương đương hơn 16.293 tỷ đồng).

Đây là lần đầu tiên TP. Hà Nội khởi công xây dựng một hệ thống thu gom và Nhà máy xử lý nước thải tập trung quy mô lớn, áp dụng công nghệ thi công hiện đại với công nghệ xử lý nước thải bùn hoạt tính truyền thống cải tiến - loại AO. Công nghệ này được



85% nhà máy xử lý nước thải tại Nhật Bản sử dụng và được các chuyên gia quốc tế đánh giá là ổn định, phù hợp với nhà máy xử lý nước thải quy mô công suất lớn. Dự án Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá - một công trình trọng

điểm, có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc cải tạo môi trường, làm sống lại các con sông Tô Lịch, Lừ, Sét và một phần sông Nhuệ, góp phần tạo cảnh quan, sinh thái đô thị, phát triển bền vững Thủ đô.

KHÁNH THÀNH DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI LÀNG NGHỀ CẦU NGÀ

Ngày 8/10/2016, UBND TP. Hà Nội tổ chức khánh thành Dự án Nhà máy xử lý nước thải làng nghề Cầu Ngà, tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức sau 10 tháng thi công. Nhà máy xử lý nước thải có công suất thiết kế 20.000 m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ xử lý sinh học khép kín, với các dây chuyền thiết bị tự động hóa hoàn toàn được nhập khẩu từ châu Âu. Đây cũng là công trình sử dụng thiết bị pin năng lượng mặt trời để phát điện phục vụ cho hoạt động của nhà máy ở quy mô lớn đầu tiên của TP. Hà Nội.

Phát biểu tại buổi Lễ, Bộ trưởng Bộ TN&MT Trần Hồng Hà cho biết, đây là Dự án sử dụng

công nghệ hiện đại trong việc xử lý nước thải ở nước ta. Việc đưa Nhà máy vào hoạt động góp phần tích cực trong xử lý ô nhiễm, nhất là trong giai đoạn hiện nay đang báo động tình trạng ô nhiễm không khí, chất thải, nước thải.

Việc khánh thành Nhà máy xử lý nước thải làng nghề Cầu Ngà là hoạt động lớn và ý nghĩa chào mừng ngày Giải phóng Thủ đô (10/10). Trong thời gian qua,

TP. Hà Nội không ngừng biểu dương, khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận tiện cho các doanh nghiệp đầu tư theo hình thức xã hội hóa và kết hợp "công tư" trong điều kiện nguồn ngân sách hạn hẹp. Hà Nội đã có kế hoạch phát triển và thu hút các dự án lớn trên lĩnh vực: Nước sạch, cây xanh, xử lý rác...

N.HÀNG



Giải pháp phát triển nguồn nhân lực cơ quan quản lý nhà nước ngành môi trường Việt Nam

NGUYỄN KIM TUYẾN

*Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ
Tổng cục Môi trường*

1. THỰC TRẠNG VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NGÀNH MÔI TRƯỜNG

Trong thời gian qua, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhà nước (QLNN) về BVMT, đội ngũ công chức, viên chức ngành môi trường đã phát triển về số lượng, trưởng thành một bước về chất lượng, đáp ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và có những đóng góp đáng kể trong sự nghiệp phát triển của ngành môi trường nói riêng, phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Hiện ngành môi trường đang có một đội ngũ cán bộ với trình độ chuyên môn và ngoại ngữ tốt tham gia tích cực, hiệu quả trong công tác QLNN về môi trường.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN về môi trường vẫn còn thiếu về số lượng, chưa đáp ứng về chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ chưa phù hợp (số cán bộ, công chức được đào tạo về kỹ thuật nhiều hơn số cán bộ công chức được đào tạo về nghiệp vụ quản lý, kinh tế; Số cán bộ, công chức có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí công tác không nhiều). Ở Trung ương, còn thiếu những cán bộ công chức có trình độ cao, chuyên môn sâu. Ở địa phương, đội ngũ cán bộ công chức còn thiếu về số lượng và hạn chế trong kỹ năng quản lý. Đội ngũ cán bộ quản lý môi trường tại cấp quận,

huyện, phường, xã còn thiếu và hầu hết chưa có cán bộ được đào tạo chuyên ngành về môi trường.

Từ những vấn đề thực tiễn đòi hỏi ngành môi trường phải có chiến lược phát triển phù hợp, có tầm nhìn, đánh giá đúng xu thế phát triển kinh tế - xã hội, đưa ra chiến lược phát triển lâu dài của ngành. Đó là kiện toàn tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực quản lý môi trường thông qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ QLNN trong tình hình mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng xác định: “Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho đất nước, cho từng ngành, từng lĩnh vực với những giải pháp đồng bộ”. Việc xác định phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường Việt Nam thông qua công tác đào tạo và bồi dưỡng, chính là cụ thể hóa quan điểm của Đảng ta trong hoạt động QLNN. Theo đó, phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường là tiếp tục thực hiện có hiệu quả 3 đột phá chiến lược, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa: “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo; phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ”.

Với chủ trương chuyển mạnh quá trình đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cán bộ; học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn. Đào tạo và bồi dưỡng phải gắn với nhu cầu phát triển của đơn vị, cơ quan, gắn với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực và thị trường lao động. Đây là quan điểm định hướng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường ở nước ta trong những năm tới.

Mục đích cuối cùng của công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực ngành môi trường xét đến cùng là sử dụng tối đa nguồn nhân lực, tăng cường hiệu lực và hiệu quả của công tác QLNN về BVMT trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Tuy nhiên, hiện nay phát triển nguồn nhân lực còn thông qua công tác tuyển dụng, sử dụng, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và thực hiện chính sách đãi ngộ nhân tài, thu hút nhân tài vào nền công vụ ... Đây là những nội dung mà hiện nay được đánh giá là vẫn còn nhiều hạn chế trong quá trình thực hiện.

Trong các cơ quan QLNN ngành môi trường, đội ngũ cán bộ, công chức là nguồn nhân lực, có vị trí quan trọng trong tổ chức, hoạt động của cơ quan QLNN, có vai trò



▲ *Phát triển nguồn nhân lực quản lý môi trường thông qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước*

quyết định đến sự phát triển của ngành cũng như đất nước, là những người trực tiếp tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi luật pháp, quản lý 18 lĩnh vực của ngành môi trường; tham mưu, hoạch định, tổ chức thực hiện và thanh tra, kiểm tra việc thực thi các đường lối, chính sách về lĩnh vực môi trường.

Hiện nay, việc bố trí, sử dụng, thu hút, trọng dụng nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam nói chung và ngành môi trường nói riêng đang được quan tâm và là mục tiêu trọng tâm của ngành môi trường cần hướng tới trong việc nâng cao chất lượng nền công vụ. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, việc thu hút, trọng dụng nhân tài đang gặp những khó khăn, thách thức đó là việc vận dụng những ưu điểm của mô hình công vụ - việc làm, khắc phục những hạn chế của mô hình công vụ - chức nghiệp ở Việt Nam hiện nay; Nhiều quan điểm cải cách và nội dung đổi mới về công vụ, công chức đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật nhưng nhận thức còn chưa thống nhất và thiếu kiên quyết trong triển khai thực hiện; Yêu cầu về cải cách hành chính, chính sách về tiền lương, hướng tới mục tiêu bảo đảm cho công chức có thể sống được bằng lương.

Ngoài ra, việc tuyển dụng nhân lực mới của ngành môi trường cần gắn với việc cơ cấu lại tổ chức bộ máy và tinh giản biên chế theo mục tiêu đổi mới về chất, thay thế mạnh mẽ những người không đáp ứng được yêu cầu thực thi công vụ trong bối cảnh yêu cầu cấp thiết của công tác BVMT hiện đại. Có như vậy mới xây dựng được “nền” công vụ ngành môi trường “mở”, nghĩa là có tuyển dụng nếu đáp ứng được yêu cầu của vị trí việc làm và vị trí việc làm còn trống, có cơ chế chuyển ra (cho thôi việc, chuyển vị trí công tác khác...) nếu không đáp ứng được yêu cầu công việc trong công tác quản lý.

Đồng hành cùng công tác tuyển dụng nhân lực của cơ quan QLNN ngành môi trường, phải tập trung thực hiện chính sách sử dụng và chế độ đãi ngộ nhân lực. Có cơ chế chính sách phù hợp góp phần phát hiện, tuyển chọn, tiến cử, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, trọng dụng và đãi ngộ người tài vào làm việc tại các cơ quan

QLNN ngành môi trường. Cần nghiên cứu xây dựng và xác định đúng nội hàm của khái niệm nguồn nhân lực có chất lượng cao để tránh hình thức, đánh đồng nhân tài với người có bằng cấp cao nhưng thiếu kỹ năng nghề nghiệp, thiếu đạo đức trong thực thi công vụ trong ngành môi trường.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm đến công tác cán bộ, coi cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”, “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, khi đã có đường lối đúng thì cán bộ là khâu quyết định. Vì vậy, việc phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường không chỉ góp phần chính, tạo động lực để nâng cao hiệu quả công tác BVMT trong thời kỳ mới, mà còn nhằm hướng tới xây dựng một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả, tác động tích cực đến nhiều hoạt động trong lĩnh vực môi trường.

Việc quản lý, phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường không chỉ một sớm, một chiều mà có được đội ngũ cán bộ, công chức đủ năng lực, phẩm chất phục vụ nhân dân mà là một quá trình bền bỉ, lâu dài, liên tục, có sự đổi mới và kế thừa. Do đó, bên cạnh việc đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường cần phải kết hợp hài hòa các nội dung



khác trong công tác phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường như việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, luân chuyển, các chế độ phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật... đối với nhân lực trong ngành.

Hiện nay, nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế do sự bất cập về số lượng, chất lượng cũng như cơ cấu ngành nghề. Trong khi đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường còn nhiều hạn chế và bất cập. Việc thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường mới chỉ tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và đào tạo theo nhu cầu xã hội, mà chưa quan tâm đúng mức đến các khâu trong công tác cán bộ như thu hút, tuyển chọn, sử dụng, đãi ngộ cũng như quy hoạch, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ... Nhận thức của một số lãnh đạo đơn vị về công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chưa đầy đủ, toàn diện; chưa quan tâm chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường; chưa gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, luân chuyển, bố trí và sử dụng cán bộ. Một số đơn vị chưa chủ động chuẩn bị nguồn cán bộ để lựa chọn cử đi đào tạo, bồi dưỡng. Công tác tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức còn hạn chế do hoạt động đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện phân tán ở một số đơn vị thuộc ngành.

2. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CƠ QUAN QLNN NGÀNH MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Trong thời gian tới, quan điểm định hướng về phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường cần tập trung vào một số nội dung:

Thứ nhất, phát triển nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường tiếp tục phải bảo đảm gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội. Đây là khâu đột phá phát triển ngành môi trường, góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hướng tới sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước. Coi đầu tư cho đào tạo nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường là đầu tư phát triển, từng bước tăng cường đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng để phát triển nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường.

Thứ hai, phát triển nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường mang tính chiến lược lâu dài; là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục; có trọng tâm, trọng điểm. Phải bảo đảm tính hài hòa về cơ cấu, cân đối theo lĩnh vực, vùng, miền, lãnh thổ; việc đào tạo, bồi dưỡng phải gắn liền với việc bố trí, sử dụng cán bộ hợp lý, nhằm phát huy đầy đủ năng lực, phẩm chất của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp phần thực hiện những mục tiêu phát triển con người, mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Việt Nam.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường ngoài việc tập trung nâng cao hiệu quả đào tạo, cần tập trung công tác quản lý và sử dụng cán bộ; ưu tiên xây dựng các cơ sở đào tạo chất lượng cao, đào tạo đội ngũ chuyên gia, cán bộ khoa học và công nghệ, các nhóm nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực môi trường.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực cơ quan QLNN ngành môi trường phải kết

hợp khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực trong nước và nước ngoài. Tăng cường vai trò quản lý của nhà nước và xã hội trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với đội ngũ các chuyên gia và nhà khoa học đầu ngành các lĩnh vực về môi trường.

Thứ năm, xây dựng Quy hoạch phát triển nhân lực ngành môi trường giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 phải bảo đảm tính chiến lược, có lộ trình và phù hợp với đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta.

Việc phát triển nhân lực cần phải có tầm nhìn chiến lược phát triển tổng thể và dài hạn, nhưng trong mỗi thời kỳ nhất định cần xây dựng định hướng cụ thể, từ đó đánh giá thời cơ, thách thức, những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân để đề ra mục tiêu và giải pháp phát triển thích hợp trong từng giai đoạn, phù hợp với bối cảnh kinh tế-xã hội trong nước và quốc tế.

BVMT là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm quan trọng trong sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước. Cùng với sự phát triển của đất nước, nguồn nhân lực ngành môi trường Việt Nam bước đầu đáp ứng được những nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, có nhiều vấn đề phức tạp nảy sinh đòi hỏi ngành môi trường phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật đảm bảo đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ QLNN trong tình hình mới■



Tăng cường công tác bảo tồn các loài hoang dã nguy cấp của Việt Nam

TS. HOÀNG THỊ THANH NHÂN
ThS. NGUYỄN THỊ VÂN ANH
Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học
Tổng cục Môi trường

Việt Nam được ghi nhận là quốc gia có tính đa dạng sinh học (ĐDSH) cao với khoảng 7.500 loài chủng vi sinh vật; 20.000 loài thực vật bậc cao trên cạn và dưới nước; 10.500 loài động vật trên cạn; 1.000 loài cá nước ngọt; dưới biển có trên 7.000 loài động vật không xương sống, khoảng 2.500 loài cá và xấp xỉ 50 loài rắn biển, rùa biển và thú biển. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tài nguyên ĐDSH của Việt Nam đang trên đà suy giảm do các áp lực từ biến đổi khí hậu và hoạt động của con người như chia cắt, thu hẹp các sinh cảnh, phá rừng, ô nhiễm môi trường, săn bắt, khai thác hủy diệt và buôn bán trái phép, không bền vững các loài động vật hoang dã (ĐVHD). Do đó, việc tăng cường bảo tồn các loài hoang dã nguy cấp hiện nay là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của công tác bảo tồn ĐDSH.

1. THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN ĐDSH

Trong thời gian qua, công tác bảo tồn các loài hoang dã đã đạt được một số thành tựu đáng kể như gia tăng, phục hồi diện tích các hệ sinh thái được bảo vệ; phát hiện mới nhiều loài có ý nghĩa về khoa học và bảo tồn nhằm phục hồi, phát triển các nguồn gen quý. Tính đến nay, Việt Nam đã có 164 khu bảo tồn rừng đặc dụng, khu bảo tồn biển và khu bảo tồn vùng nước nội địa với tổng diện tích 2,2 triệu ha là sinh cảnh quan trọng của các loài hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Gần đây,



▲ Lực lượng chức năng bắt giữ lô hàng ĐVHD buôn bán, vận chuyển trái phép

Việt Nam đã phát hiện hơn 500 cá thể voọc chà và chân xám tại Kon Tum và hơn 200 cá thể voọc xám Đông Dương tại Thanh Hóa.

Tuy nhiên, theo thống kê, số loài và số cá thể các loài hoang dã của Việt Nam đang trên đà suy giảm mạnh, nhiều loài nguy cấp, quý, hiếm của Việt Nam có nguy cơ bị tuyệt chủng cao. Theo Danh lục đỏ của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), nếu như năm 1996 chỉ có 25 loài động vật của Việt Nam ở mức nguy cấp (EN) thì tính đến tháng 9/2016, con số này đã lên tới 110. Tổng số các loài động, thực vật hoang dã được ghi vào Sách Đỏ Việt Nam (năm 2007) là 882 loài, trong đó số loài động vật quý, hiếm tăng từ 365 loài (năm 1992) lên 418 loài (năm 2007), thực vật quý, hiếm tăng từ 356 loài (năm 1996) lên 464 loài (năm 2007), trong đó có 116 loài đang ở mức nguy cấp rất cao

và 9 loài chuyển từ các mức nguy cấp khác nhau (năm 2004) lên mức coi như đã tuyệt chủng (trong số 9 loài này có tê giác hai sừng, bò xám, heo vòi, cây rái cá, cá sấu hoa cà, hươu sao). Số lượng cá thể của các loài quan trọng đã giảm đến mức báo động, đặc biệt các loài thú lớn và một số loài linh trưởng (hổ, voi, vượn, voọc, sao la...). Nhiều loài thực vật trước đây chỉ ở mức sắp nguy cấp thì nay bị xếp ở mức rất nguy cấp như hoàng đàn, bách vàng, sâm vũ diệp, tam thất hoang... Điều này cũng đã xảy ra đối với nhiều loài sinh vật biển, nhiều loài cá có giá trị kinh tế cao, các nguồn lợi sinh vật biển đang bị suy giảm nghiêm trọng. Theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/11/2013, hiện nay, Việt Nam có 83 loài động vật, 17 loài thực vật nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ.



Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng suy giảm số loài và số lượng cá thể loài hoang dã, tuy nhiên, khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép loài hoang dã đã tăng đáng kể trong những năm gần đây và được xem là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự sụt giảm đáng kể các quần thể loài trong tự nhiên. Hoạt động buôn bán, tiêu thụ động, thực vật hoang dã bất hợp pháp diễn ra trên quy mô toàn cầu với lợi nhuận thu được vào khoảng 5-20 tỉ USD hàng năm cung cấp cho thị trường để sử dụng làm thuốc, thực phẩm, vật nuôi, đồ trang trí... đang đẩy nhiều loài nguy cấp tới nguy cơ tuyệt chủng trên toàn cầu.

Một số nghiên cứu cho thấy, Việt Nam đang trở thành thị trường tiêu thụ và trung chuyển các loài ĐVHD nguy cấp như hổ, gấu, tê tê, rùa nước ngọt, rắn và kì đà có nguồn gốc từ các nước châu Á khác; trong khi các sản phẩm như sừng tê giác và sừng động vật móng guốc có nguồn gốc ở châu Phi cũng được giao dịch cho người tiêu dùng trong nước. Hiện nay, có khoảng 200 loài ĐVHD, trong đó có khoảng 80 loài động vật quý hiếm được kinh doanh, sử dụng trên thị trường Việt Nam. Phần lớn, các loài đó bị khai thác bất hợp pháp, ước tính mỗi năm có khoảng 4 - 5 nghìn tấn ĐVHD vận chuyển bất hợp pháp sang Trung Quốc, trong đó chủ yếu là các loại linh trưởng, gấu, tê tê, rùa, rắn, ngà voi, sừng tê giác và các thành phẩm, dẫn xuất của các loài ĐVHD.

Theo số liệu thống kê của Cục Kiểm lâm, từ năm 2010 đến hết tháng 8/2016, lực lượng kiểm lâm cả nước đã phát hiện và xử lý 174.385 vụ vi phạm pháp luật về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Trong đó, số vụ vi phạm các quy định về quản lý ĐVHD là 4.305 vụ, tịch thu hàng nghìn kg sản phẩm ĐVHD và 60.217 cá thể ĐVHD các loại, trong đó 3.418 cá thể thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm.

2. NHỮNG NỖ LỰC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN CÁC LOÀI NGUY CẤP

Để bảo tồn các loài nguy cấp và ứng phó với vấn nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ trái phép, bên cạnh những công cụ mang tính chất ràng buộc và pháp lý quốc tế mà Việt Nam là thành viên như Công ước ĐDSH (CBD), Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế (RAMSAR), Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES), Việt Nam tham gia nhiều sáng kiến, cam kết quốc tế và khu vực như Mạng lưới thực thi pháp luật về bảo vệ động vật, thực vật hoang dã Đông Nam Á (ASEAN-WEN); Tuyên bố London, Kasane về chống buôn bán các loài hoang dã; Tuyên bố của Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á và Hội nghị Thượng đỉnh Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC) về việc tăng cường các nỗ lực hợp tác chống nạn buôn bán trái phép và giảm nhu cầu tiêu thụ các loài hoang dã.

Việt Nam cũng thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương với nhiều quốc gia trên thế giới như ký Biên bản ghi nhớ về ngăn chặn buôn bán sừng tê giác với Nam Phi (2012); Tuyên bố chung Việt Nam - Mỹ, trong đó coi tội phạm về ĐVHD là một loại tội phạm nghiêm trọng; Hiệp định Đối tác Thương mại Xuyên Thái Bình Dương (TPP) gồm 12 quốc gia thành viên, trong đó Chương Môi trường quy định, các nước cam kết thực thi đầy đủ CITES và có các biện pháp phù hợp để chống buôn bán trái phép các loài hoang dã.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng từng bước nội luật hóa và hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo tồn ĐDSH và bảo vệ các loài hoang dã. Cùng với sự hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, thủy sản, thì Luật ĐDSH năm 2008 là văn bản pháp lý cao nhất, điều chỉnh toàn diện nhất về bảo tồn và phát triển bền vững các loài sinh vật, các loài nguy cấp quý hiếm... Tiếp đó, Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 12/11/2013 về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ và nhiều văn bản về quy hoạch, chiến lược, kế hoạch hành động, thông tư hướng dẫn cũng đã được ban hành đồng bộ tạo điều kiện cho việc thực thi pháp luật về ĐDSH và bảo tồn các loài nguy cấp.

Để tăng cường bảo tồn và kiểm soát hoạt động săn bắt, buôn bán trái phép các loài hoang dã, ngày 20/2/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg về việc tăng cường chỉ đạo và thực hiện các biện pháp kiểm soát, bảo tồn các loài ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm, trong đó yêu cầu các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương thực hiện đồng bộ 9 giải pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm luật pháp trong nước và quốc tế liên quan đến ĐVHD nguy cấp, quý, hiếm. Mới đây, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Chỉ thị số 28/CT-TTg ngày 17/9/2016 về một số giải pháp cấp bách phòng ngừa, đấu tranh với hành vi xâm hại các loài ĐVHD trái pháp luật. Đồng thời, khuyến khích các



cơ quan thông tin đại chúng tăng cường tuyên truyền những điển hình tốt về bảo tồn, kiểm soát buôn bán ĐVHĐ; tích cực phát hiện và lên án mạnh mẽ những hành vi, việc làm trái quy định của pháp luật Việt Nam và Công ước quốc tế về bảo tồn các loài ĐTVHĐ nguy cấp, quý, hiếm.

3. CÁC THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC BẢO TỒN CÁC LOÀI NGUY CẤP

Hệ thống các chính sách, quy định pháp luật về bảo tồn ĐDSH nói chung và bảo tồn loài nói riêng chưa đồng bộ. Đối với vấn đề bảo vệ các loài hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm còn có sự chông chéo về phân quyền, trách nhiệm quản lý giữa Bộ NN&PTNT và Bộ TN&MT. Chính vì vậy, trong quá trình xây dựng văn bản triển khai Luật ĐDSH còn chưa đạt được sự thống nhất dẫn đến chậm ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý, bảo tồn các loài. Bên cạnh đó, nguồn lực đầu tư cho công tác bảo tồn loài còn rất hạn chế, các chương trình bảo tồn loài chưa được quan tâm đúng mức. Tại các khu bảo tồn, tình trạng khai thác trái phép các loài ĐVHĐ vẫn diễn ra do mâu thuẫn giữa đói nghèo, phát triển và bảo tồn.

Việc khai thác và sử dụng quá mức nguồn tài nguyên động, thực vật hoang dã do gia tăng dân số cũng tạo ra những áp lực đối với công tác bảo tồn loài nguy cấp. Bên cạnh đó, việc chặt phá rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang canh tác, khai thác khoáng sản, phát triển hạ tầng, thủy điện... cũng làm mất sinh cảnh sống của các loài dẫn đến xung đột ngày càng gia tăng giữa con người và các loài sinh sống trong tự nhiên. Nhu cầu tiêu thụ trái phép và không bền vững các loài hoang dã nguy cấp làm thực phẩm, ngâm rượu, thuốc đông y, thú cảnh, trang trí và làm món ăn đặc sản... tăng cao đang thúc đẩy hoạt động buôn bán trái phép lên mức độ nghiêm trọng ngang với buôn bán người và buôn bán ma túy.

Nhận thức của toàn xã hội đối với công tác bảo tồn loài, bảo tồn ĐDSH còn nhiều hạn chế, một số bộ phận người dân vẫn có thói quen sử dụng các loài ĐVHĐ nguy cấp dẫn đến nạn săn bắt, buôn bán, tiêu thụ gia tăng và trở thành vấn đề nóng, bức xúc trong xã hội; nhận thức của các cấp, các ngành đã được nâng lên nhưng chưa đủ và chưa quyết liệt nhằm góp phần bảo tồn các loài nguy cấp,

quý, hiếm một cách hiệu quả và toàn diện.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC BẢO TỒN ĐDSH

Hoàn thiện các chính sách, quy định pháp luật và quản lý dữ liệu để bảo vệ các loài nguy cấp: Rà soát, sửa đổi, bổ sung khung pháp lý, chính sách về bảo vệ động, thực vật hoang dã, tiến tới loại bỏ những bất cập và sự thiếu nhất quán giữa các văn bản pháp luật; tạo sinh kế bền vững và hướng dẫn, khuyến khích cộng đồng sống ở các vùng đệm tham gia bảo vệ và bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm; Xây dựng và thực hiện các chương trình bảo tồn loài nguy cấp được ưu tiên bảo vệ; Quản lý các cơ sở bảo tồn ĐDSH để bảo tồn nguồn gen và phục hồi quần thể các loài nguy cấp; Xây dựng cơ chế để đảm bảo tài chính cho bảo tồn ĐDSH và bảo tồn các loài.

Tăng cường nguồn lực, năng lực cho công tác quản lý và thực thi pháp luật để bảo tồn hiệu quả tại chỗ và chuyển chỗ các loài nguy cấp: Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, tập huấn, soạn thảo tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường năng lực thực thi các quy định pháp luật về quản lý bảo tồn, kỹ năng điều tra và xử lý tội phạm nghiêm trọng liên quan đến các loài hoang dã; xây dựng cơ chế hợp tác liên ngành, tăng cường trao đổi thông tin và vai trò tham gia, phối hợp triển khai các hoạt động bảo tồn và thực thi pháp luật.

Xây dựng, mở rộng mối quan hệ đối tác và mở rộng quy mô, thể chế hóa các chiến dịch thay đổi hành vi, làm giảm nhu cầu tiêu thụ các loài nguy cấp: Tăng cường quan hệ đối tác (giữa các cơ quan Chính phủ, phi Chính phủ, khối tư nhân, doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội) để huy động sự phối hợp, tham gia tích cực của các thành phần trong xã hội nhằm xây dựng nhận thức và hiểu biết của toàn xã hội về bảo tồn các loài hoang dã; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ ĐVHĐ tới cộng đồng, đặc biệt cần công khai thông tin về các vụ vi phạm về bảo vệ loài nguy cấp trên các phương tiện thông tin đại chúng để tăng tính răn đe, phòng ngừa tội phạm; nghiên cứu, quảng bá các sản phẩm nhằm thay thế các sản phẩm có nguồn gốc từ ĐVHĐ nguy cấp...

Tăng cường nghiên cứu và chuyển giao công nghệ về bảo tồn loài: Nghiên cứu, chuyển giao công nghệ về cứu hộ, tái thả các loài về tự nhiên, giám định, nhận dạng loài. Đầu tư bảo tồn sinh cảnh, giám sát, theo dõi các loài thông qua tăng cường áp dụng các công cụ tiên tiến.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo tồn loài: Huy động các nguồn lực (tài chính, kỹ thuật và thể chế) nhằm thực thi các hiệp ước, cam kết quốc tế và pháp luật quốc gia về bảo tồn các loài hoang dã thông qua các cơ chế hợp tác khu vực và toàn cầu■



● Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường biển

Ngày 29/9/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1880/QĐ-TTg về định mức bồi thường thiệt hại (BTTH) cho các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên - Huế bị thiệt hại do sự cố môi trường biển. Theo đó, có 7 nhóm đối tượng thiệt hại được xác định bồi thường, gồm: Khai thác hải sản; nuôi trồng thủy sản (NTTS); sản xuất muối (SXM); hoạt động kinh doanh thủy sản ven biển; dịch vụ hậu cần nghề cá; dịch vụ du lịch, thương mại ven biển; thu mua, tạm trữ thủy sản.

Định mức BTTH được xây dựng trên nguyên tắc xác định thiệt hại của nhóm đối tượng được bồi thường, cụ thể: Đối với chủ tàu/thuyền không lắp máy bị thiệt hại do nằm bờ thì định mức bồi thường là 5,83 triệu đồng/tàu/tháng; Đối tượng lao động trên tàu/thuyền không lắp máy thiệt hại do nằm bờ 3,69 triệu đồng/người/tháng; Người lao động bị mất thu nhập 2,91 triệu đồng/người/tháng...

Ngoài ra, Quyết định cũng quy định riêng đối với 3 đối tượng: Khai thác thủy sản trên tàu có công suất máy chính từ 90 CV trở lên; NTTS (thủy sản chết) và SXM. Thu nhập bị mất của người lao động làm thuê được tính chung trong định mức BTTH của chủ tàu hoặc chủ cơ sở NTTS, SXM. Căn cứ định mức BTTH, UBND tỉnh hướng dẫn các chủ tàu hoặc chủ cơ sở NTTS, SXM thống kê danh sách những lao động làm thuê trên tàu, trong cơ sở NTTS, SXM và mức bồi thường đối với mỗi lao động cho phù hợp, đảm bảo đồng thuận, có xác nhận của từng người lao động. Trên cơ sở đó thực hiện BTTH cho chủ tàu, chủ cơ sở NTTS, SXM để cấp cho

từng người lao động theo danh sách đã thống kê.

UBND tỉnh thực hiện kiểm tra, rà soát, xác định tổng mức BTTH cho các đối tượng thuộc địa phương quản lý gửi Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính tổng hợp. Bộ NN&PTNT chủ trì thẩm tra, xác định kinh phí bồi thường của từng địa phương gửi Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Thời gian tính bồi thường tối đa là 6 tháng (từ tháng 4/2016 - 9/2016).

● Phó Thủ tướng chỉ đạo xử lý ô nhiễm môi trường và nhiễm độc chì tại xã Chỉ Đạo, Hưng Yên

Ngày 6/10/2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Văn bản số 8483/VPCP-KGVX truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng về kế hoạch tổng thể xử lý ô nhiễm môi trường (ÔNMT) và nhiễm độc chì của người dân xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Theo đó, Phó Thủ tướng chỉ đạo, Bộ TN&MT kiểm tra, đánh giá mức độ ô nhiễm cụ thể tại xã Chỉ Đạo, có phương án xử lý khắc phục đảm bảo điều kiện sống an toàn cho nhân dân; đồng thời tiến hành rà soát, xây dựng cơ chế chính sách xử lý tổng thể vấn đề ÔNMT tại các làng nghề, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Thời gian qua, UBND tỉnh Hưng Yên đã tiến hành khảo sát, đo hàm lượng chì trong đất sân, vườn nhà của 536 hộ từng tái chế chì. Kết quả khảo sát cho thấy, hàm lượng chì trong môi trường đất, nước ngầm và nước mặt tại xã Chỉ Đạo đều vượt quy chuẩn cho phép. Ngoài ra, UBND tỉnh Hưng Yên cũng đã tổ chức khám, điều trị thái độc cho hơn 150 trẻ em tại thôn Đông Mai có hàm lượng chì trong máu.

● Bộ TN&MT: Quy định chi tiết tiêu chí phân cấp vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo

Ngày 29/9/2016, Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 26/2016/TT-BTNMT quy định chi tiết tiêu chí phân cấp vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo, hướng dẫn phân vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo.

Thông tư quy định nguyên tắc phân cấp, phân vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo thực hiện trên từng ô bờ, ô ven bờ, ô biển. Việc phân cấp vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo phải căn cứ vào các thông tin, số liệu đo đạc, quan trắc các thành phần môi trường và sử dụng các công cụ tính toán, mô phỏng quá trình phát thải, lan truyền, biến đổi, chuyển hóa chất gây ÔNMT biển và hải đảo. Căn cứ vào kết quả tính toán, xác định giá trị của các chỉ số tương ứng với các tiêu chí phân cấp vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo đối với từng ô, được thể hiện trên bản đồ theo quy định của pháp luật về thành lập bản đồ chuyên đề.

Tiêu chí phân cấp vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo, bao gồm: Tiêu chí về mức độ ô nhiễm hoặc nguy cơ ÔNMT biển và hải đảo (chỉ số tương ứng là I_{md}); tiêu chí về phạm vi ảnh hưởng (I_{ah}); tiêu chí về mức độ nhạy cảm môi trường, khả năng gây thiệt hại đến sức khỏe con người, các hệ sinh thái biển, hải đảo, các hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo (I_{th}).

Quy trình phân vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo gồm các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 48 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, được thực hiện theo các bước: Tính toán, xác định giá trị chỉ số phân cấp vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo (I_o); Đánh giá, xác định cấp rủi ro ÔNMT biển và hải đảo; Lập bản đồ phân vùng rủi ro ÔNMT biển và hải đảo...



Huy động xã hội hóa trong xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề

NGÔ THỊ HỒNG KHÁNH

Phó Chi cục trưởng Chi cục BVMT Hà Nội

Hiện nay, việc xử lý ô nhiễm môi trường (ÔNMT) tại các làng nghề trên địa bàn Thành phố (TP) Hà Nội đang là vấn đề nan giải và cấp bách. Mặc dù TP đã quan tâm đến vấn đề này, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc do nguồn lực và ngân sách còn hạn chế. Trước tình hình đó, việc kêu gọi xã hội hóa (XXH) trong công tác BVMT làng nghề chính là chìa khóa hữu hiệu để giải quyết bài toán ÔNMT làng nghề ở Hà Nội đang “nhức nhối” hiện nay.



▲ Khánh thành Nhà máy xử lý nước thải làng nghề Cầu Ngà

KHÓ KHĂN VỀ NGUỒN LỰC XỬ LÝ ÔNMT LÀNG NGHỀ

Theo thống kê của Sở Công thương Hà Nội, trên địa bàn TP hiện có hơn 1.350 làng nghề và làng có nghề với nhiều loại hình sản xuất khác nhau từ chế biến lương thực, thực phẩm; chăn nuôi, giết mổ; dệt nhuộm đến sản xuất vật liệu xây dựng; tái chế phế liệu; thủ công mỹ nghệ... Thời gian qua, các làng nghề đã góp phần xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, thu hút lao động, giữ vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, tình trạng ÔNMT (khí, bụi, tiếng ồn, nước, chất thải rắn...) tại các làng nghề đang ở mức báo động, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người dân, nhất là các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm, cơ kim khí, dệt may... Điển hình như 3 làng nghề: Dương Liễu, Minh Khai, Cát Quế (huyện Hoài Đức) sản xuất các sản phẩm miến, bún từ nguyên liệu sắn, dong, trung bình mỗi ngày các hộ sản xuất xả 13.000 m³ nước thải. Toàn bộ nước thải từ sản xuất được thải trực tiếp vào hệ

thống cống, kênh mương của xã rồi chảy vào sông Nhuệ, sông Đáy. Hàm lượng các chất ô nhiễm hữu cơ trong nước thải sản xuất như COD, BOD₅, NH₄⁺, coliform cao, vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần và bốc mùi hôi thối. Ngoài ra, các hộ còn tận dụng phế phẩm để chăn nuôi, gây ÔNMT nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sức khỏe người dân trong khu vực. Một số nơi, bã sắn, bã thải dong riêng chất đống, gây mất mỹ quan và vệ sinh môi trường.

Tại các làng nghề, hoạt động sản xuất có quy mô nhỏ (chủ yếu là hộ gia đình) nằm phân tán trong khu dân cư, việc sản xuất xen lẫn sinh hoạt, công nghệ sản xuất thủ công, lạc hậu. Hầu hết không

có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải, khí thải. Trong khi kinh phí đầu tư cho công nghệ, xây dựng công trình xử lý ÔNMT làng nghề rất hạn chế do các hộ sản xuất không đủ kinh phí để đầu tư hệ thống xử lý chất thải rắn, nước thải làng nghề.

Để khắc phục, cải thiện tình trạng ÔNMT tại các làng nghề, TP. Hà Nội đã triển khai nhiều giải pháp như tiến hành quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề để di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực dân cư; hỗ trợ kinh phí cho các quận, huyện, thị xã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp làng nghề và lựa chọn một số làng nghề ô nhiễm nghiêm trọng



để tổ chức triển khai thí điểm công nghệ xử lý phù hợp. Đồng thời, TP đã rà soát, lập danh mục các cơ sở sản xuất gây ÔNMT, không phù hợp với quy hoạch và ban hành Kế hoạch thực hiện công tác BVMT làng nghề trên địa bàn TP. Hà Nội giai đoạn 2016 - 2020. Bên cạnh việc ưu tiên ngân sách cho sự nghiệp môi trường, TP còn đẩy mạnh XHH công tác đầu tư và cung cấp các dịch vụ môi trường, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật vào xử lý môi trường. Tuy nhiên, việc giải quyết vấn đề môi trường làng nghề đang gặp nhiều khó khăn do kinh phí từ ngân sách TP dành cho vấn đề này chỉ như “muối bỏ bể”. Trong khi đó, việc huy động nguồn XHH vẫn chưa hiệu quả vì lý do chi phí đầu tư vào lĩnh vực này rất lớn, lợi nhuận thấp, nên các doanh nghiệp không “mặn mả”.

TRIỂN KHAI MÔ HÌNH XHH XỬ LÝ ÔNMT LÀNG NGHỀ

Thực tế, đến nay, mới chỉ có một doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư công trình xử lý nước thải (XLNT) làng nghề là Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền (Công ty Phú Điền). Tháng 12/2015, Công ty đã đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy XLNT làng nghề Cầu Ngà để XLNT cho 3 làng nghề Dương Liễu, Minh Khai, Cát Quế của huyện Hoài Đức, với 100% vốn của doanh nghiệp. Đây là Dự án thí điểm áp dụng hình thức kêu gọi XHH trong xử

lý ÔNMT làng nghề theo chủ trương của TP.

Với sự chỉ đạo sát sao của các cấp chính quyền TP và sự hướng dẫn, đôn đốc của Sở TN&MT Hà Nội, sau hơn 10 tháng thi công, ngày 8/10/2016, Nhà máy XLNT làng nghề Cầu Ngà đã hoàn thành với tổng mức đầu tư 330 tỷ đồng, diện tích 9.397m². Nhà máy có công suất thiết kế là 20.000 m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ xử lý sinh học khép kín, đảm bảo không phát sinh mùi thứ cấp, với các dây chuyền thiết bị tự động hóa hoàn toàn được nhập khẩu từ châu Âu, cùng hệ thống thu gom nước thải đồng bộ, khép kín. Trong quá trình vận hành chạy thử từ ngày 15/9/2016, chất lượng nước thải sau xử lý của Nhà máy đạt Quy chuẩn QCTĐHN 02:2014/BTNMT của Bộ TN&MT về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội, nước thải sau xử lý có thể tái sử dụng để phục vụ

tưới tiêu nông nghiệp. Đây cũng là công trình XLNT làng nghề quy mô lớn đầu tiên của TP. Hà Nội áp dụng công nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng, tận dụng bề mặt các bể xử lý sinh học để lắp đặt thiết bị pin năng lượng mặt trời phát điện công suất 200 KW/ngày, cung cấp toàn bộ điện năng cho Nhà máy.

Có thể nói, việc Công ty Phú Điền đầu tư Nhà máy XLNT làng nghề Cầu Ngà không chỉ giúp giảm thiểu ÔNMT, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong công tác XHH BVMT làng nghề. Đây là mô hình điểm để các doanh nghiệp khác “mạnh dạn” đầu tư, góp sức cùng TP trong việc giải quyết vấn đề ÔNMT tại các làng nghề.

Tuy nhiên, để thúc đẩy XHH trong công tác BVMT làng nghề của TP. Hà Nội, TP cần xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các mô hình XHH trong xử lý môi trường làng nghề, tạo ra môi trường pháp lý cần thiết nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công tác BVMT làng nghề. Đồng thời, xây dựng và thực hiện quy ước, hương ước, cam kết BVMT, huy động cộng đồng đóng góp nguồn lực để xử lý ÔNMT làng nghề; Triển khai những mô hình XHH BVMT cụ thể đối với từng loại làng nghề, gắn với các hoạt động kinh tế - xã hội và văn hóa của cộng đồng làng nghề, từ đó nhân rộng mô hình XHH xử lý ÔNMT làng nghề trên toàn TP, tạo sức mạnh chung tay BVMT Thủ đô■



▲ Người dân xã Văn Võ (Chương Mỹ) “khốn khổ” vì môi trường ô nhiễm do nước thải từ làng nghề chưa qua xử lý xả xuống sông Đáy



Quảng Trị: Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ động vật hoang dã

Quảng Trị là tỉnh có giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) cao, với nhiều loài động, thực vật quý hiếm được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và thế giới như gà lôi lam mào trắng, voọc Hà Tĩnh, sao la, mang lớn, thỏ vằn... Nhận thấy công tác bảo tồn ĐDSH, bảo vệ động vật hoang dã (ĐVHD) là vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay, tỉnh Quảng Trị đang nỗ lực triển khai nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn nạn buôn bán, tiêu thụ trái phép ĐVHD trên địa bàn.



▲ Cá thể rùa biển được cứu hộ tại đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị)

THÁCH THỨC TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ ĐVHD

Nằm ở khu vực Bắc Trung bộ, Quảng Trị có tổng diện tích rừng là 242.240 ha (141.499 ha rừng tự nhiên và 100.741 ha rừng trồng) và hệ sinh thái đa dạng, phong phú, với hơn 98 loài thú, 198 loài chim, 83 loài lưỡng cư, bò sát, hơn 336 loài cá và khoảng 2.152 loài thực vật, trong đó có nhiều loài đặc hữu, quý hiếm. Tuy nhiên, hiện nay, nhiều loài ĐVHD đang bị đe dọa tuyệt chủng do nạn buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ trái phép ĐVHD ngày càng gia tăng. Một trong những nguyên nhân chính là do Quảng Trị là đầu mối giao thông quan trọng - điểm đầu trên tuyến đường huyết mạch của hành lang kinh tế Đông - Tây nối với Lào - Thái Lan - Myanmar qua 2 cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay, cùng tuyến đường Hồ Chí Minh xuyên suốt dãy Trường Sơn. Do đó, Quảng Trị trở thành điểm trung chuyển buôn bán, vận chuyển trái phép nhiều loài ĐVHD trong nội địa, cũng như từ các nước Đông Nam Á sang quốc gia khác.

Trong những năm gần đây, lực lượng chức năng tại Quảng Trị đã phát hiện, bắt giữ nhiều vụ buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ trái phép ĐVHD. Theo báo cáo của Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị, từ năm 2012 đến tháng 5/2016, toàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 135 vụ vi phạm về buôn bán, vận chuyển trái phép ĐVHD, tịch thu 1.599 cá thể ĐVHD, trong đó có nhiều cá thể là động vật quý hiếm. Các cá thể động vật

quý hiếm như tê tê, rắn hổ mang chúa, rắn ráo trâu, kỳ đà hoa, ba ba, rùa, chồn hương, chồn vàng... chủ yếu được buôn bán và vận chuyển trái phép trên tuyến quốc lộ 9 từ Lào về Việt Nam tiêu thụ.

Mặc dù, hành vi vi phạm về ĐVHD quý hiếm đã được quy định trong Luật ĐDSH năm 2008 và Bộ luật Hình sự, nhưng thực tế, các hành vi xâm hại đến các loài ĐVHD diễn ra phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân là do lợi nhuận từ việc săn bắn, buôn bán ĐVHD, cũng như nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm từ ĐVHD ngày càng lớn nên các đối tượng vẫn bất chấp mua bán, tiêu thụ trái phép ĐVHD với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Trong khi đó, công tác quản lý, bảo tồn ĐDSH còn hạn chế; bộ máy quản lý nhà nước về ĐDSH chưa đáp ứng yêu cầu cả về số lượng, cũng như năng lực chuyên môn; sự phối hợp

liên ngành chưa hiệu quả, còn chồng chéo về chức năng quản lý...

TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP NGĂN CHẶN NẠN SĂN BẮT, BUÔN BÁN ĐVHD

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác bảo tồn ĐDSH, đặc biệt là bảo vệ động, thực vật hoang dã quý hiếm, tỉnh Quảng Trị đã triển khai Kế hoạch hành động ĐDSH tỉnh Quảng Trị đến năm 2015, định hướng đến năm 2020. Đồng thời, tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện công tác bảo vệ rừng nói chung và bảo vệ ĐVHD nguy cấp, quý hiếm nói riêng. Ngày 25/3/2016, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 955/UBND-NN về tăng cường công tác bảo vệ ĐVHD.

Tỉnh đã thành lập 3 khu bảo tồn (KBT) thiên nhiên (Đắc Rông, Hướng Hóa, Cồn



Cỏ) và 2 khu bảo vệ cảnh quan (đường Hồ Chí Minh và Rú Lịnh). Các KBT này đã và đang phát huy hiệu quả trong công tác bảo tồn ĐDSH, góp phần giữ gìn nhiều loài động, thực vật quý hiếm. Bên cạnh đó, các ngành chức năng đã phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng phương án đấu tranh, ngăn chặn tại chỗ; tổ chức kiểm tra, kiểm soát trên các tuyến giao thông, điểm mua bán ĐVHD trái phép; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ ĐVHD, quý hiếm và tăng cường quản lý hoạt động gây nuôi ĐVHD. Đồng thời, phối hợp với tỉnh Savannakhet (Lào) ngăn chặn hoạt động buôn bán động, thực vật hoang dã quý hiếm trên tuyến biên giới từ Lào vào Việt Nam và tổ chức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là ở miền núi, các khu rừng đặc dụng để người dân tích cực tham gia bảo vệ động, thực vật; không săn bắn, bắt, bẫy các loài ĐVHD quý hiếm. Nhiều chiến dịch tuyên truyền lưu động trong cộng đồng dân cư, thôn, bản, trường học được tổ chức, kết hợp với việc phát tờ rơi, tài liệu đến hộ gia đình, yêu cầu các nhà hàng, cơ sở sản xuất, chế biến ký cam kết không buôn bán, tiêu thụ ĐVHD.

Tuy nhiên, để ngăn chặn và chấm dứt nạn săn bắt, buôn bán ĐVHD tại Quảng Trị, cần có sự vào cuộc của chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các cơ quan chức năng và ủng hộ của người dân. Trong thời gian tới, tỉnh sẽ đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, học sinh, sinh viên, nhân dân về tác động tiêu cực của việc buôn bán bất hợp pháp ĐVHD; Xây dựng quy hoạch bảo tồn, phát triển các loài ĐVHD phân bố trên địa bàn tỉnh, gắn quy hoạch bảo tồn phát triển rừng đặc dụng với quy hoạch bảo vệ, tái tạo, phát triển loài động vật, thực vật nguy cấp, quý hiếm; Triển khai các dự án về bảo vệ, phát triển loài đặc hữu; Tăng cường nghiên cứu về ĐDSH nói riêng và BVMT nói chung, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn tài nguyên. Mặt khác, tăng cường tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về mua bán, vận chuyển, xuất, nhập khẩu, gây nuôi, chế biến ĐVHD tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, cửa khẩu quốc tế; Xây dựng những chính sách thiết thực, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển kinh tế - xã hội địa phương, gắn lợi ích của người dân vào công tác bảo tồn...■

THÚY NGÀ

● Nam Định: Ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025

Ngày 23/9/2016, UBND tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch số 75/KH-UBND về quản lý chất lượng không khí (CLKK) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

Kế hoạch đề ra mục tiêu kiểm soát các nguồn khí thải, trong đó tập trung vào nguồn khí thải công nghiệp, năng lượng lớn và giao thông. Theo đó, triển khai các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi (PM_{10} và $PM_{2,5}$), khí thải tại các nguồn thải chính (tập trung vào nguồn công nghiệp, năng lượng, giao thông và xây dựng); Kiểm kê khí thải và yêu cầu lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động liên tục với các thông số theo Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với cơ sở sản xuất có nguồn khí thải công nghiệp, năng lượng lớn; Xác định hiện trạng ô nhiễm bụi PM_{10} và $PM_{2,5}$ tại khu vực TP, thị trấn, tập trung dân cư, làng nghề, khu/cụm công nghiệp và các nút giao thông; Tăng cường công tác giám sát CLKK xung quanh thông qua mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh.

Để thực hiện mục tiêu trên, Kế hoạch đề ra các giải pháp: Hoàn thiện và thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật về quản lý CLKK; Hướng dẫn các cơ sở sản xuất kinh doanh thực hiện quy định pháp luật về BVMT không khí; Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm phát triển làng nghề truyền thống ít gây ô nhiễm không khí; Phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải; Đa dạng hóa nguồn lực cho quản lý CLKK;

Tăng cường hợp tác quốc tế và nghiên cứu khoa học về quản lý CLKK; Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về BVMT không khí; Tuyên truyền, giáo dục nâng cao năng lực, nhận thức về quản lý CLKK...

● Quảng Bình: Ban hành Kế hoạch hành động về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường giai đoạn 2016 - 2020

Ngày 4/10/2016, UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 3054/QĐ-UBND về Kế hoạch hành động quản lý tài nguyên và BVMT giai đoạn 2016 - 2020. Mục tiêu của Kế hoạch nhằm tăng cường hiệu lực công tác quản lý tài nguyên, BVMT, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai; Ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ thu gom rác thải đô thị đạt 100%; 90% các đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp xử lý chất thải rắn, nước thải đạt tiêu chuẩn; 85% lượng rác thải tại khu vực nông thôn được thu gom xử lý; 97% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh; tỷ lệ che phủ rừng đạt 69 - 70%.

Kế hoạch đề ra một số giải pháp cần thực hiện như: Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và quản lý của chính quyền địa phương đối với công tác quản lý nhà nước về tài nguyên, BVMT; Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực TN&MT...



Đẩy mạnh quản lý chất lượng không khí tại Bắc Ninh

Bắc Ninh là tỉnh có diện tích nhỏ nhất tại Việt Nam, nằm trên vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ. Toàn tỉnh có 1 TP, 1 thị xã, 6 huyện, với 126 đơn vị hành chính cấp xã, dân số khoảng 1,131 triệu người, chiếm 1,21% dân số cả nước và đứng thứ 39/63 tỉnh, TP. Bắc Ninh từ lâu đã nổi tiếng với nhiều làng nghề truyền thống có tuổi đời hàng trăm năm, làm ra những sản phẩm thủ công tinh xảo, độc đáo. Hiện nay, Bắc Ninh có 62 làng nghề, chủ yếu trong các lĩnh vực như đồ gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, sản xuất giấy, gốm, sắt, thép tái chế, đúc đồng. Đặc biệt, Bắc Ninh còn là một trong những điểm sáng về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), đứng thứ 7 toàn quốc và đứng thứ 3 khu vực đồng bằng sông Hồng.

Tuy nhiên, hiện nay, môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đang bị ô nhiễm nghiêm trọng bởi các hoạt động như giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp và làng nghề... Trong khoảng 5 năm trở lại đây, nồng độ bụi trong không khí cao là vấn đề đáng lo ngại của tỉnh. Tại các điểm quan trắc trên các tuyến đường giao thông cho thấy, nồng độ bụi cao hơn quy chuẩn cho phép QCVN 05:2013/BTNMT từ 1,1 - 1,3 lần. Tại các cụm công nghiệp (CCN), nồng độ bụi cũng cao hơn giới hạn cho phép của QCVN từ 1,3 - 1,5 lần.

Đặc biệt, nồng độ bụi tại các làng nghề cao hơn khoảng 1,8 lần. Trong đó, ngành sản xuất có thải lượng ô nhiễm lớn nhất là tái chế kim loại, quá trình tái chế và gia công cũng phát sinh các khí độc hại như (PbO , ZnO , Al_2O_3). Các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chăn nuôi và giết mổ như làng nghề chế biến bún Khắc Niệm, làng nghề rượu Đại Lâm... phát sinh ô nhiễm mùi do quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong nước thải và các chất hữu cơ trong chế phẩm thừa thải ra tạo nên các khí như: SO_2 , NO_2 , H_2S ... Các làng nghề thủ công mỹ nghệ như làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ thường bị ô nhiễm nặng bởi khí SO_2 phát sinh từ quá trình xử lý chống mốc cho các sản phẩm, bụi phát sinh từ quá trình chà, bào sản phẩm. Qua kết quả quan trắc định kỳ hàng năm của Sở TN&MT tại làng nghề Văn Môn cho thấy, nồng độ SO_2 cao hơn quy chuẩn cho phép 3,1 lần, nồng độ NO_2 cao hơn quy chuẩn từ 2,2 - 2,6 lần.

Đối với khu vực nông thôn, chất lượng môi trường không khí còn tương đối tốt, nhiều vùng



▲ Làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ Đồng Kỵ (Bắc Ninh)

chưa có dấu hiệu ô nhiễm. Nồng độ các chất ô nhiễm hầu hết nằm trong giới hạn cho phép. Môi trường không khí chủ yếu bị tác động do các hoạt động sản xuất của làng nghề, hoạt động sản xuất, xây dựng nhỏ lẻ, đốt rơm rạ sau vụ mùa, đốt rác thải. Bên cạnh đó, môi trường không khí cũng bị ảnh hưởng từ việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tràn lan, không đúng liều lượng, gây phát tán một lượng hóa chất độc hại vào không khí.

Trước thực trạng trên, những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án tổng thể BVMT làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy chế BVMT làng nghề, khu dân cư, CCN tỉnh Bắc Ninh; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

Ngoài ra, tỉnh đã và đang thực hiện một số đề án, dự án xử lý ô nhiễm không khí như đầu tư hệ thống xử lý khí thải đối với các hợp tác xã luyện kim loại màu thuộc làng nghề Văn Môn và Đại Bái do Nhật Bản hỗ trợ; Xử

lý ô nhiễm môi trường làng nghề đúc đồng Đại Bái, tái chế nhôm Mẫn Xá; Lắp đặt 2 trạm quan trắc online đối với môi trường không khí đối với 2 mô hình làng nghề tại Phong Khê và TP. Bắc Ninh...

Trong thời gian tới, Bắc Ninh sẽ tiến hành lập quy hoạch, xây dựng lộ trình từng bước di dời các cơ sở sản xuất trong làng nghề vào các khu, CCN tập trung để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải; Yêu cầu các hộ gia đình sản xuất trong làng nghề bắt buộc phải đầu tư xây dựng hệ thống xử lý khí thải phát sinh; Dừng sản xuất đối với những cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bằng biện pháp cắt điện. Cùng với đó, tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về BVMT; Triển khai thực hiện Quy chế BVMT làng nghề, khu dân cư, CCN tỉnh Bắc Ninh; Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, quan trắc, dự báo, cảnh báo và kiểm soát ô nhiễm, đặc biệt, tại những làng nghề, khu vực có nguy cơ gây ô nhiễm không khí; Xây dựng Đề án mở rộng hệ thống mạng lưới giám sát chất lượng môi trường tại các làng nghề truyền thống, khu dân cư đông đúc và quy định bắt buộc



Thái Nguyên triển khai thực hiện Chỉ thị số 25/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ

TRẦN THỊ HƯƠNG

Chi cục BVMT Thái Nguyên

Thời gian qua, công tác BVMT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo và đạt được một số kết quả quan trọng, cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường đã được kiểm soát. Tuy nhiên, tại một số địa phương, ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của nhân dân, đặc biệt là vấn đề ô nhiễm môi trường tại các khu vực khai thác, chế biến khoáng sản, khu, cụm công nghiệp, chăn nuôi, vấn đề thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải y tế, chất thải nguy hại.

Để khắc phục những hạn chế, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm, đồng thời, triển khai thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT, ngày 4/10/2016, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Chỉ thị số 22/CT-UBND về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về BVMT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trong đó xác định rõ trách nhiệm của các Sở, ngành, UBND cấp huyện và các nhiệm vụ trọng tâm về công tác BVMT cần triển khai trong thời gian tới.

Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nêu cao tinh thần trách nhiệm, đảm bảo các yêu cầu về BVMT trong công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, cơ quan đơn vị.

Chỉ thị đã xác định rõ trách nhiệm của các cấp, ngành trong việc triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác BVMT của tỉnh như: Đảm



▲ Đại diện Lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên trao giải cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác BVMT

bảo yêu cầu BVMT trong thu hút đầu tư ngay từ khâu xét duyệt, thẩm định triển khai thực hiện các dự án, không cho phép đầu tư vào các dự án công nghệ sản xuất lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, ưu đãi, khuyến khích đầu tư các dự án có công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường; Chủ tịch UBND cấp huyện và Giám đốc các Sở, ngành, Ban Quản lý các KCN chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để các hoạt động thuộc ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn quản lý gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Tập trung nghiên cứu, xây dựng văn bản cụ thể hóa các chính sách, pháp luật phù hợp với yêu cầu BVMT ở tỉnh; Tăng

cường và chấn chỉnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm; Nâng cao năng lực quản lý nhà nước và huy động nguồn lực cho BVMT; Xây dựng các trạm quan trắc tự động, rà soát, đôn đốc hướng dẫn các KCN, CCN, cơ sở sản xuất có quy mô xả thải lớn lắp đặt các thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải; Tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia BVMT...

Với tinh thần nâng cao hiệu quả công tác BVMT, tạo bước phát triển bền vững, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên yêu cầu các Sở, ngành, UBND cấp huyện, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 22/CT-UBND trong thời gian tới■

các cơ sở công nghiệp tự báo cáo về tình hình BVMT...

Để thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh sẽ có các cơ chế chính sách nhằm khuyến khích cơ sở sản xuất sử dụng nhiên liệu sạch, đổi mới công nghệ để giảm phát thải khí nhà kính,

sử dụng khí nén tự nhiên làm nguyên liệu cho các phương tiện giao thông; Tăng cường lắp đặt các thiết bị quan trắc khí tự động đối với các doanh nghiệp có nguồn khí thải lớn; Nghiên cứu, thực hiện Đề án Kiểm soát khí thải xe mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông. Mặt khác, huy động các nguồn lực cho quản lý chất lượng không khí; Đẩy mạnh công tác thanh

tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về BVMT không khí của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, huy động sự tham gia của cộng đồng trong việc giám sát khí thải; Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của ô nhiễm không khí.

PHẠM THỊ VUI



“Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong công tác bảo vệ môi trường

VŨ NGỌC LÂN

Cách đây 34 năm, Đảng ta đã đề ra khẩu hiệu, sau này thành phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Đại hội XII của Đảng tiếp tục đề ra nhiệm vụ: Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, trong đó nhấn mạnh nội dung “Nhân dân làm chủ” và phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Vậy phương châm này được vận dụng trong công tác BVMT như thế nào? “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” được hiểu là người dân trực tiếp được “biết”, được “bàn”, được “làm”, được “kiểm tra” mà không qua những cơ quan đại diện cho mình. Xu hướng người dân tham gia trực tiếp vào công tác BVMT ở cộng đồng dân cư, địa bàn cơ sở ngày càng tăng. Trong những năm qua, việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đã từng bước cụ thể hóa phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trên nhiều lĩnh vực, góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, trong đó có công tác BVMT.

“Dân biết” là kết quả quá trình công khai, dân chủ trong công tác BVMT, đồng thời là tiền đề để “dân bàn”, “dân làm”, “dân kiểm tra”. “Dân biết” về chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, cũng như những quy chế, quy định của ngành/địa phương, cơ sở về BVMT. Tuy nhiên, lâu nay, do nhiều



▲ Hội thảo phản biện xã hội về Dự thảo Luật Thuế môi trường do Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam tổ chức

nguyên nhân, ở nhiều nơi, người dân không được biết việc xử lý, BVMT trên địa bàn của mình như thế nào cho nên cũng không thể “bàn” và “kiểm tra”. Đó là tại các khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX), doanh nghiệp (DN) có 100% vốn đầu tư của nước ngoài được bao bọc, khép kín và người dân “bất khả xâm phạm”. Do đó, trách nhiệm BVMT nơi đây trước hết thuộc về những người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và các cơ quan tham mưu, thẩm định dự án về môi trường. Những cơ quan, tổ chức, đoàn thể đại diện cho người dân nhiều khi cũng không được hỏi ý kiến, không được thông tin và đặc biệt là không có đủ chuyên môn về khoa học, công nghệ môi trường để phản biện, giám sát. Đó là chúng ta chưa nói đến những tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, chủ nghĩa cá nhân trong việc phê duyệt, thẩm định, giám sát các yếu tố về môi trường tại

các chương trình, dự án kinh tế. Để xảy ra sự cố môi trường như Công ty Formosa Hà Tĩnh và ở không ít các KCN, KCX khác hoặc DN nhỏ lẻ là do thiếu thông tin và sự tham gia bàn bạc, kiểm tra, giám sát trực tiếp của người dân và các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đại diện cho họ. Do đó, nếu có cơ chế, quy định chặt chẽ việc thông tin để “dân biết” và các tổ chức đoàn thể được tham gia giám sát, phản biện xã hội thì có lẽ sự cố môi trường không đến nỗi nặng nề như thời gian qua.

“Dân bàn” là khâu người dân thực hiện quyền làm chủ của mình để hiểu hơn về chủ trương, đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về BVMT và đưa chủ trương, nghị quyết vào cuộc sống. Có vấn đề cần “dân bàn” để giải đáp về các giải pháp BVMT. Có vấn đề cần “dân bàn” để xây dựng chính sách, cơ chế, quy định về BVMT. Có vấn đề để đưa ra “dân bàn” để hỏi ý



kiến của dân nhằm giải quyết một vấn đề môi trường nổi cộm nào đó. Để “dân bàn” có hiệu quả, trước hết, những người có trách nhiệm cần chuẩn bị kỹ các nội dung như: Thống nhất trong lãnh đạo về những vấn đề cần đưa ra “dân bàn”; công khai, minh bạch thông tin về những vấn đề cần bàn; thông báo các hình thức cũng như cách thức, thể lệ, quy trình, thời gian để dân bàn; tiếp thu ý kiến, giải trình những ý kiến, đóng góp của dân...

Hiện nay, có rất nhiều vấn đề liên quan đến công tác BVMT còn gặp khó khăn, vướng mắc, nổi cộm, tồn đọng từ nhiệm kỳ này sang nhiệm kỳ khác mà ít khi được đưa ra cho “dân bàn”. Chẳng hạn, vấn đề lợi ích của cộng đồng dân cư nơi có các KCN, KCX hoạt động; mối quan hệ giữa cộng đồng dân cư ở KCN, KCX, DN với những người lãnh đạo nơi đây; làm thế nào để phát huy quyền làm chủ trực tiếp của người dân trong công tác BVMT đối với các KCN, KCX, DN gây ô nhiễm môi trường...? Đây là những vấn đề tồn tại, gây bức xúc ở nhiều nơi nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Nếu không lường trước sẽ xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp, gây căng thẳng giữa các bên, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị-xã hội, sản xuất, kinh doanh và đời sống của người dân. Từ lâu, Bác Hồ đã dạy: “Kinh nghiệm trong nước và các nước cho chúng ta biết: Có lực lượng dân chúng, việc to tát mấy, khó khăn mấy cũng làm được. Không có, thì việc gì làm cũng không xong. Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách đơn giản, nhanh chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra”.

“Dân làm” là khâu thứ ba trong phương châm này. Do vậy, hiệu quả cao hay thấp, chất lượng tốt hay kém, nhiều người hay ít người tham gia, phong trào BVMT có rộng lớn, bền vững hay không... phụ thuộc nhiều vào khâu “dân

biết”, “dân bàn”. Do vậy, trước khi “dân làm”, người lãnh đạo cần xác định rõ một số vấn đề mấu chốt như những vấn đề trong công tác BVMT có đáp ứng lợi ích, nguyện vọng, yêu cầu chính đáng của người dân hay không, có hợp quy luật không; Người dân đã “được biết”, “được bàn” kỹ những vấn đề liên quan đến công tác BVMT hay chưa; Cán bộ, đảng viên, công chức, những người lãnh đạo của tổ chức, cấp ủy đảng, chính quyền có gương mẫu, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, ý kiến của người dân nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, yếu kém trong công tác BVMT hay chưa. Một trong những yêu cầu bắt buộc đối với người lãnh đạo là phải cầu thị, không dân chủ hình thức thì dân sẽ cùng bàn bạc và hưởng ứng.

“Dân kiểm tra” là một trong những nội dung về quyền làm chủ của dân trong xu hướng mở rộng dân chủ hiện nay. Từ lâu đã có nhiều ý kiến đề nghị thay khái niệm “kiểm tra” bằng khái niệm “giám sát” bởi nó phù hợp với nhiều văn bản pháp quy cũng như thực tiễn. Tuy nhiên, trong giám sát cũng bao gồm cả quyền “kiểm tra” và rộng hơn cả kiểm tra. Có lẽ vì vậy, các cơ quan chức năng chưa tham mưu để Đảng, Nhà nước thay đổi bổ sung vào phương châm. Do đó cần có cơ chế để người dân thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, thì công tác BVMT mới

có hiệu quả và bền vững. Bác Hồ cũng đã từng khẳng định: “...Chín phần mười khuyết điểm trong công việc của chúng ta là vì thiếu sự kiểm tra”.

Hiện nay, trong công tác kiểm tra, giám sát của người dân về BVMT còn nhiều bất cập. Nguyên nhân mấu chốt, sâu xa nhất là chưa thể chế hóa, cụ thể hóa vấn đề này thành các quy chế, quy định mang tính pháp quy, vì phương châm không mang tính bắt buộc. Do vậy, trong khi chờ những quy định cụ thể của Đảng, Nhà nước thì Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cần làm tốt công tác giám sát, phản biện xã hội về BVMT ở các KCN, KCX, DN hoạt động trên địa bàn dân cư. Từ năm 2013, Bộ Chính trị đã có Quyết định về công tác giám sát, phản biện xã hội, trong đó có giám sát, phản biện xã hội về môi trường. Mặt khác, để thực hiện tốt phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong công tác BVMT cần phát huy thế mạnh của các phương tiện thông tin đại chúng. Việc công khai phê bình và tự phê bình các tổ chức, cơ quan, đơn vị, DN, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật, chính sách, pháp luật về BVMT trên báo chí cần được tái lập. Trong các giai đoạn cách mạng trước đây, Đảng ta đã có quy định cụ thể và làm tốt công tác công khai tự phê bình và phê bình trên báo chí■



Tỵ nạn môi trường ở đồng bằng sông Cửu Long - Một tương lai rất gần

TRẦN LÊ TRÀ

WWF Việt Nam

Tại Việt Nam, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những khu vực chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất do BĐKH. Theo kịch bản phát thải cao, vào cuối thế kỷ XXI, toàn dải ven biển Việt Nam sẽ bị nước biển dâng từ 57 - 73 cm, khu vực từ Cà Mau đến Kiên Giang có mực nước biển tăng nhiều nhất lên đến 105 cm. Ủy ban Liên Chính phủ về BĐKH (IPCC) ước tính, Việt Nam có thể mất đến 2,5 triệu ha đất và 10 triệu dân buộc phải di cư.

Tuy nhiên, trên thực tế, hàng triệu người dân ĐBSCL hiện đã và đang phải đối mặt với tình trạng hạn hán nghiêm trọng nhất trong vòng 100 năm qua. Người dân ĐBSCL đứng trước nguy cơ mất sinh kế, mất việc làm, mất thu nhập và rất có thể sẽ trở thành dân tỵ nạn môi trường.

TỶ NẠN MÔI TRƯỜNG

GS. Essam El-Hinnawi thuộc Trung tâm Nghiên cứu Quốc gia (Cairo) là người đầu tiên đã đưa ra khái niệm về “tỵ nạn môi trường” vào năm 1985. Ông cho rằng, tỵ nạn môi trường là những người buộc phải rời môi trường sống truyền thống tạm thời hoặc mãi mãi vì môi trường bị phá hủy (do thiên nhiên hoặc con người gây ra), làm cho sự tồn tại của họ gặp nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng tới chất lượng cuộc sống của họ.

Di dân không phải là hiện tượng mới trong lịch sử loài người. Từ nghìn xưa, rất nhiều cộng đồng đã di chuyển từ nơi này đến nơi khác, thậm chí đi rất xa, để tìm kiếm địa bàn sinh sống mới, thuận lợi hơn, tốt đẹp hơn. Chiến tranh, xung đột xã hội và các thảm họa môi trường có lẽ là những nguyên

nhân chính của các làn sóng di cư. Trong quá khứ, khi biên giới quốc gia và địa giới hành chính còn mờ nhạt, tài nguyên thiên nhiên phong phú, việc di cư diễn ra dễ dàng hơn, không gây ra nhiều xáo trộn trong cộng đồng di cư cũng như cộng đồng tiếp nhận di cư.

Di dân ngày nay có diện mạo khác rất nhiều so với trước đây. Thứ nhất, số lượng người trong mỗi làn sóng di cư có thể lên đến hàng trăm nghìn, thậm chí hàng triệu người. Thứ hai, do sự hạn chế của các biên giới hành chính và cơ hội sử dụng tài nguyên hay cơ hội việc làm, người di cư không có nhiều lựa chọn về điểm đến. Thứ ba, cho dù có được chính quyền địa phương hay cộng đồng tiếp nhận hỗ trợ thì việc khôi phục các sinh kế cũ là rất khó khăn. Các cộng đồng di cư sẽ phải đối mặt với một giai đoạn chuyển tiếp đầy khó khăn.

Theo các nghiên cứu của WB, UNDP, UNEP, UNHCR, ước tính trên thế giới có khoảng 25 triệu người đang di chuyển từ nơi này sang nơi khác vì những lý do liên quan đến môi trường; 50 triệu người đã mất nơi cư trú do thảm họa thiên tai như bão, lũ lụt và động đất; 90 triệu người bị tái định cư do các công trình, dự án hạ tầng. Những con số này đang có xu hướng tăng lên trong những thập kỷ tới do tác động của hiện tượng nóng lên toàn cầu, BĐKH và nước biển dâng.

DI DÂN VÀ TỶ NẠN MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM

Tại Việt Nam, chúng ta hiếm khi sử dụng khái niệm tỵ nạn môi trường, một mặt có lẽ do tính nhạy cảm của từ “tỵ nạn”, mặt khác, do chúng ta cho rằng việc thay đổi chỗ ở của các cộng đồng dân cư trong



▲ Lúa chết do xâm nhập mặn ở Kiên Giang



▲ Hàu chết do thay đổi độ mặn trong nước ở Bến Tre



nước thường là có kế hoạch và được kiểm soát. Chính vì vậy, khái niệm thường được sử dụng là “tái định cư”, hoặc gọi chung là “di cư”.

Theo kết quả điều tra về dân số và nhà ở của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (năm 2009), từ năm 2004 - 2009, Việt Nam có 6,6 triệu người di cư trong nước trên tổng số 85.789.573 dân. Đến năm 2013, cả nước có 1.790.374 người di cư, tăng 33% so với giai đoạn 2004 - 2009. Nếu như vào năm 1999, tính trung bình cứ 1.000 dân thì có 29 người di cư thì đến năm 2009, tỷ lệ này là 43 người di cư trên 1.000 dân. Tuy nhiên, nếu nhìn vào tỷ lệ dân nhập cư hoặc người ngoại tỉnh ở các TP lớn, đô thị có khu công nghiệp, có thể ước tính số người di cư còn cao hơn nhiều so với con số thống kê nêu trên.

Nguyên nhân di cư chính được xác định là vì lý do kinh tế. Ở đầu đi, lực đẩy chủ yếu là do nông dân mất mối liên kết với ruộng đất một phần, quá trình thương mại hóa, cơ giới hóa nông nghiệp dẫn đến tình trạng nông dân thiếu việc làm. Mặt khác do thu nhập từ các hoạt động sinh kế truyền thống dựa vào đất và tài nguyên thiên nhiên không đủ đáp ứng nhu cầu cuộc sống, hay do thiên tai và các dự án hạ tầng. Ở đầu đến, lực kéo là cơ hội việc làm và thu nhập từ các khu kinh tế ở TP.

Tuy nhiên, còn có một bộ phận không nhỏ người dân buộc phải di cư vì không còn lựa chọn khác, thường là bị tái định cư do thiên tai (trường hợp tái định cư để tránh lũ ở ĐBSCL) và các dự án hạ tầng lớn (thủy điện, hồ chứa, cầu đường...). Có những trường hợp người dân bị tái định cư nhiều lần do dự án chống dự án, hoặc do tác động không lường trước của các dự án thủy điện như việc tích, xả nước của các hồ thủy điện ở lưu vực Vu Gia - Thu Bồn đã thay đổi dòng chảy và dẫn đến hiện tượng sạt lở quy mô lớn khiến các thôn, làng ven sông phải di dời vào sâu hơn. Đối với công trình thủy điện Sơn La (2.400 MW) đã có 20.340 hộ, 92.301 nhân khẩu thuộc 3 tỉnh Điện Biên, Sơn La, Lai Châu bị tái định cư. Nếu tính cả số hộ dân bị tái định cư theo dự án đường tránh ngập Mường Lay - Nậm Nhùn, con số này lên đến 20.477 hộ. Trong khi đó, trên 10 hệ thống sông ngòi chính ở nước ta có đến 7.500 nhà máy thủy điện, đập dâng, hồ chứa, công trình thủy lợi. Như vậy, có thể thấy số dân bị tái định cư là rất lớn.

Tái định cư thủy điện hoặc tránh lũ, ở phương diện nào đó có thể được xem là di dân có kế hoạch. Hàng trăm nghìn tỷ đồng được chi để hỗ trợ cho các chương trình tái định

cư trên cả nước với các khoản chi như tiền bồi thường, xây dựng hạ tầng ở các khu, điểm tái định cư, hỗ trợ phát triển sản xuất... Mặc dù vậy, chưa có một chương trình tái định cư nào được xem là thành công. Khó khăn lớn nhất trong tất cả các chương trình tái định cư là đảm bảo sinh kế tại nơi ở mới. Nếu căn cứ theo định nghĩa được thừa nhận rộng rãi về tị nạn môi trường, một bộ phận đáng kể cư dân tái định cư trong những năm qua có thể được xem là tị nạn môi trường.

BẤT ỔN VỀ MÔI TRƯỜNG Ở ĐBSCL

ĐBSCL là vùng đất màu mỡ, giàu dinh dưỡng do luôn được một lượng lớn phù sa bồi đắp. Chính vì vậy, từ lâu, ĐBSCL đã được xem là vựa lúa, vựa trái cây của cả nước. Sản xuất lúa ở ĐBSCL có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và góp phần tích cực trong xuất khẩu. Sản lượng lúa vùng ĐBSCL đạt 25,2 triệu tấn vào năm 2014, chiếm 56% sản lượng lúa cả nước, đóng góp trên 90% sản lượng gạo xuất khẩu. Các tỉnh đạt sản lượng lúa cao nhất vùng là Kiên Giang, An Giang, Đồng Tháp với 11,7 triệu tấn.

Tuy nhiên, ĐBSCL đang phải đối diện với nạn hạn hán lớn nhất trong vòng 100 năm qua. Cả vùng đồng bằng đang trong tình trạng thiếu nước ngọt nghiêm trọng, dẫn đến xâm nhập mặn trên diện rộng ở tất cả các tỉnh, gây thiệt hại nặng nề đến ngành nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Số liệu từ Bộ NN&PTNT cho thấy, xâm nhập mặn đi sâu vào nội địa đến 60 km, thậm chí có chỗ lên đến 90 km. Hơn 300.000 ha lúa, hoa màu bị thiệt hại nặng nề.

Bên cạnh nguyên nhân El Nino, ĐBSCL còn chịu ảnh hưởng từ các đập thủy điện được xây dựng trên vùng thượng lưu, giữ lại lượng nước và phù sa vốn đã ít ỏi. Trong những năm qua, lượng phù sa đến được vùng cửa sông Cửu Long đang giảm nhanh chóng. Theo ước tính của Ủy ban sông Mê Công, lượng phù sa đổ về ĐBSCL cách đây 30 năm là trên dưới 160 triệu tấn/năm. Lần ước tính gần nhất cho kết quả 75 triệu tấn/năm. Riêng giai đoạn 1992 - 2014, lượng trầm tích giảm gần một nửa. Hậu quả là hàng loạt các thay đổi nghiêm trọng đang xảy ra ở khu vực này: đáy sông sâu hơn, tạo điều kiện cho nước mặn xâm nhập sâu vào nội địa; bờ sông, ven biển sạt lở với cường độ cao gây mất nhà cửa, đất sản xuất, phá hỏng đường xá. ĐBSCL đang chìm dần và sạt lở với tốc độ cao.

NGUY CƠ TỊ NẠN MÔI TRƯỜNG Ở ĐBSCL VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Các vấn đề môi trường do thiên nhiên gây ra cũng như hoạt động của con người đang đặt hàng triệu người dân có nguy cơ trở thành dân tị nạn môi trường.

Từ nhiều năm qua, người dân ĐBSCL đã di cư kiếm việc làm từ các tỉnh miền Tây sang các tỉnh miền Đông Nam bộ, tuy nhiên, chỉ ở quy mô vừa phải. Nghiên cứu của TS. Lê Thanh Sang, Phó Viện trưởng Viện Phát triển bền vững vùng Nam bộ cho thấy, trong số hơn 900.000 người di cư từ ĐBSCL đến các vùng khác (điều tra dân số năm 2004 - 2009) thì có hơn 77% chọn điểm dừng là TP. Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ.



Đặc biệt, đợt hạn hán lịch sử năm 2016 có thể gây ra một làn sóng di cư mới, vẫn từ miền Tây sang miền Đông, với quy mô lớn hơn rất nhiều. Điều đáng lưu ý, những người tham gia vào đợt di cư mới này chưa được chuẩn bị đầy đủ cho việc tìm kiếm sinh kế mới. Trong số 10,4 triệu lao động trong vùng, chỉ có 10,4% lao động được đào tạo.

Làn sóng di cư mới sẽ tạo áp lực lên cả nơi đi lẫn nơi đến. Ở nơi đi, việc di dân ồ ạt của nhóm dân cư trẻ và có sức lao động sẽ gây nên tình trạng thiếu hụt lao động, gây khó khăn cho việc phục hồi sản xuất ở những vùng bị hạn hán, ngập mặn. Ở nơi đến, cơ hội việc làm không đủ cho lao động phổ thông. Các dịch vụ như y tế, giáo dục, an sinh xã hội chưa được chuẩn bị để tiếp nhận một lượng lớn dân di cư. Hậu quả là nhóm di cư sẽ trở thành nhóm dễ bị tổn thương nhất trong cuộc sống đô thị, ít được bảo vệ, tiền lương được trả không tương xứng với sức lao động, khó tiếp cận các dịch vụ nhà ở xã hội nên sống trong môi trường chật hẹp, ô nhiễm và không được chăm sóc sức khỏe tốt khi ốm đau vì không có bảo hiểm y tế.

Các giải pháp tạm thời như chính sách hỗ trợ hay cứu trợ đối với các cộng đồng bị thiên tai không thể giúp giải quyết vấn đề tỵ nạn môi trường. Trong lúc làn sóng di cư vì môi trường chưa bùng phát, các cơ quan quản lý nhà nước cần có các giải pháp mang tính chiến lược và dài hạn:

Cần xem xét lại các kịch bản BĐKH, làm cơ sở cho việc xây dựng các kế hoạch, chiến lược di dân, tái định cư có tổ chức và chính sách hỗ trợ tương ứng. Vấn đề di cư và tái định cư cũng như các biện pháp tăng cường thích ứng với BĐKH cần được lồng ghép vào chính sách, chiến lược, quy hoạch ở Trung ương và địa phương, kể cả nơi đi và nơi đến.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình cấp quốc gia và cấp địa phương để cải thiện điều kiện sống, giải pháp sinh kế và khả năng chống chịu cho người di cư, tái định cư, cộng đồng di dời và cộng đồng tiếp nhận tái định cư.

Thực hiện các nghiên cứu cần thiết để đưa ra các mô hình sinh kế mới, phù hợp với điều kiện hạn hán, thiếu nước...

Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế để xây dựng và thực hiện cơ chế chia sẻ nguồn nước một cách hợp lý giữa các quốc gia vùng Mê Công mở rộng (Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam), trong đó có vấn đề xây dựng, vận hành các công trình thủy lợi, hồ chứa và thủy điện một cách có trách nhiệm■



ô nhiễm ánh sáng là một dạng ô nhiễm môi trường, xảy ra khi ánh sáng nhân tạo lấn át ánh sáng tự nhiên vào ban đêm, gây khó chịu cho con người. Dựa vào đặc trưng của các nguồn gây ra và đối tượng chịu tác động, ô nhiễm ánh sáng được chia thành: Ánh sáng xâm nhập, lạm dụng ánh sáng, ánh sáng chói lóa, ánh sáng lộn xộn và ánh sáng chiếm dụng bầu trời.

Khác với ô nhiễm nước, không khí, tiếng ồn, ô nhiễm ánh sáng ít được chú ý. Ô nhiễm ánh sáng phát sinh trong quá trình hoạt động kinh tế, sinh hoạt của con người. Trong thế giới ngày càng hiện đại, ô nhiễm ánh sáng đang tác động đến con người một cách âm thầm và nguy hiểm.

TÁC ĐỘNG ĐẾN HỆ SINH THÁI

Quá trình ô nhiễm ánh sáng xảy ra làm cuộc sống sinh hoạt của các loài động vật hoang dã cũng bị ảnh hưởng, cân bằng sinh thái bị phá hủy. Ô nhiễm ánh sáng cũng gây xáo trộn mối quan hệ giữa động vật ăn thịt - con mồi, cũng như chu kỳ sinh sản của động vật hoang dã. Ánh sáng nhân tạo phát ra từ các đô thị thu hút hàng triệu côn trùng làm mất nguồn thức ăn của các loài chim và phá vỡ chuỗi thức ăn tự nhiên.

Tại các TP, ánh sáng làm cho cây xanh bị rối loạn cơ chế quang hợp, có xu hướng rụng lá, tăng lượng khí CO₂. Năng lượng phát sinh từ việc chiếu sáng ban đêm làm tăng một lượng lớn các loại khí nhà kính

khác, đẩy nhanh hiệu ứng ấm lên của Trái đất. Nếu tiếp tục kéo dài tình trạng này, có thể tính đa dạng của thế giới tự nhiên sẽ bị nguy hại nghiêm trọng.

TÁC ĐỘNG ĐẾN CON NGƯỜI

Cơ thể con người hoạt động theo một đồng hồ sinh học. Do vậy, ánh sáng nhân tạo vào ban đêm sẽ làm gia tăng căng thẳng và ảnh hưởng tiêu cực tới nhịp sinh học của con người. Một trong những tác động có thể kể đến là ảnh hưởng của ô nhiễm ánh sáng tới sự sản xuất hoóc-môn melatonin ở não (giúp cơ thể duy trì bình thường chu kỳ ngủ - thức), gây ra những rối loạn liên quan đến giấc ngủ, đau đầu, mệt mỏi, căng thẳng thần kinh, từ đó làm tăng nguy cơ béo phì và các tình trạng bệnh lý mãn tính.

Ô nhiễm ánh sáng, đặc biệt là ánh sáng màu gây ra những bất lợi đối với mắt, rối loạn thần kinh, khiến con người dễ xuất hiện các triệu chứng choáng váng, chóng mặt, buồn nôn, mất ngủ, mất tập trung, mệt mỏi... Đặc biệt, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) còn cảnh báo về nguy cơ gây ra các bệnh ung thư: Vú, ruột kết, trực tràng và tuyến tiền liệt.

Một tác nhân khác gây ra ô nhiễm ánh sáng chính là kính gương. Kính gương được sử dụng phổ biến trong xây dựng nhà cao tầng tại các đô thị. Hậu quả rõ nhất do kính gương là sự phản xạ ánh sáng, gây nguy hiểm cho người lái xe. Không những thế, càng ngày mắt người càng kém đi do ô nhiễm ánh sáng,



Ô NHIỄM ÁNH SÁNG: Hiểm họa tiềm ẩn

NGUYỄN ĐÌNH VIỆT

Học viện Chính trị Công an nhân dân

khó nhìn đường vào buổi tối, cộng hưởng với ánh sáng chói (tình trạng đối lập giữa vùng sáng và vùng tối trong tầm nhìn), đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng gia tăng tai nạn giao thông.

Ô nhiễm ánh sáng đã trở thành một vấn đề lớn. Ngay khi màn đêm buông xuống, các khu đô thị sáng rực trong ánh sáng nhân tạo halogen với cường độ mạnh đến mức làm lu mờ các ngôi sao trên trời. Hiện tượng này gia tăng trong 20 năm qua khiến nhiệt độ tại các TP cao hơn so với các vùng nông thôn.

TÁC ĐỘNG ĐẾN KINH TẾ

Các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, có khoảng 50 - 90% ánh sáng ở các tòa nhà là không cần thiết. Ở những TP lớn, hệ thống đèn trang trí và quảng cáo cũng bị lạm dụng quá mức, gây lãng phí năng lượng và kinh tế.

Theo thống kê của Hiệp hội Thiên văn Anh, năng lượng dùng cho chiếu sáng chiếm 1/4 tổng năng lượng tiêu dùng của cả thế giới, trong đó, có từ 30 - 60% năng lượng dành cho

những việc chiếu sáng không cần thiết.

Số liệu ước tính của Tổ chức Bảo vệ bầu trời đêm quốc tế cho thấy, chỉ riêng nước Mỹ đã có đến 38% năng lượng chiếu sáng ngoài trời là lãng phí, dẫn đến tiêu tốn 2 triệu thùng dầu mỗi năm, 1,5 tỷ USD/năm và đóng góp khoảng 300 triệu tấn/năm khí CO₂; lượng ánh sáng ô nhiễm hàng năm gây lãng phí được ước tính tương đương với lượng tiêu thụ 4,9 triệu lít xăng. Như vậy, ô nhiễm ánh sáng đang có tác động xấu đến nền kinh tế toàn cầu.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU Ô NHIỄM ÁNH SÁNG

Điện năng và ánh sáng là cơ sở của sự phát triển kinh tế và đáp ứng nhu cầu của cuộc sống con người. Nhưng với sự đe dọa của ô nhiễm ánh sáng như hiện

nay, các nhà khoa học đang nỗ lực nghiên cứu các nguồn thay thế, giảm bớt tác hại tiềm tàng do ánh sáng nhân tạo. Một số nhà khoa học đã đưa ra khái niệm sử dụng "màu sinh thái", đem lại cảm giác dễ chịu cho đôi mắt, không gây phản quang, hay ảnh hưởng đến sự tập trung của thị giác.

Để giảm thiểu ô nhiễm ánh sáng, cần giảm cường độ, hoặc tắt bớt các thiết bị chiếu sáng về đêm, nếu không cần thiết, góp phần tiết kiệm năng lượng và BVMT. Đồng thời, sử dụng đèn có lồng cách nhiệt và giảm công suất chiếu sáng ngoài trời. Bóng đèn có lồng cách nhiệt (lồng kính) tốn ít công suất và giúp tiết kiệm năng lượng. Nên sử dụng đèn với các chức năng như hẹn giờ, làm mờ đèn, hoặc chức năng kiểm soát cường độ ánh sáng trong những không gian không cần chiếu sáng.



▲ Ô nhiễm ánh sáng gây ra tác động xấu đối với hệ sinh thái, con người và nền kinh tế



Hiệu quả áp dụng các giải pháp sản xuất sạch hơn tại một số nhà máy chế biến tinh bột sắn ở Nghệ An

ThS. CAO TRƯỜNG SƠN

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH

Viện Khoa học môi trường

Sản xuất sạch hơn (SXSH) ngày càng được áp dụng phổ biến trên thế giới, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, góp phần BVMT, nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu và năng lượng đầu vào. Ở Việt Nam, từ năm 1995, SXSH được triển khai thí điểm trong ngành công nghiệp giấy và dệt do Chương trình Môi trường Liên hợp quốc tài trợ. Đến năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã phê duyệt “Chiến lược SXSH trong ngành công nghiệp đến năm 2020” nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp (DN) áp dụng các giải pháp SXSH.

Theo đó, trên địa bàn tỉnh Nghệ An có hai Nhà máy chế biến tinh bột sắn (CBTBS) là Yên Thành và Intimex Thanh Chương đã áp dụng SXSH và đạt hiệu quả cao. Các giải pháp SXSH không chỉ giúp hai nhà máy đáp ứng các yêu cầu BVMT, mà còn đạt được những lợi ích về kinh tế nhờ tận dụng các nguyên, nhiên liệu và giảm bớt chi phí môi trường phát sinh.

TÌNH HÌNH ÁP DỤNG CÁC GIẢI PHÁP SXSH

Để cải tiến hiệu quả sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường, từ năm 2009, hai nhà máy CBTBS trên đã tiến hành áp dụng các giải pháp SXSH trong quy trình sản xuất.

Nhà máy CBTBS Yên Thành đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ sinh học thu hồi khí CH_4 . Khí CH_4 từ hệ thống xử lý nước thải được sử dụng làm nhiên liệu đốt lò sấy thay cho than đá, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và tiết kiệm chi phí mua than. Nhà máy cũng nâng cấp công suất từ 50 tấn sản phẩm/ngày lên 150 tấn sản phẩm/ngày, bổ sung máy băm nguyên liệu nhằm tăng hiệu quả sử dụng sắn tươi (tiết kiệm được 0,99% lượng nguyên liệu sắn tươi hàng năm). Bên cạnh đó, các

biện pháp tiết kiệm nước cũng được áp dụng như tuần hoàn nước rửa nguyên liệu lần 2 về rửa nguyên liệu lần 1; lắp đặt các vòi phun cao áp để tăng hiệu quả rửa trang thiết bị; kiểm tra rò rỉ đường ống để tránh lãng phí nước.

Nhận thấy SXSH mang lại những lợi ích tích cực, Nhà máy CBTBS Intimex Thanh Chương đã tiến hành quản lý nội vi tốt cho khâu nhập nguyên liệu bằng cách loại bỏ các tạp chất như đất, cát, chất bẩn bám vào củ sắn trước khi rửa, từ đó góp phần tiết kiệm lượng nước rửa nguyên liệu và bảo vệ các trang thiết bị, máy móc. Bên cạnh đó, Nhà máy đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải bằng phương pháp kỵ khí, tận thu CH_4 nhằm xử lý nước thải đạt QCVN40/2011/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp). Lượng khí CH_4 được sử dụng làm nhiên liệu đốt lò hơi thay cho than đá và phát điện, giúp giảm chi phí mua than, tiết kiệm điện năng và giảm lượng phát thải khí nhà kính vào môi trường. Để tiết kiệm nước, Nhà máy đã xây dựng hệ thống sấy và vắt bã sắn liên hoàn, lượng nước tách ra được tuần hoàn sử dụng cho khâu rửa nguyên liệu và bã sắn được đóng bao làm thức ăn chăn nuôi. Biện pháp này không chỉ giúp giảm 15% lượng nước sử dụng mỗi năm, mà còn tạo thêm doanh thu cho Nhà máy từ việc bán thức ăn chăn nuôi. Ngoài ra,



▲ Nhà máy Intimex Thanh Chương (Nghệ An)



Nhà máy còn xây dựng một phân xưởng sản xuất phân vi sinh từ vỏ sắn và củi sắn để xử lý lượng chất thải rắn phát sinh, đồng thời tăng thêm doanh thu từ việc bán phân vi sinh.

HIỆU QUẢ CỦA CÁC GIẢI PHÁP SXSH

Tại Nhà máy CBTBS Yên Thành, sau khi áp dụng các giải pháp SXSH đã thu được 3,2 tỷ đồng/năm do giảm nguyên liệu đầu vào: sắn tươi từ 4.410 kg xuống 4.100 kg; điện từ 210 kWh xuống 185 kWh; nước từ 27 m³ xuống 21 m³; phèn chua 1 kg xuống 0,3 kg; lưu huỳnh từ 0,5 xuống 0,2 kg; than đá từ 40 kg xuống 10 kg. Trong đó, lợi ích từ việc sử dụng gas thay cho than đá ở lò sấy thu được 1.838.883.25 đồng; tiết kiệm năng lượng: 457.020.000 đồng; tiết kiệm nước: 84.448.000 đồng và thu hồi tinh bột từ bã: 801.648.750 đồng.

Việc tiết kiệm nguyên, nhiên liệu sản xuất đồng nghĩa với việc Nhà máy giảm thiểu phát sinh một lượng chất thải tương ứng. Bên cạnh đó, việc đầu tư hệ thống xử lý nước thải sinh học thu hồi khí CH₄ giúp Nhà máy xử lý nước thải hiệu quả, đảm bảo tất cả các thông số cho phép đều đạt QCVN40/2011/BTMT-Cột B: pH từ 4,7 lên 7,52; COD giảm từ 337,6 mg/l xuống 18 mg/l; BOD₅ giảm từ 210 mg/l xuống 6,8 mg/l; TSS giảm từ 108mg/l xuống 13 mg/l; Tổng P giảm từ 8,5mg/l xuống 2,54 mg/l; Tổng N giảm từ 60mg/l xuống 22,8 mg/l; Coliform giảm từ 8.000 MNP/100ml xuống 5.000 MNP/100ml.

Tại Nhà máy CBTBS Intimex Thanh Chương, lợi ích kinh tế thu được từ các giải pháp SXSH là 7.443.262.200 đồng/năm, trong đó tiết kiệm nước thu được 262.886.400 đồng; Thu hồi tinh bột sắn tiết kiệm được 1.196.400.000 đồng; Bán phân vi sinh thu về 960.000.000; Bán thức ăn chăn nuôi từ bã sắn thu về 3.600.000.000 đồng và tiết kiệm chi phí mua than và điện (sử dụng gas) là 1.423.975.800 đồng.

Bên cạnh những lợi ích từ kinh tế, Nhà máy cũng đảm bảo hiệu quả về môi trường. Một lượng lớn chất thải rắn của Nhà máy đã được giảm đi nhờ việc sản xuất phân vi sinh và thức ăn chăn nuôi. Hệ thống xử lý nước thải giúp Nhà máy giảm thiểu nồng độ các chất ô nhiễm, cụ thể: COD giảm từ 570 mg/l xuống 55,2 mg/l; BOD₅ giảm từ 450 mg/l xuống 38 mg/l; TSS giảm từ 446 mg/l xuống 32,5 mg/l; CN- giảm từ 3,0 mg/l xuống 0,01 mg/l; Tổng P giảm từ 50 mg/l xuống 5,32 mg/l; Tổng N giảm từ 9mg/l xuống 1,77 mg/l; Coliform giảm từ 9.000 MNP/100 ml xuống 3.400 MNP/100 ml; pH tăng từ 4,5 lên 6,24. Tất cả các thông số này đều đạt yêu cầu xả thải ra môi trường theo quy định của QCVN40/2011/BTNMT - Cột B.



▲ Sản phẩm phân vi sinh từ xử lý chất thải rắn của Nhà máy Intimex Thanh Chương



▲ Khu vực tập trung nguyên liệu của Nhà máy Intimex Thanh Chương



▲ Khu vực sản xuất của Nhà máy Intimex Thanh Chương

Như vậy, với việc triển khai đồng bộ các giải pháp SXSH, hai Nhà máy CBTBS Yên Thành và Intimex Thanh Chương không những giải quyết tốt các vấn đề môi trường, mà còn tạo ra các lợi ích về kinh tế nhờ nâng cao hiệu quả sản xuất và tiết kiệm nguyên, nhiên liệu đầu vào. Do đó, trong thời gian tới, Nhà nước cần tiếp tục có các chính sách và chương trình cụ thể để khuyến khích và thúc đẩy các DN trên địa bàn cả nước quan tâm áp dụng SXSH vào quá trình sản xuất, hướng tới sự phát triển bền vững■



Ứng dụng mô hình phân tích tổng hợp đánh giá hiện trạng môi trường huyện Đồng Văn, Hà Giang

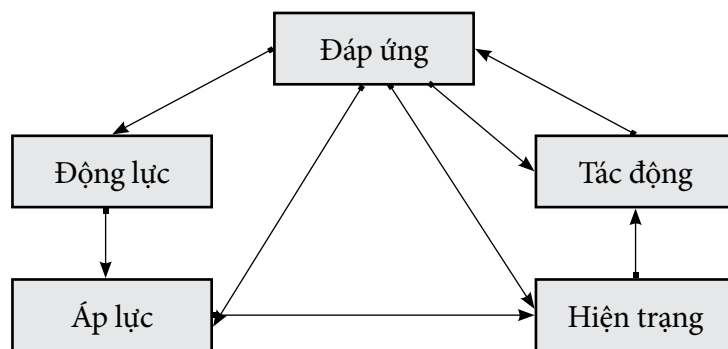
ThS. NGUYỄN THỊ THU HÀ

Viện Địa lý nhân văn

Đồng Văn là huyện vùng cao của tỉnh Hà Giang, có tổng diện tích tự nhiên 45.171,22 ha, cách trung tâm tỉnh khoảng 150 km. Dân cư sinh sống chủ yếu là dân tộc Mông (chiếm 87,2%), trình độ dân trí thấp, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, tập quán sản xuất lạc hậu. Hiện nay, môi trường huyện Đồng Văn đang bị ô nhiễm do các nguồn thải từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người. Thêm vào đó, nguồn tài nguyên thiên nhiên cạn kiệt do rừng bị khai thác quá mức. Do vậy, việc ứng dụng mô hình phân tích tổng hợp (DPSIR) để đánh giá hiện trạng môi trường trong hoạt động sản xuất, phát triển kinh tế huyện Đồng Văn, từ đó đề xuất những giải pháp BVMT cho địa phương là cần thiết.

Theo Thông tư số 08/2010/TT-BTNMT của Bộ TN&MT quy định việc xây dựng Báo cáo hiện trạng môi trường cấp tỉnh phải tuân theo mô hình DPSIR, nhằm đánh giá hiện trạng và xu hướng biến đổi chất lượng môi trường, đảm bảo tính phòng ngừa của công tác quản lý môi trường. Mô hình DPSIR mô tả mối quan hệ tương hỗ giữa động lực (phát triển kinh tế - xã hội), áp lực (các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm và suy thoái môi trường), hiện trạng (hiện trạng chất lượng môi trường), tác động (tác động của ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội và môi trường sinh thái), đáp ứng (các chính sách của nhà nước để BVMT).

Áp dụng các tiêu chí của mô hình DPSIR để đánh giá hiện trạng môi trường huyện Đồng Văn, Hà Giang cho thấy, hiện nay, do dân số của



▲ Mô hình DPSIR (theo OECD-1994)

đồng bào dân tộc Mông ở huyện Đồng Văn tăng nhanh, với hơn 65.124 người (năm 2015), kéo theo chất thải sinh hoạt gia tăng. Các tính toán dựa trên tốc độ gia tăng dân số tự nhiên của huyện cho thấy, mỗi năm lượng rác thải phát sinh lên đến 1.200 tấn/năm. Trong khi đó, chỉ có 2 lò đốt rác thải sinh hoạt (Đồng Văn; Sủng Là), nên số lượng rác thải được thu gom tại 2 thị trấn (Đồng Văn, Phó Bảng) và các xã trên địa bàn chủ yếu là chôn, đốt.

Ngoài ra, trung bình mỗi người dân sử dụng từ 110 -

120 lít nước/ngày đêm, với lượng thải ra bằng 90% lượng sử dụng thì lưu lượng nước thải sinh hoạt của khu vực đồng bào Mông từ 6.447 - 7.033 m³/ngày, đêm. Theo báo cáo Hiện trạng môi trường tổng thể tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2015, qua phân tích mẫu nước tại cống thải thị trấn Đồng Văn, chỉ tiêu BOD₅ vượt ngưỡng cho phép theo quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT từ 1,2 - 1,6 lần; chỉ tiêu coliform vượt ngưỡng cho phép từ 1,6 - 1,9 lần.

Bên cạnh đó, chất thải từ những hoạt động sản

Lượng chất thải chăn nuôi năm 2015 của đồng bào dân tộc Mông huyện Đồng Văn

Loại gia súc, gia cầm	Định mức thải (kg/con.ngày)	Số lượng (con)	Khối lượng chất thải (tấn/ngày)
Trâu	7,36	1.095	8,059
Bò	6,13	20.188	123,752
Lợn	1,76	24.993	43,988
Dê	0,5	19.081	9,541
Gia cầm	0,029	205600	5,962

▲ Nguồn: Báo cáo kinh tế - xã hội của huyện Đồng Văn



xuất nông nghiệp của đồng bào dân tộc Mông cũng gây ô nhiễm môi trường. Để tăng năng suất cây trồng, người dân sử dụng thuốc trừ sâu và lượng lớn phân bón hóa học. Việc sử dụng lượng phân bón hóa học vượt quá khả năng hấp thụ của đất sẽ bị rửa trôi theo dòng chảy vào các ao hồ, kênh mương, đặc biệt sự tăng lên hàm lượng đạm và kali trong nước sẽ ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh, làm ô nhiễm nguồn nước. Đồng thời, các vỏ hóa chất bảo vệ thực vật sau khi sử dụng để lại bừa bãi trên nương, gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến môi trường.

Trong khi đó, lượng chất thải từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm của đồng bào dân tộc Mông cũng ngày càng gia tăng. Do tập quán sinh hoạt truyền thống, người Mông thả gia súc tự nhiên, không làm chuồng trại, nên phân gia súc thải trực tiếp ra môi trường. Năm 2015, chỉ tính riêng hoạt động chăn nuôi lợn và trâu bò đã có khoảng 77 triệu lít nước thải, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Mặt khác, do nhận thức về vệ sinh môi trường của đồng bào còn chưa cao, xây dựng nhà tiêu ở gần nhà, trong khi điều kiện sống thiếu nước vào mùa khô

hạn dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường. Phần lớn đồng bào bị nhiễm các bệnh về đường tiêu hóa như bệnh tả, tiêu chảy và nhiễm khuẩn đường ruột khác.

Để khắc phục tình trạng trên, các cơ quan ban, ngành, chính quyền địa phương cần thực hiện những giải pháp BVMT:

Thực hiện hiệu quả tiêu chí môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn...

Thành lập tổ thu gom rác trên địa bàn, giảm tình trạng người dân đổ chất thải ra đường, bờ ruộng, kè sông. Hoàn thiện đường cống dẫn nước thải tập trung trong các cụm dân cư; xây dựng hệ thống xử lý chất thải.

Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi hình thành các vùng chăn nuôi tập trung,

thiết kế xây dựng chuồng trại chăn nuôi theo các mô hình, hiện đại; đặc biệt, xung quanh các trang trại và lò giết mổ phải trồng cây xanh để giảm tiếng ồn và hạn chế mùi hôi.

Đồng thời, Nhà nước cần hỗ trợ phát triển chương trình bioga xử lý chất thải động vật, tạo chất đốt phục vụ sinh hoạt và BVMT. Áp dụng công nghệ chăn nuôi trên “đệm lót sinh học” đảm bảo vệ sinh môi trường, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Cập nhật phổ biến thông tin về y tế, chăm sóc sức khỏe trên các phương tiện truyền thông của xã thông qua các buổi họp, sinh hoạt trong xã, thôn, bản nhằm nâng cao ý thức và hiểu biết của người dân để phòng chống bệnh tật. Thực hành sử dụng tiết kiệm nước, tránh lãng phí nước sạch trong sinh hoạt, sản xuất.

Nghiên cứu các giải pháp tích trữ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn phù hợp với điều kiện tự nhiên; khai thác nước ngầm như khoan, đào giếng, khai thác nước từ sông, suối...

Tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo cho các hộ dân để thay đổi nhận thức và nâng cao trách nhiệm trong BVMT. Khuyến khích người dân tham gia BVMT, đưa vào trong Quy ước xây dựng đời sống văn hóa và nông thôn mới của từng xã.

Kiểm tra, xử phạt khi phát hiện các hành vi vi phạm về môi trường theo đúng quy định pháp luật hiện hành; Đẩy mạnh công tác bảo vệ, phát triển rừng nhằm hạn chế tác động xấu của thiên tai■



▲ Nuôi nhốt gia súc dưới gầm nhà sàn gây ô nhiễm môi trường



Giải pháp bảo vệ môi trường trong khai thác than ở Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020

NGUYỄN THỊ HUỆ

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

NHỮNG NGUY CƠ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TỪ KHAI THÁC THAN

Quảng Ninh có vùng khai thác, chế biến tiêu thụ than với phạm vi rộng, trải dài từ Đông Triều, Uông Bí, Hoành Bồ, Hạ Long và Cẩm Phả, gồm 24 mỏ lộ thiên và 49 mỏ hầm lò. Tuy nhiên, trong quá trình khai thác than - khoáng sản, con người cũng đã và đang trực tiếp làm thay đổi môi trường xung quanh, phá vỡ cân bằng của tự nhiên, gây ô nhiễm môi trường.

Đặc biệt, những biến đổi địa hình và cảnh quan diễn ra chủ yếu ở khu vực khai thác lộ thiên. Các bãi đổ thải tạo nên những quả đồi ở Cọc Sáu cao 280 m, nam Đèo Nai có độ cao 200 m, đông Cao Sơn cao 250 m, Đông Bắc Bàng Nâu cao 150 m và Núi Béo cao 240 m... Bãi thải thường có sườn dốc tới 350 m. Nhiều moong khai thác lộ thiên tạo nên địa hình âm có độ sâu từ 50 - 150 m dưới mực nước biển trung bình (các mỏ Cọc Sáu, Hà Tu, Núi Béo...). Đất đai khu vực khai thác mỏ thường bị bóc đi lớp đất màu, dễ bị xói mòn, nên không thuận lợi cho việc tái phủ xanh rừng, làm cho nhiều loại động vật quý hiếm trong khu vực phải di cư hoặc bị tiêu diệt.

Bên cạnh đó, nước thải công nghiệp của ngành than thải ra gây ô nhiễm nguồn nước mặt, ảnh hưởng đến hệ thống sông suối, hồ vùng ven biển. Đối với nguồn nước ngầm, do đào moong và khai thác đã làm suy thoái, cạn kiệt, nguồn nước ô nhiễm các tầng chứa nước ngọt như một số hồ thủy lợi ở vùng Đông Triều bị chua hóa làm ảnh hưởng đến chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, môi trường không khí các khu vực khai thác khoáng sản bị ô nhiễm do bụi, khí độc, khí nổ và tiếng ồn, đặc biệt tại khu vực Cẩm Phả, Uông Bí, Mạo Khê và các phường Hà Khánh, Hà Lầm, Hà Trung, Hà Tu, Hà Phong - TP. Hạ Long. Hàm lượng bụi tại các khu vực khai thác, chế biến than đều vượt tiêu chuẩn cho phép (TCCP) từ 1,2 - 5,2 lần; tại khu dân cư lân cận vượt TCCP 3,3 lần.

Nhìn chung, các nguồn gây ô nhiễm môi

Nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, Quảng Ninh đã xây dựng triển khai nhiều quy hoạch có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020; Quy hoạch vùng cấm hoạt động khai thác khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác khoáng sản (HĐKTKS) trên địa bàn. Theo đó, duy trì 5 khu vực cấm và 4 khu vực hạn chế hoạt động khoáng sản than, đồng thời bổ sung thêm 17 khu vực khoáng định cấm HĐKTKS với tổng diện tích trên 181.000 ha, khoáng định 3 khu vực tạm thời cấm HĐKTKS, tổng diện tích gần 40.000 ha. Những khu vực cấm và tạm thời cấm HĐKTKS này phù hợp với Luật khoáng sản. Đồng thời, tỉnh cũng triển khai nhiều kế hoạch, biện pháp, giải tỏa bến bãi chế biến, tiêu thụ than trái phép và quy hoạch đường vận chuyển, cảng bến xuất than.

trường từ các hoạt động khai thác than đã và đang trở thành những vấn đề bức xúc, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người. Nguyên nhân là do một số đơn vị hoạt động khoáng sản than chưa thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về BVMT, chưa bố trí đầy đủ nguồn kinh phí thực hiện các biện pháp giảm

thiểu ô nhiễm môi trường, công tác quy hoạch và sử dụng tài nguyên, BVMT chưa được tiến hành đồng bộ...

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BVMT TRONG KHAI THÁC THAN

Để khắc phục tình trạng trên, trong thời gian tới, ngành than cần thực hiện một số giải



▲ Khai trường mỏ than Núi Béo



pháp như đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, ý thức BVMT tới mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là đội ngũ công nhân ngành than. Đặc biệt, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp áp dụng sản xuất thân thiện với môi trường. Mặt khác, các doanh nghiệp cần có trách nhiệm xã hội đối với công tác BVMT; tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định về BVMT; xây dựng và thực thi chiến lược kinh doanh thân thiện với môi trường; đổi mới công nghệ, cải tiến thiết bị khai thác than nhằm tăng năng suất lao động và BVMT.

Đối với các mỏ than khai thác lộ thiên, cần đổi mới công nghệ theo hướng sử dụng các loại thiết bị có công suất lớn, phù hợp với quy mô, điều kiện của từng mỏ, như lựa chọn máy khoan xoay đập thủy lực có đường kính khoan 160 mm, máy xúc cơ hay thủy lực gầu ngược có dung tích 15 m³, sử dụng xe ô tô tự đổ trọng tải loại 50 - 110 tấn.

Đối với các mỏ khai thác hầm lò, sử dụng sơ đồ công nghệ cơ giới hóa đồng bộ khâu than theo hướng dốc, áp dụng cho những vỉa dày trung bình, dốc đứng, vỉa ổn định theo đường phương và hướng dốc với công suất lò chợ 0,2-0,5 triệu tấn/năm; Sử dụng cột thủy lực đơn cùng khoan nổ mìn hoặc máy khâu liên hợp trong các vỉa than dày 2,5 m, độ dốc 35°, công suất lò chợ 150 - 300 nghìn tấn/năm. Đồng thời, phải thường xuyên sửa chữa, cải tạo các hệ thống đề đập chắn đất đá thải hiện có và xây dựng mới các đề đập chắn đất đá thải, đảm bảo hạn chế tối đa sự trôi lấp đất đá thải làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Đặc biệt, cần tiến hành cải tạo đất, trồng cây gây rừng tại các khu vực đã kết thúc đổ thải.

Cùng với việc hoàn thiện công tác đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các đơn vị sản xuất kinh doanh than phải quan tâm đến công tác cải tạo, phục hồi môi trường nhằm thực thi các quy định về ký quỹ. Tại các khai trường mỏ thuộc dạng biến đổi lớn, cải tạo thành các hồ chứa nước và tái tạo hệ sinh thái dưới nước, vùng xung quanh bờ; hoặc cải tạo các moong khai thác cũ thành hồ chứa nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp (khai thác hầm lò, công tác sàng tuyển than... hoặc sinh hoạt của nhân dân). Với các khai trường mỏ thuộc dạng có biến đổi, cải tạo thành đất xây dựng khu công nghiệp, định cư, canh tác, trồng rừng hoặc cây công nghiệp, công trình phúc lợi như công viên cây xanh, du lịch...■

Hiện trạng hệ sinh thái và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường biển quần đảo Thổ Chu

NGUYỄN QUỐC TRINH

Trung tâm Khí tượng thủy văn quốc gia - Bộ TN&MT

DƯ VĂN TOÁN

Viện Nghiên cứu biển và hải đảo



▲ Quần đảo Thổ Chu, nơi an toàn để tàu thuyền tránh bão

HIỆN TRẠNG HỆ SINH THÁI QUẦN ĐẢO THỔ CHU

Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh Kiên Giang là một quần đảo nằm trong vịnh Thái Lan và ở cực Tây Nam của Việt Nam. Quần đảo gồm 8 đảo: Thổ Chu, hòn Tử, hòn Cao Cát, hòn Hàng (còn có tên là hòn Chim, hòn Nhạn), hòn Khô, hòn Mô (còn gọi là hòn Cái Bàn), hòn Kèo Ngựa (còn gọi là hòn Xanh) và hòn Cao. Quần đảo được cấu tạo chủ yếu bằng sa thạch, cát vàng, trong lòng đất và dưới đáy biển của quần đảo có một trầm tích chứa dầu mỏ và khí đốt từ mũi Cà Mau đến quần đảo Thổ Chu, chiều dài trên 150 km, dày khoảng 5 km. Hiện nay, toàn bộ xã đảo có khoảng 500 hộ dân với trên 2.000 nhân khẩu đang sinh sống chủ yếu bằng nghề đi biển, dịch vụ nghề biển và buôn bán nhỏ.

Theo số liệu nghiên cứu, quần đảo Thổ Chu có hệ thực vật trên bờ phong phú, với khoảng 200 loài; dưới biển hiện có 99 loài san hô đã được xác định, nên thích hợp cho các loài rùa biển làm tổ và tìm thức ăn, do đó, quần đảo Thổ Chu đã được đề xuất trở thành Khu bảo tồn biển, với tổng diện tích 22.400 ha, trong đó, phần đất liền khoảng 1.200 ha.

Là quần đảo xa bờ, có chế độ thủy triều đặc trưng nên lượng trầm tích chủ yếu phân bố ở đáy ven các đảo, trong vùng nước ngầm có các rạn san hô xen lẫn các gò đồi cát ngầm đã tạo nên hệ sinh thái (HST) đa dạng, với 110 loài thực vật phù du, 100 loài động vật phù du, 57 loài rong biển, 247 động vật đáy lớn, 97 loài cá, 20 loài tôm, cua, cá thân mềm... Sự đa dạng và phong phú của các



loài sinh vật biển trên quần đảo Thổ Chu đã tạo ra nguồn lợi hải sản cho ngư dân nơi đây.

Đặc biệt, hòn Nhạn thuộc quần đảo Thổ Chu được coi là xứ sở của loài chim nhạn (họ én). Những năm trước, trên hòn đảo có nhiều chim nhạn về làm tổ và sinh sản. Nhưng hiện nay, do một số người dân thiếu ý thức, thường săn bắt và tìm trứng chim mang về làm thức ăn nên số lượng chim nhạn ngày càng giảm.

Ngoài ra, các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đã tác động đến sinh cảnh sống của các loài chim và HST biển. Việc khai thác hải sản quá mức phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu đã tác động đến các loài hải sản đặc hữu và có giá trị kinh tế cao. Các hình thức khai thác hải sản như lặn dùng vòi hơi, nghề câu, lưới rê, dùng thuốc độc... là những tác động chính làm cạn kiệt nguồn lợi động vật đáy thân mềm.

ĐỀ XUẤT BẢO VỆ TN&MT BIỂN QUẦN ĐẢO THỔ CHU

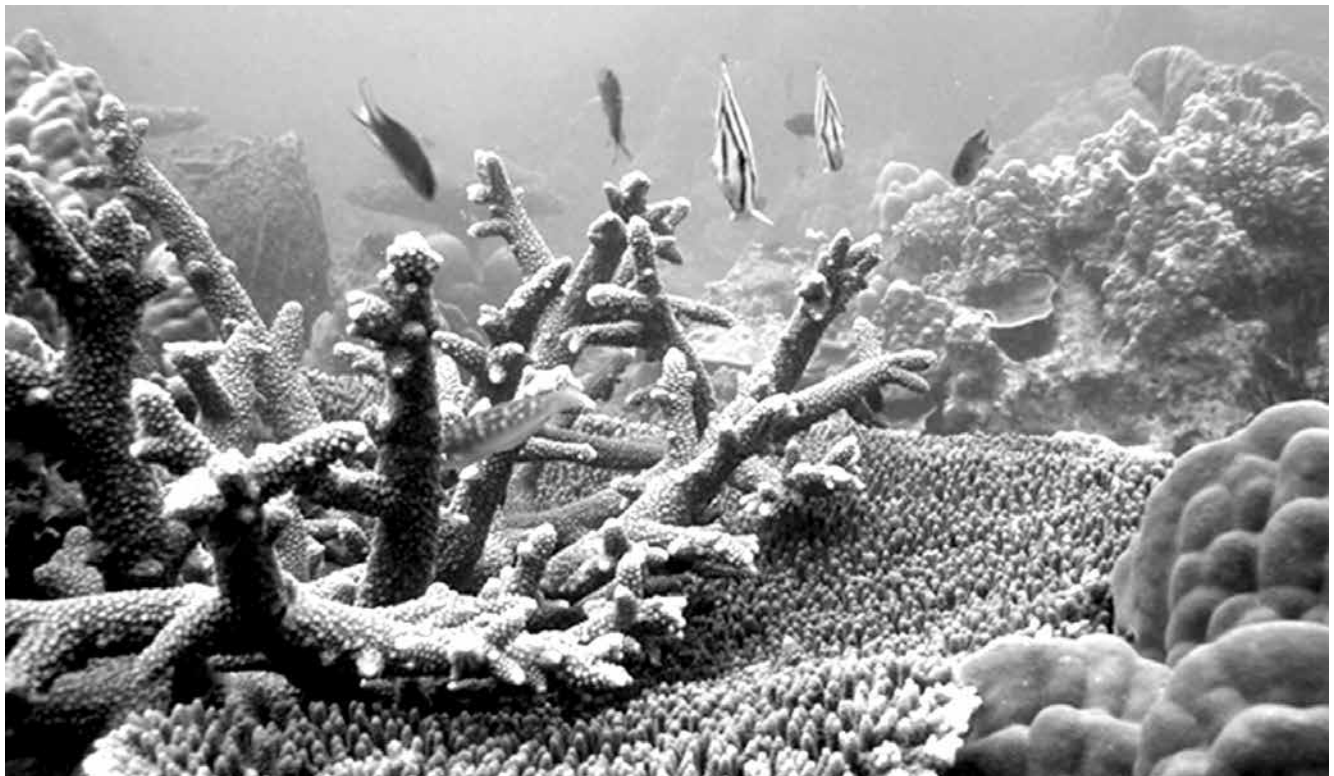
Tại Kỳ họp thứ 13, HĐND tỉnh Kiên Giang khóa VIII đã thông qua tờ trình về việc thành lập huyện đảo Thổ Chu, trên cơ sở toàn bộ xã đảo Thổ Chu, huyện Phú Quốc hiện tại. Đồng thời, tỉnh cũng đã có nhiều dự án phát triển kinh tế và du lịch để xây

dựng Thổ Chu trở thành một huyện đảo giàu mạnh trên khu vực biển Tây. Như vậy, trong một tương lai không xa, Thổ Chu sẽ trở thành một hòn đảo mạnh về quốc phòng an ninh, thiên nhiên sinh thái phong phú, đa dạng, tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Để thực hiện mục tiêu này, tỉnh cũng đề ra một số giải pháp như: Đẩy mạnh việc thiết lập xây dựng Khu bảo tồn biển đảo Thổ Chu, với quy hoạch phân vùng quản lý rõ ràng và thích hợp để Khu bảo tồn sớm đi vào hoạt động, bảo vệ nguồn lợi và các dịch vụ HST biển; Chính quyền địa phương cần hợp tác chặt chẽ với lực lượng biên phòng kiểm soát và hướng dẫn các tàu đánh bắt vào neo đậu tránh gió, đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường cho vùng nước ven đảo.

Mặt khác, cấm đánh bắt và khai thác ven bờ bằng các

phương tiện hủy diệt như cào bay, thuốc nổ làm ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản và HST rạn san hô trên đảo; Triển khai nhiều biện pháp bảo tồn loài chim nhạn; Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái, bảo vệ các bãi cát, nghiêm cấm khai thác cát xây dựng.

Cùng với đó, xây dựng Quỹ BVMT biển ven đảo từ các nguồn thu như: Thu phí môi trường, thu từ xử phạt hành chính các hành vi vi phạm pháp luật môi trường và từ đền bù thiệt hại của các hành vi xâm hại, gây sự cố môi trường; Khuyến khích cư dân ven biển tham gia vào việc quản lý, bảo vệ rạn san hô, đồng thời, thực hiện giám sát và sử dụng bền vững nguồn lợi biển, ven bờ, nhằm nâng cao năng lực cộng đồng đối với bảo tồn và phát triển nguồn lợi hải sản■



▲ Rạn san hô và các đôi cát ngầm tạo nên HST đa dạng, nơi trú ngụ các loài tôm, cua, cá



QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH CAO BẰNG:

Đẩy mạnh phối hợp trong công tác bảo vệ rừng

NÔNG ĐÌNH THI

Sở NN&PTNT tỉnh Cao Bằng

Được thành lập năm 2012, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (BV&PTR) tỉnh Cao Bằng hoạt động và thực hiện theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) và Quyết định số 2284/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Triển khai Nghị định số 99/2010/NĐ-CP". Ngay từ khi thành lập, Quỹ BV&PTR tỉnh đã chủ động ký hợp đồng ủy thác chi trả DVMTR với 11 nhà máy thủy điện. Tính đến ngày 31/8/2016, đã có 10/11 nhà máy thủy điện nộp tiền chi trả DVMTR, với tổng số hơn 6 tỷ đồng.

Qua 5 năm hoạt động, Quỹ đã huy động từ các nguồn thu với tổng số tiền hơn 36 tỷ đồng, trong đó điều phối từ Quỹ BV&PTR Việt Nam hơn 30 tỷ đồng. Hàng năm, Quỹ phối hợp với các Hạt kiểm lâm huyện và UBND các xã thực hiện việc chi trả cho các chủ rừng theo đúng quy định, đối tượng và đảm bảo công khai, minh bạch. Đến nay, Quỹ đã chi trả gần 22 tỷ đồng cho các hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng xóm và Ban quản lý rừng đặc dụng Phia Oắc - Phia Đén; số kinh phí còn lại tiếp tục chi trả trong năm 2016.

Nhằm quản lý, sử dụng tiền DVMTR hiệu quả, Quỹ BV&PTR tỉnh Cao Bằng đã kiểm tra, giám sát 8/15 chủ rừng là UBND xã có số tiền DVMTR được chi trả hàng năm từ 10 triệu đồng trở lên và 1 Ban quản lý rừng đặc dụng. Từ đó, Quỹ kịp thời hướng

dẫn chủ rừng trong việc thực hiện việc chi trả DVMTR cho các hộ gia đình, nhóm hộ, cộng đồng nhận hợp đồng bảo vệ rừng; Hướng dẫn cộng đồng sử dụng tiền DVMTR đúng mục đích, hiệu quả.

Cùng với đó, Quỹ cũng phát hành 10.500 tờ rơi, 100 cuốn sách hỏi đáp, 10 cuốn sổ tay quản lý tài chính - kế toán về chính sách chi trả DVMTR cho các huyện, chủ rừng và cộng đồng; Phối hợp với Ban quản lý dự án Lâm nghiệp cộng đồng Việt Nam tại Cao Bằng tổ chức Hội thảo tuyên truyền về chính sách chi trả DVMTR cho cán bộ các Sở, ngành, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, huyện, Trung tâm khuyến nông khuyến ngư, với hơn 200 lượt người tham gia.

Thông qua chính sách chi trả DVMTR, nhận thức, ý thức của chủ rừng được nâng lên, người dân đã nhận thức được giá trị của rừng. Đặc biệt, công tác quản lý bảo vệ rừng được thực hiện tốt, một số hộ dân đã tự đầu tư trồng mới rừng từ tiền DVMTR. Đến nay, diện tích rừng cung ứng DVMTR 3 huyện Bảo Lạc, Bảo Lâm, Nguyên Bình là 93.020 ha; 25 UBND xã, BQL rừng đặc dụng, 5.156 hộ gia đình, 619 nhóm hộ, 308 cộng đồng đã ký cam kết bảo vệ rừng. Giai đoạn 2011 - 2015, toàn tỉnh đã trồng được 7.178 ha, riêng trong năm 2015 trồng được hơn 2.000 ha rừng. Bên cạnh đó, chính sách đã góp phần nâng cao đời sống của người dân. Số hộ gia đình được hưởng lợi từ chính

sách là 5.156 hộ, trong đó 683/5.156 hộ dân có khoản thu từ DVMTR (chiếm từ 10 - 20% tổng thu nhập hàng năm của gia đình).

Đồng thời, các chủ rừng đã có sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương cấp xã và các xóm trong công tác giao khoán bảo vệ rừng, như Ban quản lý rừng đặc dụng Phia Oắc - Phia Đén và chính quyền cùng phối hợp vận động tuyên truyền, phòng cháy, chữa cháy, chống chặt phá rừng và xử lý các hành vi vi phạm Luật BV&PTR. Ngoài ra, chính sách chi trả DVMTR cũng làm thay đổi diện mạo nông thôn như làm đường, hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, sửa nhà văn hóa...

Nhìn chung, chi trả DVMTR là một chính sách mới và đúng đắn, thực hiện chủ trương xã hội hóa công tác bảo vệ, phát triển rừng. Quỹ BV&PTR tỉnh Cao Bằng đã từng bước đi vào hoạt động ổn định và thu được những kết quả tích cực. Bộ máy của Quỹ luôn được kiện toàn, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao. Nhờ những nỗ lực của Quỹ, mới đây, UBND tỉnh đã tặng Bằng khen cho 5 tập thể và 7 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác BV&PTR giai đoạn 2011 - 2015.

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai vẫn còn nhiều khó khăn như một số nhà máy thủy điện còn nợ đọng tiền DVMTR; chủ rừng đã chuyển nhượng nhưng chưa hoàn tất thủ tục làm cho công tác chi trả gặp nhiều khó khăn; địa bàn chi trả DVMTR rộng, chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa; việc cập nhật, triển khai thực hiện các văn bản về chính sách chi trả DVMTR đối với lãnh đạo cấp xã còn hạn chế.

Để công tác BV&PTR đạt hiệu quả, cần có những chế tài để các chủ đầu tư nhà máy thủy điện nghiêm túc thực hiện việc chi trả DVMTR; Tạm ngừng cấp phép đầu tư, xây dựng dự án mới đối với các chủ đầu tư dự án còn nợ đọng tiền DVMTR; Chỉ đạo các đơn vị, chủ đầu tư trồng rừng thay thế. UBND các huyện cần phối hợp rà soát diện tích đất lâm nghiệp và diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê, lập phương án giao đất gắn với giao rừng cho hộ gia đình, cộng đồng quản lý, sử dụng ổn định, lâu dài. Đối với một số chủ rừng chưa làm thủ tục chuyển nhượng phải làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định...■



CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ AN GIANG:

Nỗ lực góp phần xây dựng Thành phố Xanh - Sạch - Đẹp

Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang là doanh nghiệp nhà nước duy nhất trên địa bàn tỉnh An Giang hoạt động công ích trong lĩnh vực dịch vụ vệ sinh môi trường. Với bề dày kinh nghiệm 20 năm, đội ngũ chuyên viên, kỹ sư có chuyên môn, lực lượng công nhân chuyên nghiệp, cơ sở vật chất cùng công nghệ tiên tiến, phương tiện, trang thiết bị hiện đại, Công ty có đủ năng lực phục vụ trọn gói các hoạt động dịch vụ vệ sinh như thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải; Quản lý, khai thông hệ thống nước thải; Chăm sóc công viên, cây xanh đường phố và thi công các công trình, hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông. Bên cạnh đó, Công ty còn hợp tác với nhà đầu tư trong và ngoài nước thực hiện các dự án liên quan đến môi trường.

TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG BVMT

Trong những năm qua, Công ty không ngừng phát huy lợi thế, tập trung nguồn lực, khắc phục khó khăn, phát động các phong trào thi đua trong toàn đơn vị, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương các huyện, thị trấn thu gom, vận chuyển, xử lý rác tại các hộ dân, tuyến đường, khu dân cư; Đầu tư 14 xe ép chõ rác chuyên dụng, 1 xe ủi cho các xí nghiệp, gắn còi tín hiệu và định kỳ kiểm tra, sửa chữa các sản phẩm xe, hạn chế tối đa lượng bụi, nước rỉ rác xuống đường trong quá trình vận chuyển rác về bãi tập kết; Thành lập đội xe đập nhật rác, hoạt động từ 7h - 11h hàng ngày trên các tuyến đường của TP. Long Xuyên; Thay thế các thùng rác hư hỏng và hỗ trợ bổ sung thêm tại một số tuyến đường, khu dân cư mới. Tính đến nay, Công ty đã bổ sung 102 thùng rác trên các tuyến đường, nơi công cộng và trung bình mỗi ngày, Công ty vệ sinh khoảng 1.330.492 m² đường phố; Thu gom, vận chuyển 480 tấn rác về điểm tập kết, đảm bảo không có lượng rác tồn đọng, tiến tới xóa dần các điểm tập kết rác gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty tiến hành phun xịt chế phẩm vi sinh, khử mùi hôi, thuốc diệt



▲ Công ty đầu tư các xe ép chõ rác chuyên dụng

ruồi tại các bãi rác, khu vực xung quanh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Công tác quản lý hệ thống công viên cây xanh được Công ty thực hiện nghiêm túc, ngoài việc duy trì dọn vệ sinh, làm cỏ tạp, cắt thảm cỏ, tưới nước, phun thuốc, bón phân... Công ty còn triển khai trồng mới khoảng 546 cây xanh, trồng dặm 374 cây và trồng thay thế 93 cây trên các tuyến đường tại TP. Long Xuyên; Trang bị thùng rác và dụng cụ tập thể dục thể thao, lắp đặt 23 tượng đá tại các công viên; Phối hợp với Liên đoàn Lao động và Sở TN&MT tổ chức trồng 1.000 cây xanh các loại tại các phường Bình Khánh, Mỹ Phước, Mỹ Quý; Cung cấp 300 cây sao, dầu, xà cừ cho Trường Đại học An Giang và khu lưu niệm Bác Tôn, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí của người dân và tăng thêm mỹ quan đô thị, góp phần cải thiện chất lượng môi trường.

Ở lĩnh vực quản lý hệ thống chiếu sáng công cộng, Công ty duy trì kiểm tra, vệ sinh, bảo trì, sửa chữa trạm đèn tín hiệu giao thông, hỗ trợ Ban An toàn giao thông điều chỉnh các chốt đèn tín hiệu vào các ngày cuối tuần; Bảo trì đèn chiếu sáng, kiểm tra an toàn điện trụ kìm, đóng cọc tiếp địa, phân công lực lượng kiểm tra, điều chỉnh giờ đóng, cắt điện phù hợp với thời tiết; Thay thế, cải tạo loại đèn sử dụng có công suất thấp nhưng cường độ chiếu sáng cao, đáp ứng yêu cầu chiếu sáng về đêm. Mặt khác, Công ty còn hỗ trợ các địa phương lắp đặt đèn trang trí, quét vôi trạm đèn tín hiệu giao thông, sơn cần đèn và bố trí lực lượng trực chuyên môn để xử lý kịp thời các tình huống khẩn cấp; Lắp đặt thêm đèn chiếu sáng tại các khóm Châu Thạnh, Châu Quới 3, Châu Long 8, tổ sản xuất rau an toàn (phường



Vĩnh Mỹ), tuyến dân cư Kênh 2, Ban Chỉ huy Quân sự TP. Châu Đốc.

Đối với công tác quản lý hệ thống thoát nước, Công ty tập trung nạo vét, khai thông hệ thống thoát nước, nhất là tại các miệng cống xả trên địa bàn huyện, thị, thành; Thống kê lại các nắp dal, lưới chắn rác, hố ga, khu vực khó thoát nước để đề xuất cải tạo hoặc nối mạng. Chỉ tính riêng trên địa bàn TP. Long Xuyên, Công ty đã thay thế khoảng 144 nắp dal hư hỏng, gắn 276 lưới chắn rác trên các tuyến đường Hà Hoàng Hổ, Phạm Ngũ Lão, Phan Liêm và đấu nối cống thoát nước từ đường Hồ Quý Ly ra Phạm Cự Lượng...

NỖ LỰC VÌ MÔI TRƯỜNG XANH

Tháng 8/2015, Công ty triển khai thực hiện Đề án chuyển giao hoạt động dịch vụ công ích cấp huyện theo Quyết định số 1682/QĐ-UBND của UBND tỉnh. Đến ngày 1/1/2016, các xí nghiệp bắt đầu đi vào hoạt động theo mô hình doanh nghiệp trên tất cả các lĩnh vực vệ sinh, môi trường, dưới sự hỗ trợ của Công ty về trang thiết bị chuyên dùng và chuyên môn nghiệp vụ.

Cùng với đó, UBND tỉnh An Giang giao cho Công ty xây dựng Nhà máy xử lý chất thải nguy hại (CTNH) để giải quyết vấn nạn ô nhiễm môi trường bởi rác thải nguy hại. Nhà máy đi vào hoạt động từ tháng 10/2015, được trang bị hệ thống xử lý CTNH với các thiết bị, công nghệ hiện đại, đạt quy chuẩn môi trường QCVN 30:2012/BTNMT, bao gồm: Lò đốt CTNH dạng rắn và lỏng, công suất 200 kg/h, sử dụng nhiên liệu khí gas, được lập trình vận hành với hệ điều chỉnh tự động PLC; Hệ thống xử lý khí thải vận hành đồng bộ với lò đốt, xử lý toàn bộ lượng khí phát sinh từ lò đốt CTNH, đảm bảo đạt QCVN 30:2012/BTNMT, cột B; Hệ thống xử lý nước thải (XLNT) của Nhà máy, công suất 50 m³/ngày, đêm, thiết kế theo module vận hành tự động, áp dụng công nghệ hóa - sinh, khử trùng bằng javen, đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thải ra rạch Cần Xây; Hệ thống xử lý bóng đèn thải các loại (huỳnh quang, compact, cao áp), công suất 100 bóng/h; Hệ thống ổn định hóa rắn tro xỉ của lò đốt CTNH, vận thủy tinh, công suất 2.000 kg/ngày. Tổng số công nhân vận hành Nhà máy là 8 người, trong đó có 3 kỹ sư, 2 cán bộ môi trường và 3 công nhân vận hành hệ thống. Đặc biệt, ngày 15/10/2015, Nhà máy xử lý CTNH của Công ty chính thức được Tổng



▲ Lò đốt CTNH công suất 200 kg/h

cục Môi trường cấp Giấy phép hành nghề quản lý CTNH, mã số QLCTNH 8.080.XV. Đây là nhà máy đầu tiên ở đồng bằng sông Cửu Long được Tổng cục Môi trường cấp phép xử lý CTNH, địa bàn được phép hoạt động của Nhà máy là các tỉnh An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang, TP. Cần Thơ. Trong năm 2015, Công ty đã liên hệ, ký hợp đồng thu gom, xử lý CTNH với 118 đơn vị, bao gồm các công ty, xí nghiệp, bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân với khối lượng chất thải khoảng 19 tấn và trong 6 tháng đầu năm 2016, Công ty ký hợp đồng với 193 đơn vị, khối lượng xử lý đạt khoảng 75 tấn. Hiện tại, Công ty đang tăng cường quảng bá Nhà máy xử lý CTNH với các chủ nguồn thải để thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải.

Ngoài ra, Công ty đang phối hợp với các Sở, ban, ngành triển khai thực hiện Dự án xử lý triệt để ô nhiễm môi trường bãi rác Bình Đức theo hướng chôn lấp hợp vệ sinh và điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch đầu thầu cũng như một

số hồ sơ, thủ tục có liên quan khác của Dự án. Dự kiến bãi rác Bình Đức sẽ đóng lấp hoàn thành vào năm 2018. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang thực hiện các dự án Nhà máy tái chế, xử lý rác công nghiệp và sinh hoạt cụm Long Xuyên; Khu xử lý rác xã Phú Thạnh, huyện Phú Tân, đầu tư các lò đốt cấp huyện và công trình hố chôn lấp rác hợp vệ sinh Khu liên hợp xử lý chất thải rắn cụm Long Xuyên.

Ông Đặng Anh Dũng, Phó Giám đốc Công ty chia sẻ, môi trường có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống, xã hội và sự phát triển bền vững của nền kinh tế nói chung, cộng đồng các doanh nghiệp nói riêng. Nhận thức được điều này, ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp, công trình BVMT theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra, do đặc thù của ngành phải tiếp xúc trực tiếp với môi trường ô nhiễm, rác thải, khói bụi nên Công ty luôn chú ý đến vấn đề an toàn của người lao động, trang bị công cụ, dụng cụ, bảo hộ lao động, thành lập các tổ



kiểm tra và tổ chức đào tạo nghiệp vụ về an toàn, vệ sinh lao động...

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty cũng gặp một số khó khăn, vướng mắc, lực lượng tự quản thu gom rác không hoạt động thường xuyên, lượng rác tăng, giảm đột biến, ảnh hưởng đến công tác lấy rác; Hệ thống cây xanh tại công viên và các tuyến đường bị người dân chặt phá bừa bãi, làm mất mỹ quan đô thị; Tình trạng mất cấp dây điện, trang thiết bị chiếu sáng diễn ra thường xuyên; Xe chở vật liệu xây dựng rơi vãi trên đường, ảnh hưởng đến giao thông và đường phố. Hiện nay, chưa có công nghệ xử lý rác đạt chuẩn nên khó khăn cho việc lựa chọn công nghệ phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Về hồ sơ thủ tục, các dự án xử lý rác đều áp dụng đúng trình tự thủ tục xây dựng cơ bản, do đó thời gian triển khai kéo dài.

Trên cơ sở đó, Công ty đề xuất các Sở, ban, ngành có biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm; Tổ chức tuyên truyền để người dân đổ rác đúng nơi quy định. Đồng thời, kiến nghị UBND tỉnh sớm ban hành đơn giá xử lý rác thải sinh hoạt; UBND tỉnh và các Sở, ban, ngành hỗ trợ các thủ tục pháp lý đặc thù, ưu tiên thẩm định hồ sơ lò đốt, hồ chôn lấp cho các dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác trên địa bàn tỉnh; Hỗ trợ Công ty chọn công nghệ xử lý rác phù hợp và sau khi hồ sơ được cấp thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt, UBND tỉnh có cơ chế lựa chọn nhà thầu bằng hình thức chỉ định thầu, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án, đảm bảo hoạt động ổn định, chất lượng và hiệu quả.

Từ những kết quả đã đạt được, Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị An Giang như một điểm sáng về BVMT trên địa bàn tỉnh. Thành công của Công ty không chỉ được đánh dấu bởi hình thức đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh, mà tự hào hơn là mọi nỗ lực của doanh nghiệp đều hướng tới mục đích xây dựng, giữ gìn và BVMT đô thị, góp phần xây dựng An Giang luôn sáng, xanh, sạch, đẹp. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực đẩy mạnh công tác tuyên truyền, để mỗi người dân đều có trách nhiệm BVMT, tạo nếp sống văn minh đô thị.

GIA LINH

THAN HÀ TU:

Điểm sáng trong bảo vệ môi trường và an toàn lao động

Là một trong những đơn vị có bề dày truyền thống của ngành than, những năm qua, Công ty CP Than Hà Tu đã có những bước phát triển mạnh, luôn gắn hoạt động sản xuất, kinh doanh với công tác BVMT, an toàn lao động. Với những nỗ lực trong giảm thiểu ô nhiễm, phục hồi môi trường, Công ty đã trở thành điển hình tiêu biểu trong BVMT, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành than.

THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG

Nhận thức được các hoạt động khai thác than tác động xấu đến môi trường, thời gian qua, Công ty đã có nhiều giải pháp BVMT, nhằm “xanh hóa” trong hoạt động sản xuất, khai thác than.

Theo Phó Giám đốc Nguyễn Mạnh Cường, lãnh đạo Công ty luôn coi trọng công tác BVMT, xem đây là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Với nỗ lực giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty đã đầu tư, cải tiến thiết bị, lắp đặt dây chuyền tuyển than bằng máy lắng lưới chuyển động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, tiết kiệm tài nguyên, hạn chế tác động đến môi trường. Các thiết bị như máy khoan xoay, máy xúc thủy lực gầu ngược, xe tải khung mềm, máy cày xới... được trang bị hiện đại, phục vụ sản xuất. Các tuyến đường vận chuyển được tưới nước bằng xe téc chuyên dụng, đầu máng sàng than được lắp đặt hệ thống phun sương dập

bụi. Hiện nay, Công ty có 8 hệ thống phun sương dập bụi cố định tại các sàng và kho than, 11 xe téc. Nhằm hạn chế bụi phát tán ra khu dân cư và các xưởng sản xuất, Công ty đã đầu tư gần 20 tỷ đồng để bê tông hóa tuyến đường tới khai trường mỏ với tổng chiều dài 2,2 km; đồng thời, trồng cây xanh, thi công hố lắng tại chân các kho, đập đập xung quanh bãi thải, xây dựng hệ thống đập rọ đá để phòng chống sạt lở khi mưa bão.

Ngoài việc đầu tư, đổi mới công nghệ, Công ty còn thực hiện nghiêm túc các quy định về BVMT như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại (CTNH); quan trắc môi trường định kỳ 4 lần/năm và xử lý nước thải mỏ; Việc tuân thủ các quy định, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước về TN&MT, đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh theo phương châm “Sản xuất - Tiết kiệm - Hiệu quả”.



Để xây dựng ý thức chấp hành các quy định, pháp luật về BVMT, Công ty không chỉ đơn đốc người lao động thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định, mà còn thường xuyên tổ chức tuyên truyền giáo dục chính sách, pháp luật BVMT cho người lao động và đưa nội dung này vào các chương trình kiểm tra, phong trào thi đua hàng năm. Trong công tác quản lý chất thải, Công ty tổ chức thu gom, phân loại chất thải ngay tại nơi phát sinh nguồn thải. Rác thải sinh hoạt được tập kết để Công ty Môi trường đô thị TP. Hà Long đến thu gom, vận chuyển xử lý. Đất đá thải đổ tập trung tại bãi thải Chính Bắc. CTNH được để vào các thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, ghi nhãn mác ở ngoài vỏ thùng và lưu giữ trong kho chứa tạm thời, sau đó, thông báo cho Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin đến vận chuyển xử lý với tần suất trung bình 2 tháng/lần. Tại các công trường, phân xưởng, Công ty đã xây dựng một số nhà kho chứa CTNH tạm thời và 1 kho chính để lưu giữ CTNH.

Đối với nước thải công nghiệp phát sinh từ các hoạt động khai thác được đưa về trạm xử lý nước thải mỏ do Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin quản lý, vận hành xử lý trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B và được Công ty tận dụng để tưới đường. Hiện nay, Tập đoàn Vinacomin đang triển khai Dự án xây dựng trạm xử lý nước thải giai đoạn II với công suất 1.200 m³/h, dự kiến sẽ đi vào hoạt động vào cuối năm 2016.

Nhằm thực hiện mục tiêu "mỏ xanh, sạch, hiện đại, thân thiện với môi trường", hàng năm, Công ty trích 0,3% tổng doanh thu để chi cho công tác BVMT thường xuyên như tổ chức trồng cây xanh trên khai trường, cũng như khu vực dân cư; đầu tư các công trình BVMT; hưởng ứng các sự kiện, ngày lễ kỷ niệm về môi trường... Bên cạnh đó, các dự án cải tạo, hoàn nguyên môi trường tại khai trường, bãi thải cũng được Công ty quan tâm, thực hiện hiệu quả. Hiện nay, Công ty có 5 bãi thải gồm: Chính Bắc; Trụ Tây; Vía 7+8; Nam Vía Trụ; Nam Lộ Phong, với tổng diện tích 2.608.000 m². Đến nay, các bãi thải đã dừng hoạt động và để phục hồi môi trường, tạo cảnh quan, một số bãi thải đã được trồng cây, cỏ vetiver như Nam Lộ Phong (trồng gần 48 ha cây keo tai tượng, hơn 35 ha cỏ vetiver); Vía 7+8 (13 ha cây keo tai tượng, 4 ha cỏ vetiver); Chính Bắc (17,9 ha keo tai tượng). Năm 2016, Tập đoàn



▲ Khai trường sản xuất của Công ty CP Than Hà Tu

Vinacomin giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin tiếp tục triển khai Dự án cải tạo, phục hồi môi trường bãi thải Chính Bắc. Hiện Công ty đã ký quỹ phục hồi môi trường với số tiền 80.635.253.000 đồng và nộp đầy đủ các khoản phí BVMT, thuế tài nguyên theo đúng quy định pháp luật.

CHÚ TRỌNG AN TOÀN LAO ĐỘNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Bên cạnh công tác BVMT, Công ty còn chú trọng đến an toàn lao động trong sản xuất; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên như xây dựng khu tập luyện thể thao, nhà sinh hoạt, nhà thi đấu; thành lập các đội văn nghệ, bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... Song song với đó, Công ty tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao tay nghề, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên; tổ chức phong trào thi đua lao động, sản xuất và phát huy sáng kiến, giải pháp hiệu quả để áp dụng vào sản xuất, khai thác than.

Đặc biệt, nhận thấy trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội, thời gian qua Công ty đã quan tâm hỗ trợ địa phương, tham gia các phong trào an sinh xã hội mà Tập đoàn và tỉnh Quảng Ninh phát động. Năm 2015, Công ty đã cải tạo tuyến đường dân sinh cho tổ dân 23, khu 2, phường Hà Phong với tổng kinh phí 122 triệu đồng. Trong đợt mưa lũ năm 2015, Công ty đã hỗ trợ cho 21 hộ dân phường Hà Phong bị ảnh hưởng, với tổng số tiền 1,175 tỷ đồng.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của lãnh đạo và đội ngũ cán bộ, công nhân viên trong Công ty, các hoạt động BVMT, an toàn vệ sinh lao động đã từng bước đi vào nề nếp, thu nhập, đời sống người lao động được bảo đảm, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của ngành than nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Trong thời gian tới, Công ty CP Than Hà Tu tiếp tục phấn đấu, phát huy nội lực, đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, vượt qua thách thức, xứng đáng là lá cờ đầu trong công tác BVMT, góp phần "xanh hóa" vùng than■

H. TRẦN



CÔNG TY CP TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG:

20 năm xây dựng và trưởng thành

Là đơn vị tư vấn hoạt động trong lĩnh vực tin học, công nghệ và môi trường, Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) đã tạo dấu ấn vững chắc trên chặng đường 20 xây dựng và trưởng thành, bằng nhiều dự án mang tầm vóc chiến lược. Từ đó, VITE luôn khẳng định được thương hiệu và vai trò tư vấn chủ chốt trong và ngoài Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Tập đoàn TKV).

CHẶNG ĐƯỜNG 20 NĂM PHÁT TRIỂN

Yếu tố quan trọng làm nên thương hiệu VITE như hôm nay chính là nhân tố con người và chính sách nguồn nhân lực chất lượng cao. Công ty luôn chú trọng, nâng cao vai trò lãnh đạo của cán bộ và tập thể bộ máy quản lý theo nguyên tắc phát huy tối đa quyền tập trung dân chủ trong việc xây dựng nhiệm vụ kế hoạch và chiến lược sản xuất kinh doanh (SXKD), đồng thời giao chỉ tiêu, gắn trách nhiệm chặt chẽ đối với từng phòng, bộ phận trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Ý nghĩa lớn nhất của những dự án, đề tài mà Công ty thực hiện không phải ở quy mô lớn, số lượng nhiều mà là hàm lượng khoa học được nâng cao và mang tính ứng dụng thực tế nhiều hơn.

Với đội ngũ cán bộ nhân viên trẻ, giàu nhiệt huyết và sáng tạo, Công ty đã có nhiều công trình tiêu biểu, xuất sắc trong 20 năm xây dựng và phát triển. Về lĩnh vực môi trường, VITE nghiên cứu đánh giá tác động môi trường và đề xuất các giải pháp BVMT đảm bảo sự phát triển bền vững của Tập đoàn TKV tại các mỏ vùng than Quảng Ninh; Lập các báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các mỏ Mông Dương, Cọc Sáu, Hà Lầm, Mạo Khê, Tuyển than Hòn Gai, Nhà máy Alumin Nhân cơ...; Xây dựng mạng lưới và tổ chức quan trắc môi trường hàng năm cho Tập đoàn và các đơn vị thành viên; Lập Dự án tổng thể khắc phục ô nhiễm môi trường do khai thác than; Lập các dự án (Cải tạo môi trường cảnh quan bãi thải Nam Đèo Nai, cải tạo môi trường cảnh quan sông Mông Dương; Hệ thống xử lý nước thải mỏ than Mạo Khê; Báo cáo đánh giá môi trường

chiến lược cho Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam giai đoạn 2010 - 2020; Thăm dò khai thác, sử dụng than đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2010 - 2020 và định hướng đến năm 2030...). Đặc biệt, cuối năm 2014, Công ty được Bộ TN&MT cấp Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (VIMCERTS 030). Đây là cơ sở để Công ty triển khai quan trắc môi trường cho TKV và các đơn vị thành viên. Đồng thời, năm 2012 Công ty đã được cấp Chứng nhận đáp ứng các yêu cầu về duy trì việc công nhận theo tiêu chuẩn ISO 17025: 2005 cho Phòng thí nghiệm (VILAS 588).

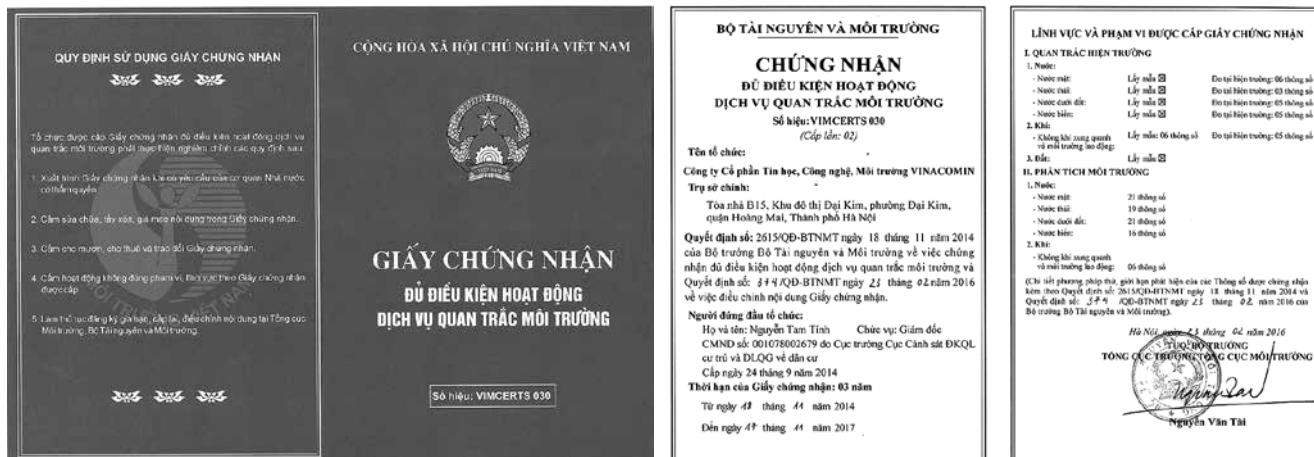
Với nền tảng vững chắc, Công ty đã triển khai hiệu quả các dự án trong lĩnh vực môi trường. Có thể kể đến các đề tài lớn như: Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường TKV, giúp Tập đoàn chuẩn hóa tất cả các số liệu để lập thành một ngân hàng cơ sở dữ liệu môi trường chung; Xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải mỏ, tiến tới xử lý tiếp nước thải mỏ sau xử lý

đạt tiêu chuẩn nước sinh hoạt phục vụ các nhu cầu sinh hoạt cho công nhân; Đánh giá hiệu quả về công nghệ, kỹ thuật và vận hành các trạm xử lý nước thải mỏ nhằm rút ra các bài học kinh nghiệm trong việc sử dụng công nghệ phù hợp với từng khu vực sản xuất cũng như từng loại nước thải mỏ; Tìm hiểu các công nghệ mới để xử lý nước thải mỏ cho phù hợp, bước đầu thực hiện thử nghiệm xử lý nước thải mỏ bằng công nghệ vi sinh chi phí thấp, phù hợp áp dụng xử lý nước thải mỏ ở quy mô vừa và nhỏ. Đồng thời, Công ty được TKV giao làm đầu mối triển khai thực hiện các dự án hợp tác với nước ngoài trong lĩnh vực môi trường, trong đó có 7 dự án hợp tác với Đức, 3 dự án hợp tác với Hàn Quốc và 1 dự án hợp tác với Nhật Bản. Các dự án hợp tác đã phát huy hiệu quả, giúp TKV áp dụng nhiều giải pháp công nghệ, kỹ thuật mới trong xử lý các vấn đề môi trường mỏ.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học ứng dụng trong lĩnh vực môi trường như xây



▲ Trạm xử lý nước thải mỏ hầm lò Núi Nhện 1.200 m³/h, TP. Cẩm Phả, Quảng Ninh do Công ty VTTE tư vấn và thiết kế



dựng quy trình và nội dung quan trắc môi trường theo đặc thù ngành than Việt Nam (2007), nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và công nghệ sản xuất bột nhẹ từ đất đá thải hầm lò và tuyển than (2014), nghiên cứu biện pháp tháo khí mê-tan cho các vỉa than của mỏ Mạo Khê (2015).

CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC BẮM SÁT, THAM MƯU KỊP THỜI CÁC GIẢI PHÁP MÔI TRƯỜNG

Là đơn vị tư vấn, VITE luôn đề cao tính chủ động trước các vấn đề cấp bách, thời cuộc. Trong trận mưa lụt lịch sử tại Quảng Ninh gần đây gây ra những thiệt hại rất lớn về người và tài sản, VITE đã "phản ứng" rất nhanh và kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo Tập đoàn về các giải pháp khắc phục hậu quả do mưa lũ cũng như đề xuất các phương án lâu dài, những quy hoạch mang tính chiến lược, tổng thể về công tác BVMT của TKV trong thời gian tới. Đặc biệt, Công ty quan tâm hàng đầu đến tình hình sạt lở các bãi thải và hư hại các trạm xử lý nước thải mỏ, bởi đây là hai đối tượng cần được khắc phục nhanh nhất sau mưa để đảm bảo an toàn môi trường. Vì vậy, VITE đã chủ động xây dựng các phương án nhanh chóng khôi phục lại hoạt động của các trạm xử lý nước thải; tư vấn cho Công ty TNHH MTV Môi trường các vấn đề về công nghệ, kỹ thuật để đảm bảo các thông số vận hành của các trạm khi đưa vào hoạt động trở lại. Với trách nhiệm của một đơn vị tư vấn uy tín, VITE đã rà soát và cập nhật ngay những vấn đề liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu trong Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược cho Quy hoạch (điều chỉnh) phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 bộc lộ sau trận mưa lũ vừa qua. Đây là một vấn đề quan trọng đối với các quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn đã



được nhất quán trong các văn bản chính thống của Đảng, Chính phủ.

Trận lũ lụt lịch sử tại Quảng Ninh tháng 7 năm 2015 đã phá hủy nhiều công trình công nghiệp và dân dụng ở vùng than Quảng Ninh. Thế nhưng, các công trình BVMT do VITE chủ trì tư vấn thiết kế đều đảm bảo an toàn, trong đó, đặc biệt là các bãi thải than như Nam Đèo Nai; bãi thải V.7,8 Hà Tu; bãi thải lộ vỉa 14 Hà Tu (cũ); Nam Lộ Phong; bãi thải Ngã Hai, các bãi thải Than Núi Béo, Nam Lộ Phong... Ngoài ra, VITE còn ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực xử lý nước thải mỏ và dịch vụ môi trường hiệu quả cao. Công nghệ xử lý nước thải mỏ do VITE thiết kế đã góp phần giúp Công ty TNHH MTV Môi trường hoàn thành và đưa vào sử dụng gần 50 trạm xử lý nước thải

mỏ cho đến nay, giải quyết được một vấn đề ô nhiễm lớn trong nhiều năm tại vùng than Quảng Ninh. Kế hoạch xử lý nước thải mỏ và tái sử dụng nước thải đã giúp TKV xây dựng chiến lược về xử lý nước thải mỏ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước, phù hợp với chủ trương của Đảng và Chính phủ về sử dụng tài nguyên nước. Đánh giá hiệu quả kỹ thuật, công nghệ, quản lý các trạm xử lý nước thải mỏ hiện có tại vùng than Quảng Ninh lại là một công trình khoa học giúp TKV có được những đánh giá, kết luận về đầu tư các trạm xử lý nước thải hiện tại, rút kinh nghiệm cho những năm sắp tới.

Có thể nói, bằng những giải pháp về công nghệ và kỹ thuật trong BVMT được áp dụng, VITE đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển bền vững của TKV. Mặc dù có được những thành công bước đầu, nhưng Công ty vẫn không ngừng nỗ lực phấn đấu để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng được kỳ vọng của Tập đoàn. Bước sang tuổi 20, Lãnh đạo Công ty đã và đang chuẩn bị kế hoạch phát triển dài hạn, trong đó chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ, tăng cường quan hệ, liên kết với các đơn vị trong ngành... để từng bước phát triển hơn nữa về mọi mặt.

NGUYỄN THU TRANG

Các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái hồ Tây trong bối cảnh biến đổi khí hậu

HOÀNG VĂN THẮNG, BÙI HÀ LY
Trung tâm Tài nguyên và Môi trường (CRES)
Đại học Quốc gia Hà Nội

Hồ Tây có diện tích 527,517 ha, nằm ở phía Tây Bắc của Hà Nội, là một phân khúc của lòng sông Hồng cổ đã đổi dòng, do đó, ngoài khu vực chính, xung quanh hồ là một hệ thống ô trũng, ao đầm dày đặc được liên kết với nhau qua các hệ thống cống và kênh mương ngầm. Hồ Tây được đánh giá là hệ sinh thái (HST) hồ nước ngọt, xếp hạng thứ 11 trong số 68 HST đất ngập nước (ĐNN), có giá trị đa dạng sinh học (ĐDSH) cao của Việt Nam. Hiện tại, hồ Tây được xếp vào danh sách các hồ cần bảo tồn trên thế giới theo trang web của Tổ chức Thế giới về môi trường hồ (ILEC).

1. HỒ TÂY - MỘT HÌNH THÁI ĐNN QUAN TRỌNG

Các chức năng dịch vụ HST hồ Tây trong bối cảnh biến đổi khí hậu (BĐKH)

Hồ Tây là loại hình ĐNN đô thị nên có sự tương tác giữa con người với HST. Vì vậy, khi xem xét các giá trị và chức năng của ĐNN đô thị sẽ phải đặc biệt lưu ý đến mối tương quan của chúng với môi trường sinh hoạt, phong cách sống và đời sống tinh thần của người dân đô thị.

Theo Báo cáo Đánh giá HST Thiên niên kỷ, hồ Tây có những giá trị và chức năng sinh thái bao gồm: chứa, chuyển đổi và nạp, tiết nước ngầm, điều tiết chế độ thủy văn, chuyển đổi, phân hủy, lưu trữ các chất dinh dưỡng và chu trình hóa học của các chất như nitơ, các bon, lưu huỳnh... Ngoài ra, hồ còn là nơi cung cấp sinh khối, năng suất sơ cấp và là nơi sinh sống của các loài động, thực vật và vi sinh vật.

Hàng năm, hồ Tây được thả nuôi từ 2,2 - 2,5 triệu con tương đương khoảng 5 tấn cá giống. Ước tính, sản lượng cá thu được cung cấp cho thị trường Hà Nội trên 400 tấn/năm. Đây là nguồn cung cấp thực phẩm tương đối lớn cho người dân Hà Nội. Các loài cá được thả nuôi gồm mè trắng, mè hoa, chép, trôi rohu, trôi mrigan, trắm cỏ, trắm đen. Ngoài ra, hàng năm vào các dịp lễ tết người dân cũng thả phóng sinh nhiều loài cá như cá chép, cá

Bảng 1. Một số giá trị và chức năng chính của hồ Tây

Giá trị/Chức năng	Ví dụ cụ thể	Hồ Tây
Cung cấp thực phẩm	Nuôi thủy sản, rau hoa quả	x
Nguồn cấp nước	Cấp nước cho tưới tiêu và sinh hoạt	x
Điều hòa khí hậu	Điều hòa nhiệt độ, vi khí hậu của thành phố	xx
Điều tiết chế độ thủy văn	Nạp nước ngầm và trao đổi nước ngầm	x
Kiểm soát ô nhiễm	Tiếp nhận và giữ chất lắng đọng; hòa tan chất dinh dưỡng và chất ô nhiễm, chất thải	x
Kiểm soát thiên tai	Kiểm soát ngập lụt	xx
Giá trị tâm linh	Tín ngưỡng, niềm tin của người dân	xx
Giá trị cảnh quan, giải trí	Cơ hội cho du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí, ngắm cảnh	xx
Giá trị giáo dục	Cơ hội cho giáo dục, đào tạo chính thống và ngoại khóa	xx
Hỗ trợ ĐDSH	Nơi cư trú của các loài sinh vật	xx
Hỗ trợ chu kỳ chất dinh dưỡng	Tiếp nhận/giữ và xử lý chất dinh dưỡng	xx

▲ Ghi chú: “x”: giá trị được sử dụng ít, “xx”: giá trị được sử dụng nhiều (Báo cáo đề tài CRES)

vàng, cá quả. Đây cũng là một trong những nguồn bổ sung cá giống cho hồ Tây.

Trong các dịch vụ hệ sinh thái của hồ Tây thì dịch vụ quan trọng nhất là điều hòa nước mưa, hạn chế ngập lụt cho khu vực xung quanh và tiếp nhận nước thải sinh hoạt. Với diện tích mặt nước hơn 500 ha, do nước mưa được điều hòa chảy vào lòng hồ, trong các trận lụt lịch sử của Hà Nội khu vực xung quanh hồ Tây, khu vực quận Ba Đình, Tây Hồ mức độ thiệt hại tài sản, do ngập, lụt thấp hơn so với các quận Đống Đa, Từ Liêm, Hoàng Mai (hư hỏng đồ đạc, phương tiện đi lại trong các gia đình...). Thống kê cho thấy, các điểm ngập lụt xuất hiện nhiều tại các vùng đất mà ao, hồ, đầm bị san lấp hoặc chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác, nhưng vùng quanh hồ Tây thì thời gian ngập chỉ tính trong vài giờ (do hệ thống cống tiêu

thoát ra hồ không kịp), thiệt hại kinh tế không đáng kể. Trong bối cảnh BĐKH hiện nay, các cơn mưa lớn bất chợt, không theo quy luật, các trận bão với cường độ, lượng mưa lớn trong thời gian ngắn thì việc tích, điều hòa, thu nhận nước mưa chảy tràn của hồ Tây sẽ giúp giảm những thiệt hại về kinh tế và môi trường cho Hà Nội. Ngoài ra, trong mùa khô, hồ Tây cũng giúp cung cấp một nguồn nước tưới cho các làng nghề trồng hoa cổ truyền quanh hồ như làng hoa Nhật Tân, Quảng Bá, Nghi Tàm, Phú Thượng, Tứ Liên.

Dịch vụ hệ sinh thái quan trọng không kém của hồ Tây nói riêng, hệ thống hồ nội thành nói chung là dịch vụ điều hòa vi khí hậu. Với mật độ dân cư ngày càng tăng, số lượng nhà cao tầng ngày càng nhiều không gian của thủ đô ngày càng thu hẹp, hồ Tây và các hồ trong



lòng Hà Nội cùng với hệ thống công viên cây xanh bao quanh được ví như các lá phổi xanh góp phần điều hòa không khí của Hà Nội. Vào mùa nóng, mặt thoáng mang hơi ẩm mát mẻ của hồ sẽ giúp cho gió mát thổi vào phố phường; vào mùa lạnh, hơi ẩm từ hồ giúp cho khí hậu quanh hồ được ấm hơn. Khi nhiệt độ tăng cao với cường độ nắng lớn, nước mặt bay hơi làm cho mặt nước hồ giảm nhiệt độ, với 500 ha diện tích mặt nước thì hồ Tây là một nơi lý tưởng và mát mẻ để nghỉ ngơi, thư giãn. Điều này được thể hiện rõ nét nhất vào các tối mùa hè oi bức, người dân các vùng lân cận tới hồ Tây để tìm một không gian với không khí mát mẻ hơn trong khu phố với các ngôi nhà bê tông nóng bức, ngột ngạt. Khi sự thay đổi về thời tiết ngày càng khắc nghiệt, mùa hè như dài hơn, số ngày nắng nóng và thời gian nắng nóng trong ngày cũng dài hơn thì việc được hít thở một bầu không khí trong lành, thoáng đãng ven hồ Tây là một điều quý giá và đáng trân trọng.

Theo nghiên cứu của các chuyên gia về hồ ao học trên thế giới, thì các hồ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc hấp thụ khí nhà kính như CO₂, NH₄, NO₃ bởi các thành phần sinh vật sinh sống trong lòng hồ. Điều này giúp làm giảm nồng độ các khí nhà kính và làm cho vùng hồ đó có nhiệt độ thấp hơn các vùng khác (ít bị hấp thụ nhiệt hơn do nồng độ khí nhà kính thấp hơn nơi khác). Hồ Tây cũng không là ngoại lệ, các loài sinh vật thủy sinh như tảo, rong rêu, sen, các loài thực vật thủy sinh và cây ven bờ hồ hấp thụ các khí nhà kính giải phóng oxy trong quá trình sinh trưởng góp phần làm trong lành bầu không khí của khu vực. Ngoài ra, các lớp thực vật trên bờ giúp chống xói mòn của dòng chảy trên bề mặt đất, giúp nước mưa thấm thấu nhanh hơn, giảm ngập lụt cho vùng đất xung quanh hồ.

Ngoài ra, hồ Tây cũng là nơi cư trú của nhiều loài động, thực vật trong đó có một số loài quý hiếm đặc hữu như tảo, chim sâm cầm, sen Bách Diệp hồ Tây. Hiện tại, chức năng và dịch vụ cung cấp thức ăn như cá và các loài thủy sản khác được sử dụng thứ yếu, hầu hết các loài động thực vật thủy sinh được nuôi trồng chủ yếu để làm nhiệm vụ cải tạo môi trường trong lòng hồ. Hồ Tây được coi như một hình mẫu về quỹ gen của đồng bằng Bắc bộ bởi có tới 122 loài vi tảo, 38 loài động vật nổi và hàng chục loại cá, động vật đáy khác. Hồ Tây cũng là nơi

trú đông của nhiều loài chim nước như le le, vịt trời, sâm cầm... (Bảng 2).

Bảng 2. Thành phần các loài sinh vật ở hồ Tây

Ngành sinh vật	Tên khoa học	Số loài	Ngành sinh vật	Tên khoa học	Số loài
Tảo Lam	Cyanophyta	12	Động vật đáy	Benthos	14
Tảo Lục	Chlorophyta	73	Cá	Pices	39
Tảo Silic	Bacillariophyta	26	Họ cá chép	Cyprinidae	23
Tảo Mắt	Euglenophyta	7	Chim	Aves	58
Tảo Giáp	Pyrrophyta	4	Lưỡng cư và bò sát	Amphibia và Reptilia	11
Động vật nổi	Zoophaton	38	Thú	Mammalia	2

▲ Nguồn: Đặng Huy Huỳnh và Trần Nghĩa Hòa, 2010; Ban Quản lý hồ Tây, 2012

Các giá trị và dịch vụ văn hóa, tâm linh, khoa học của hồ Tây

Hồ Tây là thắng cảnh nổi tiếng trên đất Thăng Long. Gắn liền với hồ Tây có rất nhiều truyền thuyết dân gian, giai thoại văn học và các di tích văn hóa lịch sử. Đây là nơi có rất nhiều đình chùa với các công trình kiến trúc, văn hóa, lịch sử, trong đó nổi bật là các di tích kiến trúc của đạo Phật, các ngôi chùa nổi tiếng về lịch sử, cảnh quan thiên nhiên, kiến trúc nghệ thuật như chùa Trấn Quốc, Kim Liên, Quảng Bá, Tây Hồ, Thiên Niên và Tảo Sách và đình Yên Phụ.

Là một vùng đất có nhiều công trình lịch sử cùng với cảnh đẹp tự nhiên, hồ Tây là nơi thể hiện dịch vụ văn hóa rõ nét nhất trong các hồ của Hà Nội. Đây là nơi diễn ra các hoạt động tín ngưỡng, tâm linh không chỉ người dân Hà Nội mà còn thu hút du khách tới để chiêm ngưỡng và tìm hiểu về các giá trị về văn hóa, lịch sử... Hồ Tây còn là một trong những địa điểm nghỉ ngơi, vui chơi giải trí, thư giãn đối với người dân Hà Nội cũng như du khách

thập phương thông qua các dịch vụ vui chơi, nhà hàng, quán ăn được xây dựng trên mặt nước cũng như ven hồ, công viên bằng cách tận dụng khoảng không gian thoáng đãng của hồ Tây.

Hồ Tây cũng được sử dụng như một điểm nghiên cứu về các giá trị đa dạng sinh học, nguồn gen, các loài động, thực vật tự nhiên và là nơi thực tập ngoài trời tốt cho sinh viên và học sinh một số trường đại học và phổ thông trên địa bàn Hà Nội.

2. TÁC ĐỘNG CỦA BĐKH ĐẾN HỒ TÂY

Hà Nội đã phải hứng chịu những đợt rét kỷ lục, nắng nóng cực đoan và trận đại hồng thủy năm 2008... là những biểu hiện của BĐKH. Trong năm 2014, 2015, Hà Nội đã phải hứng chịu nắng nóng trong suốt tháng 5, 6, 7. Nắng nóng còn kéo dài cả sang mùa thu. Thậm chí, Hà Nội còn trải qua một mùa đông ấm năm 2015.

Theo thống kê của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn (DBKTTV) Trung ương, trong các tháng nửa đầu năm 2016, Hà Nội cũng như



▲ Hồ Tây - lá phổi xanh của TP. Hà Nội

các tỉnh miền Bắc có nhiệt độ trung bình có xu hướng cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5 - 1° C. Ngoài ra, trong 2 tháng chính mùa đông là tháng 1 và tháng 2/2016, nhiệt độ có xu hướng cao hơn TBNN. Hiện tượng mưa trái mùa đã xuất hiện trong các tháng mùa Đông Xuân.

Theo nghiên cứu của Hiệp hội các nhà Khoa học Hoa Kỳ, các hồ, trong đó có các hồ nước ngọt sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố BĐKH nhất định. Đối với hồ Tây, BĐKH có thể tác động tới HST hồ, cụ thể như: Trong điều kiện nhiệt độ tăng cao đột biến vào một số thời gian nhất định trong năm làm cho vùng nước mặt bị nóng lên và giảm quá trình hấp thụ oxy vào trong nước. Khi nồng độ oxy nước mặt giảm dẫn đến môi trường sống của một số loài các nước mặt bị ảnh hưởng, ngoài ra các vùng nước ấm, thiếu oxy và dư CO₂ là môi trường thuận lợi cho các loài tảo độc nở hoa. Sau khi tảo nở hoa, nước sẽ bị ô nhiễm do các loài sinh vật dưới nước chết, cùng với xác tảo phân hủy gây mùi hôi, ô nhiễm ở khu vực hồ, ảnh hưởng đến môi trường không khí cũng như chất lượng nước hồ. Việc nhiệt độ tăng cao khi nắng nóng cường độ lớn vào mùa hè, hoặc lạnh sâu dài hơn vào mùa đông có thể gây tác động đến các sinh vật trong lòng hồ cũng như trên bờ hồ. Một số loài sinh vật không chịu nhiệt độ lạnh sâu kéo dài có thể bị chết và không thể phục hồi nếu như không được bảo vệ ví dụ như loài sen Bách Diệp trong khu vực hồ.

Khi lượng mưa với cường độ và tần suất biến đổi lớn, gây gia tăng hiện tượng lụt trong

vùng hồ và các vùng lân cận, lũ do nước mưa kết hợp với nước thải sinh hoạt bị tràn ra từ các hệ thống cống, rãnh ven hồ đây có thể biến thành các ổ dịch bệnh liên quan đến môi trường nước ú đọng, ô nhiễm. Ngoài ra, khi nước mưa chảy tràn kéo theo nước cống rãnh với nồng độ các chất vô cơ, hữu cơ cao có thể gây ra hiện tượng phú dưỡng trong lòng hồ và có thể gây các mùi hôi. Hiện tượng này không chỉ làm ảnh hưởng xấu đến các sinh vật trong hồ mà còn ảnh hưởng tới người dân sinh sống quanh hồ và du khách khi đến thăm hồ.

3. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Có thể nói, hồ Tây và các ao hồ khác của Hà Nội có các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái rất quan trọng cho thành phố, đặc biệt trong bối cảnh BĐKH hiện nay. Tuy nhiên, cho đến nay, các chức năng và dịch vụ hệ sinh thái của hồ Tây vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ. Bên cạnh đó, việc quản lý các hồ Hà Nội nói chung, hồ

Tây nói riêng vẫn còn những tồn tại và hạn chế, đặc biệt là đặt trong bối cảnh BĐKH, các hiện tượng thời tiết cực đoan và thảm họa môi trường... Vì vậy, cần có những nghiên cứu cũng như giải pháp quản lý phù hợp vừa giúp cho TP. Hà Nội ứng phó với BĐKH vừa bảo tồn và sử dụng được một cách khôn khéo hệ sinh thái hồ Tây.

Trước mắt, cần đặc biệt lưu ý các nghiên cứu về chế độ tiếp nhận, điều hòa dòng chảy nước mưa vào mùa hè và cung cấp nước vào mùa đông bằng các công nghệ mới, phù hợp với điều kiện của TP. Sử dụng lại, nâng cấp hệ thống thu gom nước mưa, nước chảy tràn từ các khu phố lân cận đổ vào hồ qua hệ thống ống thu gom nước bề mặt chảy theo độ dốc, sử dụng bộ lọc rác và khơi thông dòng chảy để ngăn bùn, rác đổ vào hồ gây bồi lấp.

Để tăng thể tích điều hòa nước, cũng cần nghiên cứu phương pháp nạo vét tăng thể tích hồ nhưng không làm ảnh hưởng đến hiện trạng môi trường. Có thể sử dụng phương pháp hút, ép bùn khô như tại hồ Hoàn Kiếm để hạn chế lượng bùn đất phát tán ra môi trường xung quanh cũng như không gây xáo trộn lớn đối với hệ sinh thái lòng hồ. Tiến hành nạo vét theo khu vực, tập trung tại các điểm bị bồi lắng lớn như tại các miệng cống tiếp nhận nước thải đổ vào hồ. Cần phải có hệ thống lắng, lọc rác tại đầu nguồn và tại miệng cống thải nhằm hạn chế lượng bùn, đất, rác theo nước đổ vào hồ, gây bồi lấp, hạn chế tối đa việc suy giảm thể tích lòng hồ. Quản lý chặt chẽ các nhà hàng nổi



trên mặt hồ, trong khu vực lòng hồ về vấn đề thu gom nước, rác thải, cần phải xử phạt nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm xả rác vào lòng hồ.

Nghiên cứu lượng giá kinh tế cho các xử lý môi trường, chức năng văn hóa của hồ để huy động nguồn thu ngân sách cho hoạt động bảo vệ hồ. Cụ thể cần nghiên cứu chế độ thu phí với việc sử dụng lòng hồ làm nơi vui chơi, giải trí, dịch vụ ăn uống.

Khuyến khích các đơn vị đào tạo đưa hồ Tây vào là một trong các địa điểm nghiên cứu, thực tập học tập của học sinh, sinh viên tại Hà Nội về các mảng như nghiên cứu văn hóa, lịch sử, tín ngưỡng, nghiên cứu về hệ sinh thái tự nhiên, các loài động, thực vật thủy sinh...

Để duy trì các giá trị lưu trữ nguồn gen đa dạng sinh học, các hoạt động nghiên cứu về nhân nuôi và thả lại hồ một số loài thủy sinh đặc hữu như cá, ốc, sen Bách Diệp, chim Sầm cầm, cũng nên được xem xét và triển khai trong thời gian tới. Cần thu hút các bên liên quan tham gia: cơ quan chính quyền các cấp, tổ chức, đơn vị nghiên cứu, tổ chức phi chính phủ, hội phụ nữ; Đoàn thanh niên, người già, học sinh, giáo viên... Để bảo tồn hồ, nên coi trọng các giá trị văn hóa, xã hội của cộng đồng người dân sinh sống quanh hồ, sự tham gia của các bên liên quan trong việc ra các quyết định từ tư vấn, lập kế hoạch quản lý, bảo vệ đến chương trình hoạt động nhằm tránh những xung đột lợi ích sau này khi triển khai các hoạt động của dự án■

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài "Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học hồ Tây, TP. Hà Nội" do Đại học Quốc gia Hà Nội quản lý và tài trợ.

● Thống nhất các nội dung ứng phó biến đổi khí hậu và Tăng trưởng xanh

Ngày 7/10/2016, tại Hà Nội, Bộ TN&MT đã tổ chức cuộc họp thống nhất các nội dung về Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) và Tăng trưởng xanh (TTX) giai đoạn 2016 - 2020.

Tại cuộc họp, các đại biểu đã thảo luận về danh mục các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn sự nghiệp thuộc Hợp phần BĐKH; hoàn thiện danh mục các dự án ưu tiên về BĐKH và TTX.

Hiện nay, Bộ TN&MT đang chủ trì rà soát nội dung, quy mô các dự án ứng phó với BĐKH giai đoạn 2012 - 2015, thẩm định các dự án mới bổ sung để hoàn thiện nội dung hợp phần BĐKH thuộc Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và TTX giai đoạn 2016 - 2020. Hiện Hội đồng thẩm định liên ngành và các chuyên gia, nhà khoa học đã thẩm định, xác định được 66 dự án cần ưu tiên đầu tư trong giai đoạn 2016 - 2020.

THU HẰNG

● Việt Nam nỗ lực thực hiện Thỏa thuận Pari

Ngày 11/10/2016, tại Hà Nội, Bộ KH&ĐT phối hợp với Phái đoàn Liên minh châu Âu (EU) tại Việt Nam tổ chức Hội thảo cấp cao "Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh (TTX) của Việt Nam: Con đường hướng tới thực hiện Thỏa thuận Pari - Kinh nghiệm của Việt Nam và EU".

Tại COP 21, Thỏa thuận Pari về biến đổi khí hậu được thông qua và Việt Nam đã thể hiện cam kết trong Đóng góp dự kiến do quốc gia tự quyết định (INDC). Hiện nay, Việt Nam đã có 5 Bộ và 30 tỉnh/TP xây dựng, thực hiện Chiến lược quốc gia về TTX. Đặc biệt, bản Dự thảo Kế hoạch thực hiện INDC của Việt Nam

đang được hoàn thiện để trình Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Tại Hội thảo, các đại biểu tập trung thảo luận về việc thực hiện Chiến lược TTX của Việt Nam, đặc biệt là các vấn đề trong thích ứng, giảm nhẹ những tác động do biến đổi khí hậu và các nỗ lực để thực hiện thành công Thỏa thuận Pari tại COP 21; kinh nghiệm của EU trong việc ra quyết định và thực hiện Chiến lược TTX; huy động sự tham gia của các cơ quan Trung ương và hỗ trợ của quốc tế trong lĩnh vực TTX...

P.TUYỀN

● Khánh Hòa hướng đến nền kinh tế xanh

Tỉnh Khánh Hòa vừa ban hành Kế hoạch BVMT giai đoạn 2016 - 2020. Theo Kế hoạch, việc phát triển kinh tế - xã hội gắn với BVMT theo hướng phát triển bền vững, từng bước hướng đến nền kinh tế xanh, thực hiện tăng trưởng xanh; chủ động phòng ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; phòng ngừa sự cố môi trường do tác động của con người và tự nhiên gây ra, từng bước khắc phục, cải thiện và nâng cao chất lượng môi trường; sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tăng cường năng lực quản lý môi trường; đẩy mạnh công tác kiểm tra giám sát; xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về chất lượng môi trường...

Kế hoạch cũng đề ra các giải pháp thực hiện như: Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ trong xử lý chất thải, tái chế phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất thử nghiệm; gắn hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường với các dự án phát triển cộng đồng, nâng cao thu nhập cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Đồng thời, xây dựng chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nghiên cứu, xử lý chất thải, BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học.

M.HƯƠNG



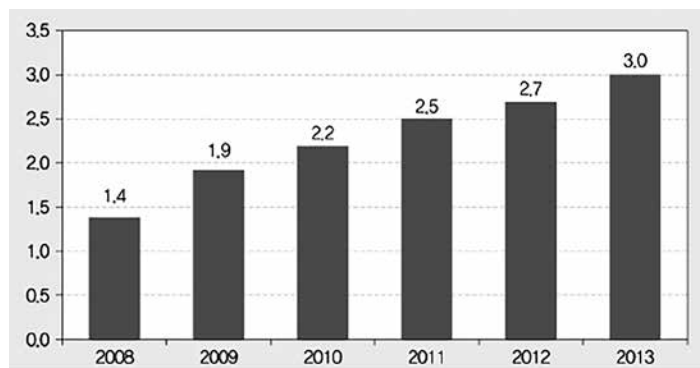
Hiệu quả từ việc đầu tư công nghệ xanh của Hàn Quốc

Là một quốc gia có tiềm năng phát triển, trong những năm qua, Hàn Quốc đã chủ động đầu tư vào công nghệ xanh (CNX). Cùng với việc khởi động Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh, ít các bon, từ năm 2008 đến nay, Hàn Quốc đã lựa chọn những CNX cốt lõi để tập trung đầu tư chuyên sâu.

Theo số liệu thống kê, năm 2008, Hàn Quốc đã đầu tư cho CNX là 1,46 nghìn tỷ won và lên tới 3,04 nghìn tỷ won năm 2013. Như vậy, chỉ trong vòng 5 năm (2008 - 2013), quy mô đầu tư đã tăng gấp đôi, từ gần 1,5 nghìn tỷ lên 3 nghìn tỷ.

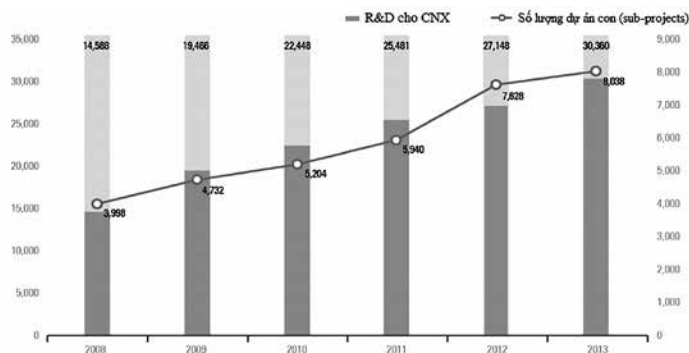
Hình 1. Đầu tư cho CNX (2008 - 2013)

(đơn vị: nghìn tỷ won)



Cùng với đó, số lượng dự án cũng gia tăng nhanh chóng. Năm 2008 là gần 4.000 dự án và đến năm 2013, số lượng dự án đã tăng gấp đôi, hơn 8.000 dự án.

Hình 2. Đầu tư R&D cho CNX và số lượng dự án con (2008 - 2013) (đơn vị: 100 triệu won, số lượng dự án)



Tỷ lệ đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D) cho CNX trên tổng R&D quốc gia cũng có chiều hướng tăng dần theo từng năm. Riêng năm 2013, quy mô đầu tư của cho CNX là 3,04 nghìn tỷ won, chiếm 17,9% tổng R&D quốc gia (16,91 nghìn tỷ won), tăng 11,8% so với năm 2012.

Về đầu tư cho các CNX cốt lõi, có thể thấy, quy mô cũng tăng dần theo từng năm, cụ thể: năm 2008 là 1,05 nghìn tỷ won đến năm 2012 là 2,06 nghìn tỷ won. Theo số liệu này, có thể thấy quy mô đầu tư cho CNX cốt lõi vào năm 2012 đã tăng gần gấp đôi so với năm 2008. Đặc biệt, tỷ trọng đầu tư cho CNX cốt lõi trên tổng đầu tư cho CNX là rất lớn, cụ thể: năm 2012, tỷ trọng này là 76%, năm 2011 là 78%, năm 2010 là 76%, như vậy là đều chiếm trên ¾. Điều này cho thấy, mức độ đầu tư tập trung rất cao vào 27 CNX cốt lõi (hình 4).

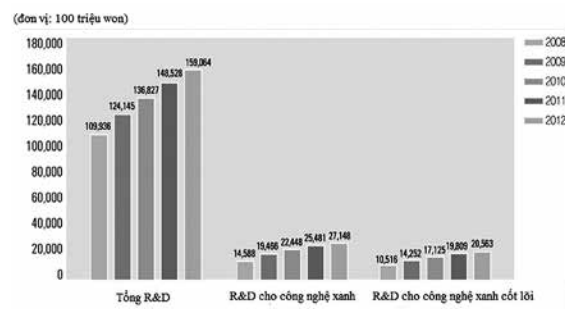
Hình 3. Đầu tư R&D cho CNX và tổng R&D quốc gia (2008 - 2013)

(đơn vị: trăm triệu won, %)

PHÂN LOẠI	TỔNG R&D		R&D CHO CNX	
	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)	SỐ TIỀN	TỶ LỆ (%)
2008	10,993,594	-	1,458,841	13,3
2009	12,414,472	-	1,946,622	15,7
2010	13,682,702	-	2,244,781	16,4
2011	14,852,770	-	2,548,116	17,2
2012(A)	15,906,397	-	2,714,275	17,1
2013(B)	16,913,921	-	3,036,047	17,9
TĂNG&GIẢM(B-A)(%)	1,007,525	6,3	321,772	11,8

Xét về nguồn đầu tư, các khoản đầu tư cho công nghệ nói chung và CNX nói riêng đến từ các Bộ Tương lai, sáng tạo và khoa học, Bộ Giáo dục, Bộ Đất đai, giao thông và hàng hải, Cục Phát triển nông thôn, Cục Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ, Bộ Tài nguyên, công nghệ và năng lượng, Bộ Môi trường... Trong đó, Bộ Tài nguyên, công nghệ và năng lượng đầu tư nhiều nhất với tốc độ gia tăng mức đầu tư cũng nhanh nhất, chỉ trong vòng 4 năm, lượng đầu tư đã tăng từ 0,7 nghìn tỷ won (năm 2008) lên thành 1,27 nghìn tỷ won (năm 2012).

Hình 4. Đầu tư cho CNX và CNX cốt lõi (2008 - 2013)



Đầu tư cho CNX còn được phân bổ theo 3 loại hình: Nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và nghiên cứu phát triển. Nhìn chung, xu hướng đầu tư đều tăng dần theo từng năm, tuy nhiên, nghiên cứu phát triển được tập trung đầu tư nhiều nhất.

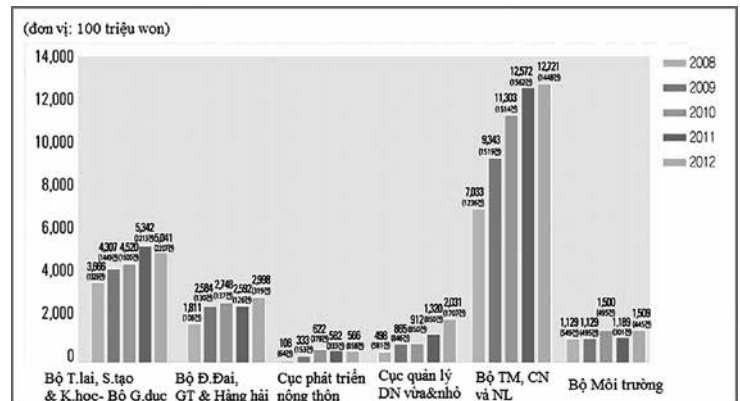


Theo thống kê, trong vòng 4 năm (2008 - 2012), Hàn Quốc đã tiến hành tổng cộng 75 kế hoạch về CNX, bao gồm các kế hoạch ngắn hạn (10 kế hoạch), trung hạn (28 kế hoạch) và dài hạn (37 kế hoạch); trong đó phần lớn là các kế hoạch dài hạn, chiếm 49,3%. (Ngắn hạn: 1 năm; Trung hạn: dưới 5 năm; Dài hạn: trên 5 năm)

Nhìn chung, đầu tư cho CNX của Hàn Quốc đều tăng dần theo từng năm và tập trung vào 27 ngành CNX cốt lõi. Với việc tập trung đầu tư chuyên sâu này, Chính phủ Hàn Quốc dự kiến sẽ tạo được 1,18 triệu việc làm và giảm 130 triệu tấn khí thải các bon vào năm 2020. Song hành với việc đầu tư phát triển CNX là giảm dần hỗ trợ và trợ cấp cho các công nghệ dựa vào năng lượng hóa thạch và các công nghệ tiêu tốn nhiều năng lượng.

Hiện tại, Hàn Quốc vẫn chưa phải là quốc gia phát triển hàng đầu về lĩnh vực công nghệ nhưng với việc đầu tư mạnh mẽ cho CNX, Hàn Quốc được đánh giá phát triển khá nhanh chóng, rút ngắn khoảng cách công nghệ với các nước phát triển, cụ thể là: trình độ 27 CNX cốt lõi so với các nước phát triển đã tăng từ 51,3% (năm 2009) lên tới 77,7% (năm 2011). Đặc biệt, trong một số lĩnh vực có thế mạnh, Hàn Quốc đã nắm bắt thời cơ và tạo ra đột phá, khi có những lĩnh vực chiếm lĩnh thị phần lớn trên thế giới và có những sản phẩm chất lượng hàng đầu, như lĩnh vực LED và ô tô xanh. Ngoài ra, Hàn Quốc còn tạo ấn tượng đối với thị trường CNX toàn cầu bằng việc sẵn sàng đầu tư mạnh để xây dựng những nhà máy có tầm cỡ hàng đầu thế giới, như nhà máy pin xe điện lớn nhất

Hình 5. Đầu tư cho CNX (2008 - 2013)



Hình 6. Đầu tư theo loại hình nghiên cứu (2009 - 2013)

(đơn vị: trăm triệu won, %)

PHÂN LOẠI	NC CƠ BẢN	NC ỨNG DỤNG	NC PHÁT TRIỂN	KHÁC
2009	3,792(19.5)	3,606(18.5)	10,426(53.6)	1,643(8.4)
2010	5,557(24.8)	4,070(18.1)	11,552(51.5)	1,268(5.7)
2011	5,433(21.3)	4,786(18.8)	12,895(50.6)	2,386(9.3)
2012 (A)	6,318(23.3)	5,330(19.6)	13,192(48.6)	2,307(8.5)
2013 (B)	8,027(26.4)	5,992(19.7)	14,320(47.2)	2,022(6.7)
Sự tăng giảm (B-A)	1,709(27.1)	662(12.4)	1,127(8.5)	Δ 286(Δ 12.4)

thế giới thuộc Tập đoàn LG và nhà máy điện thủy triều lớn nhất thế giới - Nhà máy Sihwa.

Có thể nói, Hàn Quốc đã thể hiện là một quốc gia có tầm nhìn, tham vọng khi đầu tư vào CNX và mong muốn ghi tên mình trên bản đồ CNX thế giới. Tính từ năm 2008 đến nay, quá trình đầu tư cho CNX tuy chưa dài nhưng những thành tựu về CNX mà Hàn Quốc đạt được là

rất đáng khích lệ. Với việc tăng cường đầu tư cho CNX, cùng nền tảng công nghệ vốn có và khả năng thích ứng nhanh nhạy với thị trường, Hàn Quốc có khả năng lớn trong việc hoàn thành các mục tiêu về CNX đã đề ra và trở thành một trong những cường quốc về CNX trên thế giới trong tương lai không xa.

LƯƠNG HỒNG HẠNH



▲ Hệ thống tàu điện trên cao của Hàn Quốc



Nuôi thú hoang dã - Mối đe dọa tiềm ẩn đối với con người và động vật

Quần thể các loài động vật có nguồn gốc từ Đông Nam Á như các loài khỉ, cu li, chim, cú, tắc kè, rùa... đang bị đe dọa bởi nạn mua bán thú nuôi. Mua bán thú nuôi hoang dã là một trong những nguyên nhân khiến hoạt động buôn bán động vật hoang dã (ĐVHD) bất hợp pháp trở thành mối đe dọa lớn đối với đa dạng sinh học.



▲ Dân chơi chim Hà Thành với chú chim săn mồi có xuất xứ từ Mông Cổ - đại bàng hoàng kim

BUÔN BÁN ĐVHD NGÀY Càng GIA TĂNG

Thời gian qua, hoạt động mua bán ĐVHD để làm vật nuôi tạo ra làn sóng khai thác không bền vững các loài ĐVHD trong tự nhiên. Mặc dù có sự biện luận là các con vật được gây nuôi trong môi trường nuôi nhốt và không ảnh hưởng tới quần thể của chúng ngoài tự nhiên, nhưng trên thực tế, hầu hết chúng được săn bắt từ tự nhiên.

Từ năm 1975 - 2005, có khoảng 1.3 triệu cá thể vẹt xám châu Phi bị săn bắt làm vật nuôi và hậu quả là loài này đang phải đối diện với sự tuyệt chủng. Kỳ đà không tai của Malaixia được phát hiện vào năm 2012 và đang bị săn bắt, rao bán trên các diễn đàn online với số lượng lớn. Cũng như nhiều loài khác, kỳ đà không tai

không thể sinh sản trong điều kiện nuôi nhốt, vì vậy, chúng cần được bảo vệ bởi luật pháp quốc tế để tránh khỏi việc bị săn bắt làm thú nuôi.

Ngoài ra, còn có rất nhiều loài chim trở thành thú nuôi phổ biến, nhưng không phải loài nào cũng được phép nuôi giữ. Những loài chim lớn như đại bàng và các loài chim ăn thịt khác rất khó để giữ trong môi trường nuôi nhốt, bởi chúng đã quen sải cánh trong không gian rộng lớn.

Theo ghi nhận của Công ước về Buôn bán động vật hoang dã quốc tế (CITES), từ năm 1998 - 2007, có khoảng 35 triệu động vật của Đông Nam Á bị xuất khẩu sang các quốc gia khác trên thế giới và 30 triệu động vật có nguồn gốc hoang dã như cá ngựa, các loài bò sát, chim và động vật có vú. Buôn bán ĐVHD đang phát triển với tốc độ leo thang và đe dọa tới sự sống còn của rất nhiều loài.

MỐI ĐE DỌA TIỀM ẨN ĐỐI VỚI CON NGƯỜI VÀ ĐỘNG VẬT

ĐVHD rất khác so với vật nuôi và tình trạng nuôi nhốt sẽ làm cho nhu cầu sinh học của chúng không được đáp ứng. Nhiều vật nuôi hoang dã có thể ủ mầm bệnh và dễ dàng lây sang con người. Hầu hết, các loài khỉ mang vi rút herpes B - một loại vi rút có thể gây chết người; rùa và một số loài bò sát có thể mang vi khuẩn salmonella - một vi khuẩn có thể gây bệnh truyền nhiễm, đặc biệt cho trẻ em; vẹt và các loài chim khác cũng có thể lây truyền một số bệnh sang người, trong đó có bệnh cúm gia cầm. Phần lớn, các căn bệnh mới hiện nay đều do động vật lây truyền cho con người. Ngoài ra, khi các

loài ĐVHD trở thành gánh nặng đối với chủ nhân của chúng, thì sẽ có thiên hướng được thả trở lại tự nhiên. Điều này rất nguy hiểm bởi chúng có thể truyền bệnh cho con người và các loài bản địa. Chúng có thể gây nguy hiểm do là loài hoang dã, chưa được thuần phục, mặc dù bị nuôi nhốt trong nhiều năm.

Mặt khác, nuôi nhốt ĐVHD cũng gây ra những tổn thương đối với thể chất và tinh thần của chúng. Rất nhiều trường hợp động vật nuôi nhốt khi được giải cứu đều trong tình trạng sức khỏe xấu. Chỉ trong điều kiện nuôi dưỡng chuyên nghiệp, đầy đủ cơ sở vật chất, các loài ĐVHD mới được đảm bảo về sức khỏe. Thậm chí, kể cả khi các loài có nguồn gốc hoang dã có thể sống trong môi trường nuôi nhốt và không đòi hỏi chăm sóc công phu, thì việc nuôi giữ các loài này vẫn gây ra nhiều mối đe dọa đối với quần thể của chúng ngoài tự nhiên. Buôn bán thú nuôi từ hoang dã còn tạo ra một xu hướng trong xã hội rằng sở hữu thú nuôi hoang dã là hoàn toàn bình thường. Vì thế, nuôi giữ ĐVHD sẽ thúc đẩy nạn buôn bán và săn bắt những loài này trong tự nhiên.

ĐVHD, không như các loài thuần dưỡng, có vai trò sinh thái riêng. Khi số lượng quần thể một loài hoang dã giảm xuống một mức độ nhất định nào đó được xem là tuyệt chủng về mặt sinh thái - có nghĩa là quần thể của chúng quá nhỏ để thực hiện vai trò sinh thái. WWF tại Việt Nam kêu gọi người dân không sở hữu một số loài hoang dã. Việc nuôi giữ chúng trong nhà sẽ không phù hợp và ngăn cản nỗ lực bảo vệ chúng trong tự nhiên.

NGUYỄN PHƯƠNG



Khi nguồn nước ô nhiễm

Mùa hè ở vùng Bắc bán cầu là thời điểm thích hợp để bạn đi tới các bãi biển hoặc các hồ nước, hòa mình vào làn nước xanh trong mát rượi dưới cái nắng nóng oi bức. Bạn có thể chèo thuyền, bơi lội, lướt sóng, tham gia các trò chơi dưới nước... nhưng, hãy cẩn thận với các mối nguy hiểm đang rình rập.

ĐIỀU GÌ XẢY RA

Bạn ném một mẩu gỗ xuống nước, chú chó của bạn lao theo, ngoạm gọn và mang về cho bạn. Nhưng sau đó chú chó bị chết. Bạn vô tình uống một ngụm nước trong khi bơi và bị nhiễm khuẩn. Bạn ăn hải sản tại một nhà hàng cạnh bờ biển và bị đau bụng. Bạn lặn ngụp dưới làn nước nhưng bị phủ bởi lớp nhớt dày màu xanh. Đây không phải là cảnh trong các phim rừng rợn mà là vấn đề của thế giới hiện thực. Những cảnh báo ô nhiễm ngày càng gia tăng đối với hệ sinh thái của các hồ nước, bãi tắm, do chất thải gia súc, nước rửa trôi từ đồng ruộng, thuốc trừ sâu, nước thải sinh hoạt và đặc biệt nước thải từ sản xuất công nghiệp là thủ phạm chính.

Thử lướt trên mạng internet, bạn sẽ thấy các thông tin về những mối nguy hiểm đe dọa tới sức khỏe, con người - Những điều mà cách đây 50 năm ít khi nghe thấy bởi khi đó các hệ sinh thái còn lành mạnh và an toàn hơn hiện nay.

Hiện nay, vi tảo lục đe dọa những giá trị sinh thái của các thủy vực lớn nhất trên hành tinh, như hồ Victoria (châu Phi), Erie (Bắc Mỹ), Taihu (Trung Quốc), biển Baltic (Bắc Âu) và biển Caspie (Tây Á). Tảo lục cũng được



▲ Cá chết hàng loạt do vi tảo độc



▲ Các mối nguy hiểm ẩn trong làn nước xanh mát

tim thấy ở hồ Kokotel ở phía Đông Siberia gần hồ Baikal - hồ nước ngọt nguyên sinh lớn và sâu nhất thế giới.

Tại Mỹ (năm 2015), quan chức y tế quận Sonoma đã đưa ra khuyến cáo người dân và thú nuôi của họ tránh xa sông Russian sau khi một chú chó bơi dưới hồ bị chết và nguyên nhân được xác định là do độc tố vi tảo. Năm 2016, một lớp thảm tảo độc dày, với kích cỡ to, trải rộng mặt hồ Okeechobee bang Florida. Từ đó, thảm tảo lan dọc các con sông lớn tới tận bờ biển và vịnh Atlantic làm cá chết hàng loạt, các bãi biển bị đóng cửa, người dân mắc nhiều bệnh tật. Chính phủ bang tuyên bố tình trạng khẩn cấp tại các khu vực bị ô nhiễm.

Vào năm 2015, nước vùng Biển Vàng (Trung Quốc) chuyển màu xanh do một lớp thảm tảo xanh che phủ các bãi biển tại tỉnh Sơn Đông, phía Đông Trung Quốc. Người dân sống tại Quang Đảo và các thành phố gần bãi biển phải quen dần với việc nhìn các bãi tắm trông như "cánh đồng cỏ xanh" vào tháng bảy. Để đối phó với tảo, các bãi biển ở

Quang Đảo trở thành nơi sản sinh ra xu hướng thời trang kỳ quái: Bikini mặt. Nhiều phụ nữ địa phương đeo mặt nạ khi tắm nắng và bơi dưới nước để tránh sạm da và ngăn không cho tảo bám dính vào tóc.

Tại Ôxtrâyliya, từ những tháng đầu năm 2016, hơn 1.700 km sông Murray đã bị ảnh hưởng do sự bùng phát tảo độc, vi tảo nở hoa trong điều kiện thời tiết ấm hơn mức trung bình mọi năm. Chỉ trong một thập niên vừa qua đã 4 lần xảy ra hiện tượng tảo nở hoa trên sông Murray, đó là vào các năm 2007, 2009, 2010 và 2016.

Năm 2016, sự việc bùng phát tảo nở hoa tại Chi Lê đã làm chết 20% lượng cá hồi nuôi của quốc gia này và gây nên cơn sốt giá cá hồi trên quy mô toàn cầu. Chi Lê là nước đứng thứ hai trên thế giới về cung cấp cá hồi, sau Na Uy.

Sự gia tăng tần suất các sự cố ô nhiễm tảo độc tại các hệ sinh thái thủy vực và ven biển trên toàn cầu được cho là do sự phát triển của con người, kéo theo phát sinh lượng chất thải ra môi trường ngày càng



lớn. Trong đó, lượng phát thải khổng lồ là nitơ và photpho - 2 chất “dinh dưỡng” chính có trong thành phần nuôi dưỡng tảo và làm bùng phát hiện tượng tảo độc nở hoa. Bên cạnh đó, một yếu tố đáng lo ngại nữa làm trầm trọng hơn vấn đề là sự biến đổi khí hậu toàn cầu. Với sự ấm lên của các đại dương, hồ nước và hệ sinh thái thủy vực làm bầu khí quyển nóng lên, tạo điều kiện thời tiết thuận lợi cho sự bùng phát tảo độc nở hoa.

ĐIỀU CÓ THỂ LÀM

Các Chính phủ cần đặt ra các ngưỡng giới hạn và tiêu chuẩn về chất lượng nước đối với nước ngọt và các thủy vực ven biển. Đồng thời, đưa ra những quy định bắt buộc về chất lượng nước trong sản xuất nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi), chất thải phát sinh trong nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp sau xử lý. Áp dụng kinh nghiệm để sử dụng hiệu quả các dưỡng chất (sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu trong sản xuất nông nghiệp) và giảm thiểu các chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp và hệ thống xử lý nước thải. Hướng dẫn quốc tế về chất lượng nước đối với các hệ sinh thái (WQGES), do Chương trình môi trường Liên hợp quốc (UNEP) xuất bản và công bố ngày 15/3/2016 là tài liệu tham vấn hữu ích cho các quốc gia và khu vực trong xây dựng các hướng dẫn về chất lượng nước cho các hệ sinh thái, bao gồm cả các tiếp cận trong xác định các chỉ số, đề ra các chỉ tiêu và các giá trị ngưỡng. WQGES là tài liệu cho các Chính phủ tham vấn nhưng cũng có thể được áp dụng cho cả các vùng, tiểu vùng, khu vực xây dựng các hướng dẫn của riêng mình. Các hướng dẫn không thể được xây dựng và áp dụng nếu không có sự tham gia của chính quyền, các nhà quản lý nguồn nước, giới khoa học và các bên liên quan khác.

Như vậy, các công cụ và kinh nghiệm trong quản lý các nguồn nước, thủy vực đã được xây dựng và triển khai thực hiện. Điều cần lúc này là chính quyền, các nhà chức trách địa phương, khu vực phải hành động. Cái giá của việc “không làm gì” sẽ luôn đắt hơn chi phí cho “hành động ngay” lúc này.

HOÀNG DƯƠNG (Theo UNEP)

Tăng cường bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm tại Vườn quốc gia Ba Bể

TRẦN THU TRANG

Học viện Nông Nghiệp Việt Nam

Vườn quốc gia (VQG) Ba Bể được thành lập theo Quyết định số 83/TTg ngày 10/11/1992 của Thủ tướng Chính phủ với diện tích 7.610 ha, trong đó có 3.226 ha là phân khu bảo vệ nghiêm ngặt và hơn 300 ha diện tích mặt hồ. Vườn được công nhận là Vườn di sản ASEAN vào năm 2004, Khu Ramsar thứ 1.938 của thế giới và thứ 3 của Việt Nam vào năm 2011. Vườn có hệ sinh thái điển hình rừng thường xanh trên núi đá vôi và đất thấp, với các loài động, thực vật phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do tác động của con người, nên hệ sinh thái Vườn bị phá vỡ, sinh cảnh rừng thay đổi. Thêm vào đó, nạn săn bắt động vật ngày càng gia tăng đã đe dọa đến đa dạng sinh học (ĐDSH), cũng như sự sinh tồn của các loài động vật hoang dã (ĐVHD).

GIÁ TRỊ ĐDSH VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG LÀM SUY GIẢM CÁC LOÀI

Theo Hạt Kiểm lâm VQG Ba Bể, VQG có 1.268 loài thực vật bậc cao, thuộc 162 họ, 672 chi, trong đó có 25 loài thực vật có tên trong Sách đỏ của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN) và nhiều loài thực vật quý hiếm có tên trong Sách đỏ Việt Nam như ngiến, đinh, lim, trúc dây, lát hoa... Ngoài ra, Vườn còn được các nhà khoa học trong và ngoài nước đánh giá là trung tâm đa dạng và đặc hữu cao nhất về loài lan không chỉ của Việt Nam mà còn của vùng Đông Nam Á, với 200 loài lan các loại, trong đó có các loài đặc hữu được ghi trong Sách đỏ như lan hài chân tím, hài lông, hài tía, hài vàng chấm đen, hài xanh...



▲ Hàng loạt cây gỗ ngiến quý tại VQG Ba Bể bị lâm tặc chặt hạ



▲ VQG Ba Bể

Về động vật, VQG có 81 loài thú, 27 loài bò sát, 17 loài lưỡng cư, 322 loài chim, 106 loài cá, 553 loài côn trùng và nhện. Trong đó có 66 loài quý hiếm và đặc hữu nằm trong Sách đỏ Thế giới và Việt Nam ở mức nguy cấp cần bảo tồn như phượng hoàng đất, gà lôi, voọc mũi hếch, gấu gừa, gấu chó, tê tê vàng, dơi muỗi, sóc... Riêng khu hệ bướm hiện đã ghi nhận 332 loài, trong đó có 20 loài mới được tìm thấy lần đầu ở Việt Nam.

Hiện nay, dân số sinh sống ở vùng đệm của VQG lên tới 19.714 người, vùng lõi có 3.730 người đã tạo nhiều sức ép trong công tác bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm. Từ năm 2002, tỉnh Bắc Cạn đã đầu tư hơn 46 tỷ đồng xây khu tái định cư gắn với phát triển du lịch sinh thái và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân di chuyển tới nơi ở mới. Tuy nhiên, công tác di dân vẫn gặp nhiều khó khăn, do người dân muốn ở trong vùng "lõi" để "tận thu" những nguồn lâm sản quý của thiên nhiên. Hoạt động khai thác gỗ và các lâm sản ngoài gỗ, canh tác nương rẫy phần lớn diễn ra tại các vùng giáp ranh của VQG, nhất là khu vực phía Bắc sông Năng. Đặc biệt, tình trạng lâm tặc khai thác hàng loạt cây gỗ nghiến không ngừng gia tăng. Báo cáo của VQG cho thấy, từ đầu năm 2012 đến nay, có tới 144 cây gỗ nghiến (657,909 m³) bị khai thác trái phép.

Thêm vào đó, nạn săn bắn trái phép các loài hoang dã ngày càng gia tăng. Ngoài việc sử dụng làm thức ăn, các loài thú còn trở thành hàng hóa mang lại lợi nhuận cao cho các đối tượng buôn bán ĐVHD. Những loài thú thường bị săn bắn là sơn dương, nai, hoẵng, cây giông, cây hương, các loài linh trưởng... Mặt khác, các hoạt động lấn chiếm đất rừng làm nương rẫy, đường giao thông và chăn thả gia súc tự do trong rừng đặc

dụng đã làm mất sinh cảnh quan trọng của thú tại VQG. Các quần thể sống trong điều kiện sinh cảnh bị chia cắt và thu hẹp sẽ dẫn tới tình trạng giao phối nội dòng, suy thoái thể hệ.

TĂNG CƯỜNG CÁC GIẢI PHÁP BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trước thực trạng trên, Hạt Kiểm lâm VQG Ba Bể đã phối hợp với lực lượng Kiểm lâm của tỉnh tăng cường công tác bảo vệ rừng. Xây dựng các phương án, kế hoạch truy quét lâm tặc; tích cực chốt chặn tại các trạm và tăng cường tuần tra, kiểm soát bảo vệ rừng; đồn đốc, động viên tinh thần trách nhiệm của cán bộ kiểm lâm; vận động người dân nâng cao nhận thức, không phá rừng, không tiếp tay cho lâm tặc.

Tổ chức ký cam kết, phát phiếu phát giác đối tượng vi phạm chặt phá, săn bắt ĐVHD... Bên cạnh đó, Hạt Kiểm lâm cũng tăng cường phối hợp với các cơ quan ban, ngành, nhà khoa học, cộng đồng triển khai dự án nghiên cứu, điều tra, đánh giá về tài nguyên ĐDSH của VQG để có phương án bảo tồn hiệu quả.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và bảo tồn ĐDSH VQG Ba Bể, trong thời gian tới, Hạt Kiểm lâm sẽ tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cho lực lượng kiểm lâm VQG; Kiện toàn hệ thống các trạm bảo vệ, tổ tuần tra rừng; Xây dựng phương án quản lý bảo vệ VQG, giảm tình trạng chặt phá rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng; Lập sơ đồ tuyến tuần tra rừng tự nhiên đối với các Trạm Kiểm lâm đảm bảo khép kín đến từng lô, khoảnh rừng trong VQG. Cùng với đó, nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, buôn bán ĐVHD của người dân địa phương; Xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh và bộ tiêu bản các loài động, thực vật để trưng bày; Điều tra chi tiết thành phần loài, đặc điểm phân bố và giá trị bảo tồn của khu hệ động, thực vật rừng. Với các loài quý hiếm, xây dựng chương trình điều tra giám sát cụ thể để đánh giá hiện trạng buôn bán ĐVHD tại VQG; Hợp tác với các cơ quan ban, ngành trong nước, các tổ chức quốc tế trong công tác nghiên cứu khoa học, quản lý bền vững hệ sinh thái rừng...■



Nhà khoa học trẻ say mê nghiên cứu và bảo tồn các loài thực vật

Đam mê nghiên cứu khoa học, ThS. Phạm Văn Thế công tác tại Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam) không chỉ nghiên cứu bảo tồn các loài thực vật đang có nguy cơ tuyệt chủng mà còn phát hiện nhiều loài hoa mới cho khoa học Việt Nam. Với 42 đề tài, dự án nghiên cứu; xuất bản 54 công trình khoa học, một cuốn sách tiếng Anh tại Đức và 21 bài báo quốc tế, ThS. Phạm Văn Thế là một trong 10 nhà khoa học trẻ được Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trao tặng Giải thưởng khoa học kỹ thuật (KHKT) Thanh niên Quả cầu vàng năm 2015.

Sinh ra và lớn lên ở vùng Chí Linh (Hải Dương), ngay từ nhỏ, Phạm Văn Thế đã gần bó với rừng nên quyết định thi vào Trường Đại học Lâm nghiệp. Nhưng sau khi tốt nghiệp, anh không chọn nghề kiểm lâm mà chuyển sang học thạc sĩ chuyên ngành thực vật học. Với tính cách thích phiêu lưu, mạo hiểm nên việc khám phá những cánh rừng nguyên sơ đã mang lại nhiều cảm xúc mới lạ cho anh. Qua những chuyến đi rừng, anh đã phát hiện nhiều loài thực vật như pơ mu, sa mộc, bách xanh, lan hài đang bị suy giảm nghiêm trọng, do con người khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức và nạn phá rừng. Đặc biệt, anh cùng các đồng nghiệp đã nghiên cứu đặc điểm hình dạng, kích thước, quá trình sinh trưởng của loài lim xanh để tìm ra phương pháp bảo tồn phù hợp.

Ngoài ra, anh và các đồng nghiệp đã nghiên cứu bảo tồn cây hoàng đàn, loài thực vật quý hiếm bị đe dọa tuyệt chủng toàn cầu tại Khu bảo tồn thiên nhiên Hữu Liên, Hữu Lũng (Lạng Sơn). Hoàng đàn là giống cây gỗ quý hiếm và có giá trị kinh tế cao, mỗi kg gỗ trị giá 1 - 2 triệu đồng. Cây gỗ có mùi thơm, tinh dầu có tác dụng chữa bệnh khớp. Trong những năm gần đây, cây hoàng đàn đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, do bị khai thác quá mức. Các nhà khoa học đã khảo sát, trong Khu bảo tồn chỉ còn 20 - 30 cây con. Để bảo tồn loài cây này, anh và các đồng nghiệp đã nhân giống cây hoàng đàn thành công, phát triển tốt trong vườn của người dân địa phương, có thể trồng lại trong tự nhiên.

Bên cạnh đó, anh còn tìm ra và công bố nhiều chi, loài thực vật mới cho khoa học, là



▲ ThS. Phạm Văn Thế (thứ 3 từ trái sang) nhận Giải thưởng KHKT Thanh niên Quả cầu vàng năm 2015

nguồn gen quý, đặc hữu của Việt Nam như thiên lý hiệp rù, cẩm cù lộc, cẩm cù cuống dài, cẩm cù hạnh, bách xanh đá, thông năm lá rù... Đặc biệt, trong chuyến đi thực địa tháng 5/2016, anh đã tìm thấy loài hoa cẩm cù mới, hiếm có tại Cát Bà (Hải Phòng). Sau khi so sánh với các mẫu ở bảo tàng hiện có và tìm hiểu tài liệu, anh và nhóm điều tra thực địa kết luận đây là loài cẩm cù ly, họ trúc đào, có duy nhất ở Việt Nam.

Đến nay, anh đã phát hiện và mô tả 13 loài, 2 chi thực vật mới cho khoa học. Những công bố khoa học này góp phần quan trọng trong việc bảo tồn các loài thực vật quý hiếm, bị đe dọa tuyệt chủng ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Đây là cơ sở để các nhà quản lý có biện pháp bảo tồn, lựa chọn nguồn gen tự nhiên quý hiếm, phục vụ cho quá trình khai thác, nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Với những đóng góp cho nghiên cứu bảo tồn về các loài thực vật Việt Nam, tên của anh được đồng nghiệp quốc tế đặt cho các loài thực vật hoặc chi thực vật mới phát

hiện cho khoa học như địa lan thế ở Thừa Thiên - Huế (năm 2005); chi mới lan thế ở Hòa Bình (năm 2012); tỏi rừng thế ở Quảng Bình (năm 2012). Ngoài ra, anh còn là người sáng lập và hiện là đồng quản trị website “Đa dạng sinh học và bảo tồn Việt Nam - BIODIVN” (biodivn.com). Đây là website cung cấp thông tin miễn phí về tình hình đa dạng các loài động, thực vật, cũng như hiện trạng và công tác bảo tồn.

Mặc dù đã đạt được một số kết quả trong công tác bảo tồn, nhưng niềm say mê nghiên cứu khoa học luôn khiến anh nỗ lực tìm tòi, sáng tạo để hoàn thiện các dự án mới về phát triển nguồn gen, nhân nuôi những loài thực vật quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng. Để góp phần khuyến khích, tạo động lực và điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học, đặc biệt là các nhà khoa học trẻ say mê nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, anh mong muốn, Nhà nước sẽ hỗ trợ về thiết bị, kinh phí để họ tiếp tục được cống hiến và theo đuổi niềm đam mê với khoa học.

MINH NGUYỆT



Mô hình đồng quản lý rừng pơ mu của đồng bào dân tộc Cơ Tu

NGUYỄN ĐÌNH HỒE

Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam

Rừng pơ mu ở huyện Tây Giang thuộc hai xã miền núi Axan và Tr'Hy, nằm trên núi Zi'liêng ở độ cao khoảng 1.500 m so với mực nước biển, với 95% là đồng bào dân tộc Cơ Tu sinh sống. Rừng pơ mu được chính quyền Tây Giang phát hiện vào năm 2008, đến năm 2011 mới công bố. Quần thể pơ mu phân bố trên diện tích gần 500 ha, với hơn 1.400 cây, trong đó 725 cây có độ tuổi từ 300 đến hơn 1.000 tuổi được công nhận là cây di sản Việt Nam.

Với mục tiêu “Rừng còn Tây Giang phát triển, rừng mất Tây Giang suy vong”, bao đời qua, người dân Tây Giang luôn quyết tâm bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng pơ mu. Hiện quần thể cây pơ mu được chính quyền và nhân dân địa phương bảo vệ nghiêm ngặt và gần như còn nguyên vẹn, không bị phá vỡ. Đây được đánh giá là một trong những rừng cây gỗ quý hiếm nhất còn sót lại ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

Với người dân tộc Cơ Tu, từ xa xưa, những cây rừng cổ thụ là nơi trú ngụ của thần linh. Những cây rừng to lớn trở thành biểu tượng cho sự khỏe mạnh, cường tráng, dẻo dai của những người con sống giữa đại ngàn, nên dân làng không dám động đến. Cây pơ mu không nằm ngoài tín ngưỡng đó. Cây pơ mu theo tiếng Cơ Tu là Hynghêe. Đây được xem là cây thiêng, nên trước đây, mỗi lần dân làng muốn chặt hạ một cây pơ mu thì phải cúng tế, xin phép thần linh rồi mới được phép chặt. Pơ mu là gỗ quý nên con người luôn săn lùng, thậm chí trả công cho dân làng để có được những khối gỗ mang về. Từ ngày phát hiện cánh rừng, dân làng họp nhau, bàn bạc đi đến thống nhất sẽ cùng chính quyền bảo vệ đến cùng những gốc cây pơ mu quý giá. Dân làng huy động mọi người cùng mở đường mòn, đến từng gốc pơ mu để việc tuần tra, bảo vệ dễ dàng. Dân làng còn lập một chốt chặn ngay lối vào, hàng ngày cử người canh giữ. Nếu chưa được sự đồng ý của chính quyền, bộ đội biên phòng và già làng thì người ngoài không được vào rừng.

Trước tình trạng “lâm tặc” liên tục phá rừng trái phép, chính quyền huyện đã thành lập tổ bảo vệ rừng gồm 30 người là những thanh niên, già làng dân tộc Cơ Tu thay phiên nhau tuần tra, canh



▲ Mỗi cây pơ mu được đánh số, gắn chip định vị để theo dõi, bảo vệ nghiêm ngặt

giữ rừng. Mỗi cây pơ mu được đánh số, gắn chip định vị để theo dõi, bảo vệ nghiêm ngặt. Chính quyền địa phương cũng vận động các Hội Nông dân, Phụ nữ địa phương tham gia bảo vệ rừng, đưa tiêu chí bảo vệ rừng pơ mu như một trong những chương trình hành động, bình xét danh hiệu thi đua trong năm. Mặt khác, các hộ dân được giao khoán quản lý, bảo vệ, chăm sóc rừng, với sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước.

Dựa theo truyền thống của người Cơ Tu, Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam đã nghiên cứu triển khai mô hình đồng quản lý rừng pơ mu Tây Giang. Theo mô hình, văn hóa rừng (tri thức bản địa) được tôn trọng và áp dụng tối đa trong hoạt động quản lý bảo vệ rừng, trong đó vai trò của già làng được đề cao. Hoạt động của đội bảo vệ rừng cộng đồng nhận được sự chỉ đạo của chính quyền các cấp, được đầu tư kinh phí và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý (đánh số cây, gắn chip vào các cây quý, làm đường tuần tra...). Đặc biệt, mô hình đồng quản lý rừng đảm bảo tôn trọng vị thế, chủ quyền của cộng đồng địa

phương đối với các cánh rừng truyền thống; giúp bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn nhưng không hạn chế sinh kế truyền thống của cộng đồng. Các nguồn lợi rừng vẫn được cung ứng cho cuộc sống của người dân nên họ nhận thấy việc bảo vệ rừng là bảo vệ cuộc sống của chính mình.

Tây Giang đã xác định phát triển du lịch sinh thái, du lịch trên cơ sở cộng đồng, du lịch di sản... là thế mạnh và hướng đi chính của miền núi cao Tây Giang. Từ đó, khai thác được vốn di sản văn hóa và sinh thái giàu tiềm năng của vùng đất này trong khi môi trường vẫn được bảo vệ. Bên cạnh đó, mô hình đồng quản lý rừng pơ mu Tây Giang khác với các mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ rừng ở nhiều nơi khác ở chỗ nó kế thừa và phát huy phong tục bảo vệ rừng qua nhiều năm của cả một cộng đồng dân tộc. Mô hình cũng khẳng định quyền sở hữu và sử dụng tài nguyên rừng của cộng đồng, qua đó góp phần bảo tồn văn hóa truyền thống, cũng như đảm bảo an ninh, sinh kế địa phương. Đây là những nét đặc sắc nhất của mô hình đồng quản lý rừng pơ mu Tây Giang. ■



HỘI NGHỊ CÁC NƯỚC THÀNH VIÊN CITES LẦN THỨ 17:

Thành công và những thách thức

Trước tình hình các loài hoang dã nguy cấp trên thế giới bị buôn bán bất hợp pháp và không bền vững, tại Hội nghị lần thứ 17 (CoP 17) các nước thành viên CITES (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp) được tổ chức tại Johannesburg, Nam Phi, Chính phủ các nước đã đồng lòng đưa ra một loạt các biện pháp cứng rắn nhằm bảo vệ tốt hơn nhiều loài đang bị đe dọa, đồng thời tăng cường nỗ lực giải quyết vấn đề săn bắn và buôn lậu các loài hoang dã hiện đang phát triển. Đây được xem là Hội nghị thành công nhất từ trước tới nay của CITES với nhiều quy định quan trọng liên quan tới những loài hoang dã đang bị buôn bán bất hợp pháp như hổ, tê giác, voi và tê tê.

Một trong những thành công của Hội nghị là phần lớn các quốc gia thành viên đã bỏ phiếu bác bỏ đề nghị hợp pháp hóa buôn bán sừng tê giác của Vương quốc Swaziland. Theo đó, Swaziland đã đưa ra đề xuất bán 330 kg sừng tê giác hiện được lưu trữ trong kho của quốc gia (có nguồn gốc từ các cá thể tê giác chết tự nhiên hoặc từ những kẻ săn trộm), với hy vọng thu được 10 triệu USD nhằm hỗ trợ bảo vệ 73 cá thể tê giác trắng của Swaziland khỏi nạn săn trộm. Họ cũng đề xuất bán thêm khoảng 20 kg sừng tê giác mỗi năm để gây quỹ 600.000 USD, bằng cách thu hoạch sừng của những cá thể tê giác sống (sử dụng các biện pháp không gây đau đớn cho tê giác). Tuy nhiên, đề xuất của quốc gia này với mong muốn xóa bỏ lệnh cấm buôn bán quốc tế đã thất bại, bởi lẽ các quốc gia thành viên cho rằng dỡ bỏ lệnh cấm buôn bán sừng tê giác và sự tồn tại song song của sừng tê giác hợp pháp và bất hợp pháp trên thị trường sẽ gây ra nhiều cản trở và ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi pháp luật. Chính vì vậy, hợp pháp hóa buôn bán sừng tê giác sẽ là mối đe dọa lớn đối với các quần thể tê giác trong tự nhiên và sẽ tiếp tục làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ sừng tê giác.

Thành công tiếp theo là tất cả 8 loài tê tê, loài thú bị buôn bán trái phép nhiều nhất thế giới, đã được nâng cấp mức độ bảo vệ, từ Phụ lục II lên Phụ lục I (cấp độ bảo vệ cao nhất) trong CITES. Hai loài tê tê bản địa của Việt Nam đã được pháp luật trong nước bảo vệ ở mức cao nhất. Tuy nhiên, Việt Nam là điểm



▲ Tám loài tê tê trên thế giới đã được đưa vào danh mục bảo vệ trên toàn cầu, cấm buôn bán dưới mọi hình thức

trung chuyển lớn vảy tê tê từ châu Phi nên việc nâng cấp mức độ bảo vệ tất cả các loài tê tê trên thế giới là một điểm mới quan trọng. Cùng với sự thay đổi này, vi phạm đối với các loài tê tê từ nay cũng sẽ bị xem xét xử lý hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015, dự kiến sẽ có hiệu lực vào thời gian tới.

Hội nghị đã đưa ra quyết tâm quản lý chặt chẽ tình trạng gây nuôi hổ nhằm tăng cường thực thi Quyết định 14.69, theo đó hoạt động gây nuôi hổ chỉ được phép tiến hành vì mục đích bảo tồn. Trung Quốc ra sức bác bỏ Quyết định này nhưng đã bị nhiều quốc gia phản đối, trong đó có Ấn Độ và Lào. Đặc biệt, Lào - đất nước có ít nhất ba trại hổ lớn đang gây nuôi hàng trăm cá thể hổ - cũng đã tuyên bố tại Hội nghị về quyết tâm đóng cửa các cơ sở gây nuôi hổ và gấu tại quốc gia này. Qua đó cho thấy, hầu hết các quốc gia thành viên đều nhận thấy

hoạt động gây nuôi hổ nhằm buôn bán các bộ phận cơ thể và thu lợi nhuận là mối đe dọa với công tác bảo tồn hổ hoang dã.

Ngoài ra, Hội nghị cũng nâng mức bảo vệ cá mập mắt, cá mập lưa và cá đuối quỷ lên Phụ lục II của Công ước CITES, mặc dù gặp phải sự phản đối quyết liệt của Nhật Bản, Iceland và Trung Quốc. Được liệt kê trong Phụ lục II đồng nghĩa với những biện pháp kiểm soát, bao gồm việc đảm bảo tính bền vững của ngành khai thác thủy sản, sẽ được áp dụng cho các loài này. Hy vọng rằng mức độ bảo vệ mới sẽ ngăn chặn sự suy giảm số lượng nghiêm trọng của các loài cá mập và cá đuối quỷ, vốn phát sinh từ nhu cầu tiêu thụ súp vảy cá mập và cá đuối quỷ trong y học cổ truyền.

Ngoài ra, Hội nghị đã thảo luận, xem xét và quyết định nhiều nội dung quan trọng liên quan đến thực thi CITES như sửa đổi phụ lục các loài



động, thực vật thuộc CITES; sửa đổi các nghị quyết, quyết định thực thi Công ước; tăng cường hợp tác với các thể chế quốc tế khác; tăng cường năng lực; sinh kế bền vững; nâng cao nhận thức và giảm nhu cầu sử dụng động vật hoang dã; thực thi pháp luật chống tội phạm vi phạm pháp luật bảo vệ động, thực vật hoang dã và nghiên cứu khoa học trong thực thi CITES.... Đồng thời, Hội nghị nhấn mạnh việc săn bắn trộm, buôn bán các động vật hoang dã trái phép đã và đang ảnh hưởng đến gần 500 loài, đặc biệt các cá thể động vật hoang dã quý hiếm như voi, tê giác, sư tử... tại châu Phi và nhiều quốc gia khác trên thế giới.

CoP 17 là cuộc họp lớn nhất trong lịch sử 43 năm của CITES, với sự tham dự của 152 quốc gia, nhằm đưa ra quyết định liên quan đến các đề xuất đối với 62 loài ĐVHD từ 64 quốc gia thành viên. Hơn 3.500 người đã tham gia sự kiện được Tổng thư ký CITES John E. Scanlon ví như một “nước cờ quyết định” để đưa ra một loạt các quyết sách quan trọng nhằm quản lý các hoạt động buôn bán quốc tế ĐVHD một cách hợp pháp, bền vững và có kiểm soát, bao gồm những biện pháp cứng rắn nhằm tuyên chiến mạnh mẽ với nạn buôn bán ĐVHD trái phép, nâng cấp bảo vệ nhiều loài ĐVHD, đề xuất những chiến lược giảm thiểu nhu cầu tiêu thụ ĐVHD trái phép, và cam kết phối hợp chặt chẽ hơn với các cộng đồng địa phương trong việc bảo vệ ĐVHD■

MINH PHƯỢNG
(Trung tâm EVN)

Mô hình quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Penang, Malaixia

Hiện nay, tại các đô thị, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh ngày càng lớn đặt ra những thách thức đối với nhiều quốc gia trên thế giới. Một số quốc gia đã quản lý chất thải bằng cách biến chất thải thành tài nguyên, đem lại hiệu quả về kinh tế và BVMT. Một trong những mô hình thành công theo phương thức quản lý trên là TP. Penang, Malaixia.



▲ Học sinh trường Trung học Heng Ee (Penang) thực hiện phân loại chất thải hữu cơ

Penang (tên gọi khác là George Town) là TP của bang Penang (Malaixia), có diện tích 1.024 km² với dân số 1,6 triệu người. Trước đây, Penang là một thương cảng quốc tế sầm uất ở eo biển Malacca và đến nay, đã phát triển thành TP có nền kinh tế đứng thứ 3 tại Malaixia. Nền kinh tế của Penang chủ yếu dựa vào nông nghiệp, du lịch và sản xuất, chế tạo công nghiệp.

Cùng với tốc độ đô thị hóa và sự phát triển kinh tế nhanh, lượng rác thải của TP ngày càng gia tăng đã tạo sức ép cho chính quyền trong việc giải quyết bài toán xử lý rác thải khi diện tích đất chôn lấp không còn. Theo thống kê năm 2012, mỗi ngày, đảo Penang phát sinh 790 tấn chất thải, trong đó chất thải hữu cơ chiếm từ 40 - 60% tổng số

chất thải (chủ yếu là thực phẩm và chất thải từ khu vườn gia đình), còn lại là các loại chất thải khác như giấy, nhựa, kim loại... Mỗi ngày, Penang có 300 xe tải thu gom rác chuyển đến trạm trung chuyển Batu Maung ở phía Nam và xếp lên một chiếc xà lan lớn (có 3 chuyến xà lan/ngày), sau đó, xà lan chở các thùng chứa rác đến bãi chôn lấp Pulau Burong (tỉnh Seberang Perai) để xử lý. Ước tính, để xử lý mỗi tấn rác từ Penang đến Pulau Burong, chính quyền địa phương phải chi khoảng 130 Ringgit (tương đương 41 USD).

Tháng 4/2007 đã xảy ra sự cố môi trường khi chiếc xà lan chở rác từ Penang đến Pulau Burong bị chìm ở biển Malacca, làm cho hàng tấn rác thải nổi trên mặt biển, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và tác động



tiêu cực đến hệ sinh thái biển. Sau khi vụ việc xảy ra, người dân Pulau Burong đã biểu tình để phản đối việc vận chuyển rác thải từ đảo Penang đến và điều này buộc Chính phủ Malaixia phải tìm giải pháp giải quyết vấn đề rác thải sinh hoạt của Penang.

Để giải quyết vấn đề rác thải sinh hoạt tại Penang cũng như các địa phương khác, Chính phủ Malaixia đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để tăng cường công tác quản lý chất thải rắn (CTR), đặc biệt là thực hiện chiến lược kiểm soát, quản lý chất thải theo hướng áp dụng 3R (giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế), biến chất thải thành tài nguyên. Với sự chỉ đạo của Chính phủ Malaixia cùng sự hỗ trợ, hướng dẫn của các chuyên gia thuộc Chương trình Môi trường Liên hợp quốc (UNEP), chính quyền Penang đã thực hiện công tác quản lý tổng hợp CTR thông qua các hoạt động thúc đẩy tái chế, giảm thiểu chất thải chôn lấp, hướng đến nền kinh tế tuần hoàn và bền vững. Bên cạnh việc tổ chức nhiều chiến dịch truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng về tác hại của rác thải đối với môi trường, kinh tế - xã hội, Penang đã thiết lập bộ máy quản lý chất thải, gồm 2 cơ quan chịu trách nhiệm: Hội đồng TP. Penang (MPPP) và Hội đồng TP. Perai Seberang (MPSP). Ngoài ra, Penang cũng xây dựng chính sách quản lý chất thải hữu cơ nhằm thúc đẩy việc phân loại, xử lý chất thải hữu cơ tại nguồn, giảm chi phí vận chuyển, xử lý rác.

Theo đó, việc phân loại rác tại nguồn được triển khai tại các hộ gia đình, chợ, khách sạn, bệnh viện và trường học, nhà hàng dưới sự kiểm soát chặt chẽ của chính quyền TP. Bên cạnh đó, Penang tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân, các nhà quản lý, công nhân viên về lợi ích của việc phân loại chất thải và yêu cầu họ đưa ra cam kết về phân loại rác tại nguồn. Nếu chất thải không được phân loại, đơn vị thu gom sẽ không tiếp nhận.

Đối với các đơn vị thu gom tư nhân, Penang tổ chức đấu thầu và ưu tiên những đơn vị có khả năng xử lý

chất thải hữu cơ tại chỗ; đồng thời, áp dụng phương thức thu gom riêng đối với từng chủ nguồn thải (triển khai hệ thống thu gom chất thải chân không cho trung tâm thương mại, chợ...). Chính quyền địa phương cũng tiến hành nâng cấp hệ thống xử lý chất thải cho khu nhà hàng, khách sạn, nơi bán thực phẩm bằng cách lắp đặt các máy chế biến thực phẩm để không còn thức ăn thừa, biến rác thải hữu cơ thành phân compost; hay chất thải thực phẩm được sản xuất thành khí sinh học phục vụ đun, nấu thức ăn cho các trang trại, khu dân cư nhỏ, ký túc xá... Dầu ăn được tận dụng và chế biến thành nhiên liệu cho lò hơi, hay làm xà phòng, dầu diesel sinh học.

Theo quy định của Penang, các loại rác thải có thể tái chế như giấy loại, chai lọ thủy tinh, vỏ đồ hộp... được thu gom vào các thùng chứa riêng. Người dân đem đến thùng rác trong khu dân cư, hoặc có thể gọi điện để bộ phận chuyên trách mang đi nhưng phải thanh toán phí thông qua việc mua tem dán vào các túi rác này theo trọng lượng.

Nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý chất thải theo 3R, chính quyền Penang đã đưa ra các chính sách khuyến khích, khen thưởng đối với sáng kiến thân thiện môi trường, cũng như kỷ luật, xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm trong phân loại, thu gom và tái chế rác thải sinh hoạt của người dân. Cụ thể, nếu thực hiện hiệu quả việc tái chế, nhà quản lý, cán bộ, nhân viên sẽ được thăng chức. Đối với các hộ gia đình, cơ sở tiểu thương, khi tiến hành hoạt động tái chế chất thải sẽ được hỗ trợ kinh phí, nhưng nếu không thực hiện đúng quy trình thu gom, để phát sinh chất thải quá mức, họ sẽ phải trả phí (lượng chất thải phát sinh càng nhiều thì số tiền phí càng lớn).

Có thể nói, việc thực hiện quản lý CTR phù hợp với phương pháp 3R đã giúp Penang giảm được lượng rác thải phát sinh, góp phần hình thành một TP không chất thải và phát triển bền vững■

P. LINH (Theo UNEP)

● Nguy cơ tuyệt chủng loài báo tuyết quý hiếm



Theo thống kê của Mạng lưới giám sát buôn bán động, thực vật hoang dã (TRAFFIC), từ năm 2008, trung bình mỗi năm có từ 221 - 450 cá thể báo tuyết bị giết hại bất hợp pháp tại các vùng núi hẻo lánh từ Trung Quốc đến Tajikistan. Mặc dù, tại 12 quốc gia châu Á đã có lệnh cấm săn bắn báo tuyết, nhưng tình trạng giết hại báo tuyết vẫn đang gia tăng, dẫn đến nguy cơ tuyệt chủng loài động vật này.

Báo cáo của TRAFFIC công bố, khoảng 50% cá thể báo tuyết bị sát hại là do những người nông dân bắn để bảo vệ đàn cừu, dê và các loài vật nuôi khác. Ngoài ra, một lượng lớn báo tuyết cũng bị các thợ săn bắn vì mục đích thương mại, hoặc mắc kẹt trong bẫy thú mà thợ đi săn dùng để bắt các loài động vật khác như hươu, nai... Tuy nhiên, công tác bảo vệ loài báo quý hiếm này hiện đang gặp nhiều khó khăn do chúng sống trong những khu vực con người khó tiếp cận, trong đó có dãy núi Himalaya.

Báo tuyết là một loài thuộc họ mèo, sống trong các dãy núi ở Trung Á. Theo Sách đỏ thế giới, ước tính số lượng báo tuyết trên toàn cầu hiện còn khoảng từ 4.080 - 6.590 cá thể.

GIÁNG HƯƠNG



EDITORIAL COUNCIL

Nguyễn Văn Tài
(Chairman)

Prof. Dr. **Đặng Kim Chi**
Dr. **Mai Thanh Dung**
Prof. DrSc. **Phạm Ngọc Đăng**
Dr. **Nguyễn Thế Đồng**
Prof. Dr. **Nguyễn Văn Phước**
Dr. **Nguyễn Ngọc Sinh**
Assoc.Prof.Dr. **Nguyễn Danh Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Kế Sơn**
Assoc.Prof.Dr. **Lê Văn Thắng**
Prof. Dr. **Trần Thực**
Dr. **Hoàng Văn Thúc**
Assoc.Prof.Dr. **Trương Mạnh Tiến**
Prof. Dr. **Lê Văn Trình**
Prof.Dr. **Nguyễn Anh Tuấn**
Dr. **Hoàng Dương Tùng**
Prof. Dr. **Bùi Cách Tuyền**

EDITOR - IN - CHIEF

Đỗ Thanh Thủy
Tel: (04) 61281438

OFFICE

● Hanoi:

Floor 7, lot E2, Duong Dinh Nghe Str.,
Cau Giay Dist. Hanoi
Managing board: (04) 66569135
Editorial board: (04) 61281446
Fax: (04) 39412053
Email: tapchimoitruongtcmmt@vea.gov.vn
<http://www.tapchimoitruong.vn>

● Ho Chi Minh City:

A 403, 4th floor - MONRE's office complex,
No. 200 - Ly Chinh Thang Street,
9 ward, 3 district, Ho Chi Minh city
Tel: 08.66814471; Fax: 08.62676875
Email: tcmtpgianam@gmail.com

PUBLICATION PERMIT

Nº 1347/GP-BTTTT - Date 23/8/2011

Photo on the cover page:

**Groundbreaking ceremony for Hanoi
city Yen Xa Sewerage system project**

Photo by: TTXVN

Processed & printed by:

T&V Trade Printed Design Co., Ltd

Nº 10/2016

Price: 15.000VND

IN THIS ISSUE



EVENTS - ACTIVITIES

- [2] • Enhancing cooperation in pollution treatment
- [2] • Viet Nam and France boost cooperation in natural resources and environment
- [2] • Viet Nam joins Pollutec 2016
- [3] • Strengthening cooperation in sustainable production and consumption between ASEAN and counterparts
- [3] • Inspection on natural resources and environment compliance of Nui Phao's Project
- [4] • Ha Noi invests in wastewater treatment plants



LAW - POLICY

- [5] **NGUYỄN KIM TUYẾN:** Solutions for developing human resources for environmental management in Viet Nam
- [8] **HOÀNG THỊ THANH NHÂN:** Enhancing wildlife conservation in Viet Nam
- [12] **NGÔ THỊ HỒNG KHÁNH:** Mobilizes socialization in pollution remediation in craft villages
- [14] **THÚY NGÀ:** Quang Tri strengthens wildlife conservation and management
- [16] **PHẠM THỊ VUI:** Boosting air quality management in Bac Ninh
- [17] **TRẦN THỊ HƯƠNG:** Thai Nguyen implements Prime Minister's Directive 25/CT-TTg



VIEW EXCHANGE - FORUM

- [18] **VŨ NGỌC LÂN:** "People know, people discuss, people do and people check" with environmental protection
- [20] **TRẦN LÊ TRÀ:** Environmental refuges in Mekong Delta: a near future
- [23] **NGUYỄN ĐÌNH VIỆT:** Light pollution potential hazard



GREEN SOLUTIONS - TECHNOLOGY

- [24] **CAO TRƯỜNG SƠN - NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH:** Effectiveness of applying cleaner technology in some tapioca production factories in Nghe An
- [26] **NGUYỄN THỊ THU HẪ:** Applying integrated approach in assessing state of environment in Dong Van District, Ha Giang
- [28] **NGUYỄN THỊ HUỆ:** Environmental protection solutions in coal mining in Quang Ninh
- [29] **DŨ VĂN TOÁN:** Ecological status and proposed solutions for environmental protection in Tho Chu archipelago
- [31] **NÔNG ĐÌNH THI:** Forest Protection and Development Fund: boosting cooperation in forest protection



ENVIRONMENT & BUSINESS

- [32] **GIA LINH:** An Giang Urban Environment Company Ltd Company: efforts in contributing to clean, green and beautiful city
- [34] **HƯƠNG TRẦN:** Ha Tu Coal Company: good example in environmental protection and work safety
- [36] **ĐỖ ANH DŨNG:** Informatics, Technology and Environment Company: 20 years of establishment and development



GREEN GROWTH

- [38] **HOÀNG VĂN THẮNG:** West Lake's ecological services in the context of climate change
- [42] **LƯƠNG HỒNG HẠNH:** Effectiveness of Korea's investment in green technology



ENVIRONMENT & DEVELOPMENT

- [44] **NGUYỄN PHƯƠNG:** Wild animal pet raising: potential hazards to humans and animals
- [45] **HOÀNG DƯƠNG:** When water source is polluted
- [46] **TRẦN THU TRANG:** Enhancing wildlife conservation in Ba Be National Park
- [48] **MINH NGUYỆT:** Young scientist passionate about flora research and conservation
- [49] **NGUYỄN ĐÌNH HÒE:** Fujian cypress joint management model by Co Tu ethnic minority group



AROUND THE WORLD

- [50] **MINH PHƯƠNG:** CITES 17th conference of parties: success and challenges
- [51] **PHƯƠNG LINH:** Domestic waste management model in Penang, Malaysia

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI THÁI HUNG THỊNH

Địa chỉ: Ấp 4B, xã Bình Mỹ, H. Củ Chi, TP. HCM - ĐT: 0948.789.799

GIÁM ĐỐC: ĐỖ TÂN DŨNG



*Chúc Mừng Năm Mới
2017*



THAI HUNG THINH CO., LTD

Là công ty chuyên sản xuất
Cao Su Thiên Nhiên: SVR10 - SVR20



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ MỎ - MININGTECO

Địa chỉ: 187 Bể Văn Đàn, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành Phố Hà Nội
Điện thoại: 0433521943 | Fax: 0433554423 | Email: Miningteco08@gmail.com



*Chung tay vì một môi trường
Khánh - Sạch - Đẹp*



CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẾN VỮNG AN ĐIỀN

Văn phòng: T6/43M, KP. Bình Thuận 2, P. Thuận Giao, TX. Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
ĐT - FAX: 0650 3948 739

THU GOM XỬ LÝ CHẤT THẢI - BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty chúng tôi chuyên:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại
- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp
- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt
- Thu mua phế liệu sau khi xử lý
- Tư vấn môi trường

Quý Doanh nghiệp quan tâm vui lòng liên hệ với chúng tôi qua số điện thoại 0650.3948.739/ 0650.3715.754

hoặc gửi mail về địa chỉ: andienbv@gmail.com để được tư vấn miễn phí.



CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SƠN TÙNG

SONTUNG TRADING AND SERVICE COMPANY LIMITED

Chúc Mừng Năm Mới 2017



Địa chỉ: Minh Khai, TT Nhựt Quới, Văn Lâm, Hưng Yên
Tel: 0321 3 785 866 - Fax: 0321 3 985 323
Website: sontungplastic.vn - MST: 0900298761

TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ HOÀNG MAI

Địa chỉ: Khối 1, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An.



Chúc Mừng Năm Mới 2017

CÔNG TY TNHH NGỌC THIÊN

Địa chỉ: Đông Mai - Cù Dận - Văn Lâm - Hưng Yên



*Chung tay vì một môi trường
Khánh - Sạch - Đẹp*

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT NGỌC TÂN HIẾN



*Chúc Mừng Năm Mới
2017*

Địa chỉ: 17/006, Thôn 6, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Hưng, Tỉnh Long An.
Mô hình: Sản xuất và kinh doanh.



PETROLIMEX

CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU & TM PETROLIMEX NHÀ MÁY TÁI CHẾ, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP VÀ NGUY HẠI

Địa chỉ: 70 Đường số 20, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
Địa chỉ nhà máy: 267/4 Nguyễn Bình, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP. HCM
Điện thoại: (08) 6298 5028 – 3782 8460 – Fax: (08) 6298 5045



ISO 9001:2008

CÁC ĐẠI LÝ THU GOM, VẬN CHUYỂN

Công ty TNHH MTV DV Môi trường và Xử lý Chất thải Hà Lan
Công ty TNHH Xây dựng TM DV Môi trường Sài Gòn Xanh
Công ty TNHH TM Vận tải Xăng dầu Việt Phát Hưng
Công ty TNHH DV Môi trường Việt Anh

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ VÀ TÁI CHẾ CHẤT THẢI

Thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại
Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp thông thường
Thu mua phế liệu

TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG

Lập các báo cáo chuyên ngành môi trường: ĐTM, Đề án BVMT,
Kế hoạch BVMT, Chủ nguồn thải CTNH, Báo cáo giám sát môi trường định kỳ, Báo cáo QL CTNH định kỳ, ...
Lập dự án đầu tư
Lập hồ sơ Giấy phép Hành nghề QL CTNH
Tư vấn môi trường

HÌNH ẢNH MỘT SỐ THIẾT BỊ XỬ LÝ



Lò đốt RI 150



Hệ thống xử lý nước thải



Máy phân ly tinh
CYF 2B



Máy súc rửa thùng phuy



PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN CHUYÊN DỤNG



05 tàu vận chuyển



02 xe bồn



08 xe tải thùng kín và phủ bạt



Thiết bị chuyên
dụng ứng cứu sự cố



EVN NPC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN LƯỚI ĐIỆN

Ban quản lý dự án lưới điện là thành viên trực thuộc TCT ĐLMB được thành lập ngày 5/3/1999 và được thành lập lại theo quyết định số 161/QĐ-EVN NPC ngày 16/4/2010 của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc, có nhiệm vụ làm đầu mối quản lý các dự án đầu tư xây dựng các công trình lưới và trạm điện thuộc khu vực phía Bắc. Từ nhiệm vụ đó, Ban quản lý dự án lưới điện đã không ngừng đổi mới công tác quản trị doanh nghiệp, tối ưu hóa chi phí quản lý theo chỉ đạo của Tổng Công ty Điện lực miền Bắc.

- Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án lưới điện (Power Network Project Management Board)

- Đơn vị quản lý: Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (Northern Power Corporation)

Trụ sở chính: Số 22 Ngõ 399, Đường Âu Cơ – Tây Hồ – Hà Nội
Tel: (+84) 4 22139252; FAX 04 37166920

- Giám đốc: Ông Lê Quang Thái

- Tổng số nhân viên: 200

Lĩnh vực hoạt động:

- Quản lý các dự án lưới điện có cấp điện áp đến 220KV thuộc NPC do Tập đoàn điện lực Việt Nam giao cho Tổng Công ty điện lực Miền Bắc theo phân cấp và theo giấy phép hoạt động điện lực số: 48 /GP - ĐTLĐ ngày 04/6/2013 của Cục điều tiết điện lực Bộ Công Thương;
- Quản lý dự án phát triển điện nông thôn do ngân hàng thế giới tài trợ;
- Quản lý các dự án lưới điện vay vốn nước ngoài và các dự án thuộc nguồn vốn khác của NPC;
- Thẩm tra dự án đầu tư, tổng mức đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán của các dự án được giao;
- Thực hiện một số nhiệm vụ tư vấn như: lập dự án đầu tư; đầu thầu, tổ chức công tác đến tư vấn giải phóng mặt bằng; giám sát chất lượng công trình... của các dự án do NPC quản lý.

Tổng



CÔNG TY TNHH XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG XANH TOÀN CẦU

Điện thoại: 08 38 165 838
Email: moitruongxanhtoancau2015@gmail.com - website: moitruongxanhtoancau.com
Địa chỉ: 84/12 Đường Bắc Hiền, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, Hồ Chí Minh
Môi Trường Xanh Cho Cuộc Sống Xanh

Công ty TNHH Xử lý Môi trường Xanh Toàn Cầu là đại lý của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị An Giang. Công ty hàng đầu trong lĩnh vực môi trường cung cấp các dịch vụ tốt nhất, chuyên:

- Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp.
- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải.
- Tư vấn thiết kế, thi công bãi rác, lò đốt, hệ thống xử lý chất thải.
- Cung cấp nguyên liệu làm phân bón vi sinh.
- Cung cấp đất sạch để trồng cây, trồng rau.
- Tư vấn dịch vụ môi trường.
- Cung cấp than đá các loại.

Với chức năng xử lý lò đốt rác công suất lớn. Nhà máy xử lý nước thải, chất thải nguy hại. Nhà máy xử lý bùn công nghiệp làm phân bón.

Năng lực có sẵn cùng với quy mô đầu tư lớn, tiêu chí uy tín - chuyên nghiệp - nhanh chóng cùng với chính đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm, năng động và nhiệt tình, chúng tôi rất mong muốn được hợp tác và đồng hành lâu dài với Quý khách hàng cùng nhau tạo ra môi trường xanh sạch đẹp.

Sẽ là hoàn hảo nếu sự lựa chọn của Quý Khách là Công ty TNHH Xử lý Môi trường Xanh Toàn Cầu. Hy vọng sẽ được đồng hành cùng quý khách trong thời gian sớm nhất.



Trụ sở chính: Số 22 Ngõ 399, Đường Âu Cơ – Tây Hồ – Hà Nội
Tel: (+84) 4 22139252; FAX 04 37166920



CÔNG TY TNHH THANH BÌNH I

Địa chỉ trụ sở: 123 Huỳnh Đăng Thơ, Phường Quang Trung,
TP Kon Tum, Tỉnh Kon Tum

Chi nhánh: Khu du lịch sinh thái Pa Sý Măng Đen,
Xã Đắk Long, Huyện Kon Plông, Tỉnh Kon Tum

* Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng các công trình: Thủy lợi; Giao thông; Dân dụng.
- Khai thác khu du lịch sinh thái Pa Sý Măng Đen.

Thác Pa Sý - Tuyệt Cảnh Giữa Đại Ngàn Tây Nguyên Hùng Vĩ

Thác Pa Sý nằm ở trung tâm khu du lịch sinh thái - văn hóa thác Pa Sý, thuộc huyện Kon Plông, phía đông nam tỉnh Kon Tum. Giữa muôn vàn cảnh đẹp của tạo hóa trao tặng cho vùng đất Tây Nguyên, thác Pa Sý hiện lên như một điểm đến lý tưởng cho những người đam mê khám phá, yêu thích thiên nhiên. Là địa điểm du lịch mới khai thác của tỉnh Kon Tum, thác Pa Sý vẫn còn giữ nguyên vẹn hồn thiên nhiên sẵn có mà bất cứ ai đến đây cũng phải choáng ngợp.

Thác Pa Sý nằm ở độ cao khoảng 1.500m so với mực nước biển. Thác được hình thành từ 3 ngọn suối lớn nhất ở Măng Đen. Khu du lịch sinh thái thác Pa Sý có tổng diện tích 25ha và đã được Công ty TNHH Thanh Bình I đầu tư gần 20 tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch như: Hệ thống đường đi, nhà rừng văn hóa, xưởng sản xuất sản phẩm thủ công mỹ nghệ, nhà trưng bày văn hóa của người dân tộc Rơ Măm, trang trại trồng rau và hoa...

Đến với khu du lịch sinh thái thác Pa Sý, du khách còn được thưởng lãm hàng nghìn tương gỗ do các nghệ nhân thuộc nhiều tộc người trên địa bàn tỉnh Kon Tum chế tác, hay tham gia những lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc của người Rơ Măm như: Tết gieo mạ và mừng lúa mới, cúng chuông trâu, tục tưng....

Bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2014, đến nay Khu du lịch thác Pa Sý đã tạo nên một điểm nhấn cho nền du lịch Kon Tum, có sức hút mạnh với du khách gần xa và du khách quốc tế. Hy vọng trong tương lai không xa, khu du lịch sinh thái thác Pa Sý sẽ trở thành điểm đến yêu thích, thu hút sự quan tâm của nhiều du khách khi đến với Kon Tum.



**Chào mừng 62 năm
ngày Giải phóng Thủ Đức
(10/10/1954 - 10/10/2016)**

HUYỆN QUỲNH LƯU - TỈNH NGHỆ AN ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TNMT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2016



Quỳnh Lưu có diện tích tự nhiên 43.615,51ha; trong đó đất nông nghiệp 32.822,20ha, đất phi nông nghiệp 8.366,23ha, đất chưa sử dụng 2.427,08ha; địa hình phức tạp có đồng bằng, trung du và miền núi, dân số đông với hơn 26 vạn người. Trong 9 tháng đầu năm 2016, được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Huyện ủy, HĐND huyện, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của đội ngũ cán bộ công chức viên chức, UBND huyện đã hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch và vượt một số chỉ tiêu trong công tác quản lý nhà nước về

tài nguyên và môi trường 9 tháng đầu năm 2016, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của huyện nhà.

Trong 9 tháng đầu năm 2016, UBND huyện ban hành Ban hành 96 văn bản điều hành, chỉ đạo trong công tác quản lý đất đai, khoáng sản và môi trường. Tổ chức được 01 cuộc giao ban công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên và Môi trường theo kế hoạch; 01 hội nghị đẩy nhanh tiến độ lập hồ sơ đấu giá đất ở trên địa bàn huyện; 01 Hội nghị đẩy nhanh tiến độ lập kế hoạch sử dụng đất; phối hợp với UBND tỉnh tổ chức giao ban trực tuyến nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác cấp GCNQSD đất trên địa bàn toàn huyện. Tổ chức mít tinh hưởng ứng, tuyên truyền ngày môi trường thế giới, tuần lễ Biển và Hải đảo, ngày đại dương thế giới, giờ trái đất, ngày đa dạng sinh học; ngày nước thế giới; chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn.... Bên cạnh đó công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các qui định pháp luật và xử lý vi phạm, giải quyết các khiếu nại, tố cáo được quan tâm và chỉ đạo quyết liệt. Thực hiện tốt công tác phối hợp trong thanh tra, kiểm tra do Thanh tra tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND Huyện chủ trì. Thành lập các đoàn thanh tra và tổ chức thanh tra công tác quản lý Nhà nước và đất đai, môi trường, khoảng sản tại một số xã theo kế hoạch đã được phê duyệt. Thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 09/3/2016 kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện. Tiếp nhận 132 lượt đơn, trong đó đã giải quyết và có công văn trả lời 126 lượt đơn thư, còn 06 lượt đơn đang giải quyết. Việc giải quyết đơn thư đảm bảo đúng qui trình và cơ bản đảm bảo thời gian qui định.

Trong thời gian 3 tháng còn lại của năm 2016, cần tiếp trung giải quyết và tháo gỡ những vấn đề còn tồn tại, thực hiện nghiêm túc chương trình kế hoạch cơ sở hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật đất đai, các Quyết định của UBND tỉnh. Triển khai tốt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công khai rộng rãi qui hoạch thực hiện tuân thủ theo qui hoạch, kế hoạch. Thực hiện tốt công tác đấu giá đất, định giá đất đúng đối tượng qui định đảm bảo quyền lợi cho nhân dân. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch. Tổ chức giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân kịp thời đúng quy định của pháp luật. Hoàn thiện công tác giải phòng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY ĐÔNG ANH



Công ty Cổ phần Giấy Đông Anh, khởi nguồn từ Xi nghiệp gia công giấy xuất khẩu Đông Anh, được thành lập theo Quyết định số 1631/QĐBTM ngày 05/11/2004 và Quyết định số 1312/QĐBTM ngày 28/04/2005 của Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương),

chính thức ra đời và đi vào hoạt động theo mô hình mới ngày 01/7/2005. Trải qua 20 năm hoạt động, với nhiều biến cố thăng trầm trong kinh doanh, Công ty Cổ phần giấy Đông Anh ngày nay đã từng bước đi vào ổn định và phát triển vững mạnh. Với hơn 3 nghìn lao động, mỗi năm Công ty Cổ phần Giấy Đông Anh xuất khẩu ra thị trường hơn 3 triệu đôi giấy các loại, nộp ngân sách Nhà nước hơn 6 tỷ đồng, đảm bảo ổn định công ăn việc làm cho người lao động, an sinh xã hội trên địa bàn huyện Đông Anh.

Với phương châm "Ổn định đời sống cho người lao động, tất cả vì người lao động", Công ty đã duy trì hoạt động phát triển kinh doanh, đáp ứng nhu cầu giải quyết việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, với mức thu nhập bình quân đạt 6,5 triệu đồng/người/tháng, thực hiện đầy đủ các chính sách pháp luật về quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

Công ty Cổ phần Giấy Đông Anh, xây dựng và phát triển thương hiệu trên tinh thần đoàn kết, nâng cao đời sống, hợp tác cùng phát triển.

Địa chỉ: Tổ 37, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội
Điện thoại: 04 38 833777; Fax: 04 38 832085



Dolacera

CÔNG TY TNHH SỨ ĐÔNG LÂM

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Tiền Hải - Thái Bình

ĐT: 84. 036. 781868 Fax: 84. 036. 781578

Website: www.dolacera.com.vn

Email: donglam_ceramic@vnn.vn



naprod

CÔNG TY CP THỰC PHẨM NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 47, Đường Nguyễn Cảnh Hoan, P. Quán Bàu, TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An



Trộn vụn từ thiên nhiên



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG TRỜI XANH

Đường A, KCX & CN Linh Trung III Ấp Suối Sâu, Xã An Tịnh, Trảng Bàng, Tây Ninh
ĐT: 066.3899201 - Email: troixanhmt@yahoo.com

- Công ty TNHH Môi Trường Trời Xanh thành lập vào ngày 23/02/2012.

- Hơn 04 năm hình thành và phát triển, từ những bước đi đầu tiên của công ty với những thử thách ban đầu và đội ngũ nhân viên kỹ thuật có chuyên môn cao về lĩnh vực môi trường được đào tạo chính quy có nhiều kinh nghiệm và tâm huyết với nghề. Hiện nay, Công ty Trời Xanh đang từng bước tiếp cận với thị trường hoạt động lĩnh vực môi trường trong địa bàn Tỉnh Tây Ninh, khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành lân cận.

- Với mong muốn đóng góp công sức cho công tác bảo vệ môi trường tại Tỉnh Tây Ninh, TP.HCM và khắp đất nước, toàn thể nhân viên Công ty TNHH Môi Trường Trời Xanh sẽ nỗ lực hết sức mình để đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng về tất cả lĩnh vực hoạt động có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh chính: - Thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý các loại chất thải rắn: sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại.

- Dịch vụ tư vấn về lĩnh vực môi trường

- Thu mua phế liệu sản xuất



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 - URENCO 11

CHUYÊN NGHIỆP, HIỆU QUẢ, ĐÚNG PHÁP LUẬT VÀ HÀI LÒNG KHÁCH HÀNG

SẢN PHẨM DỊCH VỤ:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải.
- Dịch vụ vệ sinh các công trình, cải tạo môi trường sinh thái.
- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm tái chế, tái sử dụng chất thải.
- Tư vấn lập các dự án về môi trường, quan trắc, đánh giá tác động môi trường.
- Tư vấn thiết kế và xây dựng các công trình công nghiệp trong lĩnh vực môi trường.
- Đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực môi trường.

CÁC CÔNG NGHỆ XỬ LÝ CHẤT THẢI:

- Chôn lấp hợp vệ sinh bằng công nghệ hiện đại, tiên tiến.
- Tái chế, tái sử dụng đối với chất thải có khả năng tái chế.
- Tiêu hủy bằng nhiệt trị cao đối với chất thải công nghiệp, y tế & nguy hại.
- Xử lý hóa – lý, hóa rắn đối với chất thải công nghiệp.
- Lưu chứa kiểm soát đối với chất thải đặc biệt.

Địa chỉ: Xã Đại Đồng, Văn Lâm, Hưng Yên

Website: urencodaidong.com.vn / ĐT: 03213 999 072

Email: urencodaidonghungyen@gmail.com / Fax: 03213 981 489



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG AN SINH

Địa chỉ: Phong Lâm, Hoàng Diệu, Gia Lộc, Hải Dương
Tel : 03203717555

TÂM NHÌN – SỨ MỆNH – MỤC TIÊU

1/ Tâm nhìn:

Từng bước xây dựng Công ty cổ phần công nghệ môi trường An Sinh thành Công ty xử lý môi trường chuyên nghiệp, vững mạnh về tổ chức và tiên tiến về công nghệ xử lý môi trường.

2/ Sứ mệnh:

Tạo lập và bảo vệ các giá trị đầu tư bền vững cho chủ sở hữu và đối tác dựa trên sự minh bạch về tài chính, chuyên nghiệp về tổ chức và công nghệ tiên tiến.

Hài hòa những lợi ích cơ bản của chủ sở hữu, người lao động, đối tác và cộng đồng dựa trên phương châm điều hành trung thực và công bằng.

Xây dựng đội ngũ nhân viên đạo đức tốt, giỏi chuyên môn, tác phong làm việc hiện đại trong môi trường làm việc chuyên nghiệp.

Công ty cùng với các doanh nghiệp góp phần bảo vệ môi trường.

Thu gom và xử lý triệt để chất thải nguy hại phát sinh tại các doanh nghiệp.

3/ Mục tiêu:

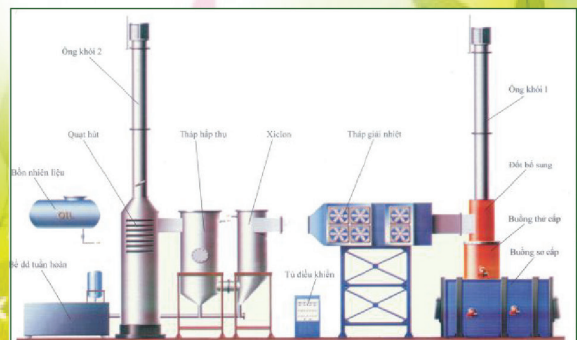
Bảo vệ môi trường khỏi sự ô nhiễm của các chất thải công nghiệp.

Chung tay cùng xã hội bảo vệ môi trường trong sạch cho tương lai

Áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới để xử lý chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất công nghiệp.

Bảo vệ môi trường đồng hành với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Xây dựng công ty ngày càng vững mạnh.



Mô hình hệ thống lò đốt rác công nghiệp FSI - 500